createspace™
an Amazon.com company

Digital Proofer

Vet Chan Tu Nga Tren...

Authored by Nhuy Nguyen

5.0" x 8.0" (12.70 x 20.32 cm)
Black & White on Cream paper
228 pages

ISBN-13: 9781717022981
ISBN-10: 1717022987

Please carefully review your Digital Proof download for formatting, grammar, and design issues that may need to be corrected.

We recommend that you review your book three times, with each time focusing on a different aspect.

1 Check the format, including headers, footers, page numbers, spacing, table of contents, and index.

2 Review any images or graphics and captions if applicable.

3 Read the book for grammatical errors and typos.

Once you are satisfied with your review, you can approve your proof and move forward to the next step in the publishing process.

To print this proof we recommend that you scale the PDF to fit the size of your printer paper.

VẾT CHÂN TỰ NGÃ

TRÊN ĐƯỜNG VỀ KHÔNG

NHỤY NGUYÊN

Nhà xuất bản Ananda Viet Foundation

Copyright © 2018 Nhụy Nguyên & Ananda Viet Foundation
All rights reserved.
ISBN-13: 978-1717022981
ISBN-10: 1717022987

Lời nói đầu

Cõi nhân gian âu là sự phóng chiếu của tâm thức nghiệp báo, song cũng là sự hiện tướng trong màn hình chân như. Khoa học hiện đại thật sự ngạc nhiên khi nhìn thấy lỗ hổng thời gian và đang dần hoài nghi về không gian, như chính *thời-không* từng xuất hiện và biến mất trong giấc mơ qua sự thể nghiệm ở mỗi chúng ta. Trần ai huyễn mộng - chân lý này phải bậc triệt ngộ mới thể nhập thông qua *thiền-tuệ*, ngoài ra không cách gì chứng biết dẫu khoa học có phát triển đến ngưỡng như những nền văn minh trước trái đất từng hoại diệt chăng nữa.

Con người sinh ra hữu ý hay vô tình đều đã nương vào ánh sáng mặt trời mà lớn lên như chính niềm ân sủng vô biên của Phật pháp. Đức Phật là bậc thấu triệt quy luật vận hành của vũ

trụ nhân sinh và thuyết lại y nguyên không chút sáng tạo. Mà trước hết Kinh điển luôn dạy những *căn cốt của triết lý nhân sinh*. Ấy là *nhân quả báo ứng tơ hào không sai, luân hồi lục đạo xoay vần theo nghiệp báo*; ai nỗ lực hành pháp đúng theo lộ trình Giới - Định - Tuệ, dẫu họ ở địa vị thấp hèn nhất vẫn đồng cơ hội chạm đến chiếc chìa khóa mở *Kho tàng Phước-Trí* vốn sẵn nơi Tâm; xem như bảo vệ thành công *Luận án kiếp người*.

Trong nỗ lực bước đầu chập chững hành theo Kinh điển, vẫn biết những gì chia sẻ ra trong cuốn sách nhỏ này, xét riêng về bản thân là tự chướng ngại và đang tiếp tục làm tổn thương người khác. Với lòng chân thành hết mực, cúi mong quý bạn đọc thứ tha cho những dấu vết tự ngã sâu nặng của tác giả ẩn hiện trong từng dòng chữ lẽ ra im lặng vẫn hơn.

Phần I

THẬT CÓ TA KHÔNG?

Lẫy lừng lâu đài ảo ảnh

Lâu Đài Ảo Ảnh, cũng là Nhà Tù Luân Hồi được Đức Phật tìm mọi phương tiện khuyên/giúp chúng sanh ra khỏi. Một hành giả khi phát hiện ra bản chất ảo của ngôi nhà tù mình "trú ngụ", đồng với việc phát hiện kẻ gian từ lâu đeo mặt nạ sống ký sinh hủy hoại ta. Nhưng việc phá nhà tù này không phải diệt trừ, mà là một sự chuyển hóa nội tâm quyết liệt đầy bao dung.

Tham đắm ảo ảnh, tôi và bạn mặc nhiên để ảo ảnh chi phối toàn triệt thân tâm. Khu vườn đối diện nhà tôi có cây mai lớn, năm vừa rồi qua đến giữa tháng 2 âm lịch hoa mới bung vàng rực vào dịp mưa phùn se lạnh. Tôi đứng ngắm một hồi, cũng đẹp, nhưng cảm giác nhàn nhạt. Phải rồi, nếu cây mai bung nụ nghinh xuân thì tôi bàng hoàng, đôi khi còn khuỵu xuống bởi niềm rung

cảm sâu xa của *thọ ấm*. Vẻ đẹp cây mai không khác, chỉ khác là nó đặt nhầm thời gian nên tầm thường. Để thấy bản thân hoa mai không đẹp như ta *tưởng*, mà chính bởi cái ký ức ảo về ngày xuân rộn ràng vô tình tôn vinh nó. Chúng ta nhìn một cây mai nở đúng dịp tết thực chất bị ảo giác mê dụ. Chúng vốn ảo, ta lại không nhận chân tâm đang chiếu soi; ta nhận niệm ảo và theo chúng để vay mướn niềm ân hưởng tội nghiệp. Chúng ta bị không gian tết bao phủ và chính điều này tô sơn lên lâu đài ảo ảnh. Chúng ta có cái đợi mong nên xuân đến vui mười phần, xuân đi ắt khổ mười phần không kém. Còn đợi chờ tức ta từ chối sống với thực tại. Xuân đến cũng là thực tại trong từng giây phút, xuân đi bạn và tôi cũng không thể ra khỏi thời thời khắc khắc thực tại; nhưng chúng ta vì nghiệp ảo nên khước từ để rồi chung sống với những xác thời gian.

Chấp vọng ảo là chấp lấy lục đạo, không hề muốn nhận cái có sẵn luôn ở đó chiếu soi. Có lần tự vấn, biết đâu cha mẹ trước lúc đặt tên cho tôi cũng từng đưa ra vài cái tên khác chọn lựa. Nếu không phải tên tôi bây giờ, mà là cái tên khác, thì nay người ta chửi đến "tên tôi", tôi có màng để tâm?! Cái tên, nó thậm chí không có ý nghĩa gì, song sự chấp trước khiến ai vừa gọi liền vểnh tai nghe xem người ta khen hay chê mình để rồi vọng động thị phi. Giả như tôi xuất ngoại, do không rành ngoại ngữ, người tây chửi, cái tên tôi họ cũng tây hóa thành ra tôi nào biết họ đang chửi mình lút đầu lút mặt. Bởi tôi chấp tên, chấp cái ngã là mình nên ai đụng vào liền như con nhím xù

lông. Và cái tên tôi bây giờ có phải là định nghĩa hoàn toàn đúng cho thân tâm tôi? Rõ là không? Nó giả danh. Cũng vậy, ta đang uống nước chè thì không thể gọi một cái tên khác trừ một đứa trẻ chưa biết ngôn ngữ. Như vậy chè không phải là chè cũng như bất cứ thứ gì trên trần gian. Tôi và bạn chấp chặt mùi vị âm thanh sắc tướng bởi do cái quy định và đặt tên đầu tiên, chúng được lưu trong tàng thức bởi sự quy ước của số đông như đồng tiền hàng ngày ta không thể gọi một tên khác trong lúc bản chất của tiền rỗng không, vốn chỉ là giấy và màu mực. Con chó con mèo cũng chỉ là giả danh được đặt/gọi lần đầu tiên, thành quen, thành ra… nó. Rồi vạn tỉ cái tên khác nếu chúng ta đưa ra xét, thực không liên quan gì đến bản chất của sự vật đó, nghĩa là nó dường như là cái tên gọi cho vui, như chính tên cây Thì Là cổ tích vậy. Còn những cái tên tạm gọi có nghĩa, như chữ tượng hình thuộc hàng cao minh, nó cũng chỉ đúng trong cõi người, hoặc rộng thêm chút thì lấn qua lục đạo, ra ngoài liền chẳng đúng nữa. Xét thêm ở cái nhìn. Nhân vật A rất nổi tiếng, từ lâu tôi vẫn nghĩ ai cũng có cái nhìn về hình tướng của A và cùng có suy nghĩ về A như tôi; bây giờ cảm nghiệm không phải, mà mỗi người đều có ấn tượng khác nhau về khuôn mặt của A. Đáng thương xót là tôi không nhảy được vào mắt bạn và vào mắt bao người để thấy và cảm nhận cái ấn tượng có đúng như tôi thấy và cảm về A hay không; tôi cũng không nhảy vào được tâm ý của họ để xem họ nghĩ về A có giống tôi nghĩ về những tính cách sờ sờ bề nổi của A hay không.

Đó là xét trong một loài. Còn khác loài giả như con vịt, chó mèo nhìn con người mà khoa học đã đưa máy vào mắt chúng để nhìn con người thì quá khôi hài! Thực tế con người sẽ không còn nhận ra con người qua mắt của loài vật. Trong một loài đã không thể giống, bởi nghiệp mỗi người một khác, khác do tâm vọng khác nhau trong từng sát na. Ân sư tôi cũng khế hợp với khoa học hiện đại khai thị rằng, kim cương và gạch ngói đều cùng một chất liệu là các hạt lượng tử, chỉ là cách thức sắp xếp cấu tạo khác mà thôi.

Tôi và bạn mê vui trong cái khổ; còn chân tướng của vui phải là vui bởi nhìn/nhận ra cái khổ-huyễn của đời, rồi *tự* ly. Hai sự này là cả một đại dương của những hành giả quyết bơi qua biển Ái; còn tôi và bạn là những kẻ đang vùng vẫy kêu cứu trong nguy cơ tuyệt vọng! Thập nhị nhân duyên vận hành theo Nghiệp của chính chúng ta vun trồng, là sợi xích khiến cỗ máy luân hồi hoạt động. Mười hai mắt xích nhiều chân sư vẫn khuyên mắt kiên cố nhất đôi khi lại dễ công phá. Một khi cứa dao vào mắt-xích-Ái, *quái vật luân hồi* như bị trúng đạn gục xuống; rồi nó vẫn chạy song là chạy theo quán tính tập khí, dĩ nhiên vẫn có thể đủ sức cuốn một hành giả (giải đãi) trôi hết kiếp trong vô minh và trong *cơn khát* Ái của ảo. Đến đây cần có tuệ chiếu soi và nhờ đó quay ngược lại giới và định để tiếp tục cuộc vượt thoát như loài cá hồi ngược nguồn về cội đầy khổ lụy. Không phân biệt được mọi cảm giác lạc thú là ảo nên tôi và bạn tự phong *kẻ trí* leo lên đỉnh ấy chính là lúc hạ xuống tầng tâm thức của vật; và

do đó những thứ chúng ta *tô vẽ* chỉ là ảo tưởng màu mè quét lên lâu đài xú uế. Muôn pháp vốn dĩ hành đúng theo một quy trình siêu hư cấu hoàn hảo của nhân-quả-tâm-thức; hễ có một pháp méo mó (theo cái nhìn của nghiệp *riêng*) là méo mó trong sự vẹn tròn chính nó. Diệu ngôn này phàm phu tôi không thể nhập. Hiểu, càng thấy xót xa mình và tha nhân, bởi từ cảnh giới Hoa Nghiêm mà nhìn thì ta cùng tha nhân vốn đồng thể bi-trí sẵn đủ. Ân sư của tôi luôn nhắc cần nỗ lực trì giới giúp định phát tuệ phá chấp nhằm hóa giải tham sân si mạn, gỡ nghiệp mình cũng là gỡ nghiệp cho người; ta càng có lòng từ đối với những ai chưa từng được Kinh giáo khai hóa nên có cái nhìn xiên xẹo về ta và muôn pháp. Cũng giống như tâm chiếu ra muôn pháp, lại tự chấp ta làm khán giả xem lại bộ phim do chính *thức* biến để mà ganh đua với những bóng ảo trong gương-tâm-tịch-lặng.

Chúng ta quen sống với ảo ảnh như một xúc tác thiết yếu của đời sống, như một phần kiến tạo lên sự lãng mạn. Mà đó là cảnh giới ma được dựng lập bởi tâm thức mù tối của mình. Chúng ta nhớ về những kỷ niệm đẹp, trong lúc chối bỏ thực tại hiện tiền sống động. Ta hạnh phúc bởi một ảo ảnh về người thân trong quá vãng, đắm vào đó; lúc ta nhớ về một nỗi buồn cũng phải nhận lãnh lực chi phối tương tự. Nó dìm ta xuống, tiêu hao nguồn năng lượng quý báu. Nhớ đến một món dục lạc, ảo ảnh đó phủ lấy ta rút kiệt nhựa sống. Đôi lúc ta đang tận hưởng món ấy chăng nữa, nghiệm kỹ vẫn là đang tận hưởng cảm xúc từ ảo

ảnh quá khứ lưu cữu; còn sự xúc chạm khoái cảm chỉ do hoạt dụng của dây thần kinh - đều là những thông tin ảo. Khoan nói đến nỗi buồn, ngay khi một ảo ảnh về niềm vui đến mà ta không được thỏa mãn, đó chính là khổ não rồi. Mấy ai cảnh tỉnh rằng xúc cảm ảo là ngục tù giam hãm con người từ muôn kiếp khác đến kiếp này trôi qua muôn kiếp nữa. Đến lúc dẫu gặp được ánh sáng Phật pháp chiếu soi, hành giả không quyết ra khỏi kiểu thành quách sương khói này, sẽ vẫn tiếp tục vần xoay lục đạo.

Chợt thấm câu thơ *Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng*. Bởi cụ Nguyễn từng đọc ngàn lần kinh Kim Cang và "ngộ" ở Đài chia kinh trong chuyến đi sứ, nên tôi trộm hiểu, rằng đây không đơn giản là câu thơ tả cảnh, mà là tả "cảnh giới". *Long lanh đáy nước in trời* vẽ lên một bản tâm thuần khiết như gương soi tỏ sự cao rộng mênh mang của bầu trời không chút vẩn đục. Vọng tâm tôi lại không *vô tình* soi vạn vật, mà *hữu ý* thu vào vạn vật rồi phân loại chấp trước so đo chỉnh sửa tẩy xóa. Tôi dựng hàng rào ảo ảnh trên nền của thọ - tưởng - hành ngày một vững như thành quách để bảo toàn tài danh ngũ dục đến bất khả công phá. Tôi dán mác mình lên đó, lâu dần thành lâu đài. Đâu hay đó chỉ là "khói biếc". Phật dạy tướng ấy hư vọng; nên bất cứ ai cũng có thể ra khỏi ngục tù ảo ảnh. Lại thoáng nghĩ bậc thượng thượng căn một phen đốn ngộ chắc ngửa mặt bật khóc. *Non* xanh dưới ánh sáng Phật pháp phản chiếu *cái không* của bậc phá tan thành trì ảo ảnh làm lên một "bóng vàng" rực rỡ. Tôi hình

dung chiếc bóng này với tấm áo phước điền, hay cũng là bóng của vị minh sư ẩn mình loang trên những đỉnh tót vời hư danh.

Bản kinh nguyên thủy Đức Phật thuyết cho *Năm Vị* đệ tử đầu tiên chỉ ra Ngũ uẩn vô ngã, đã khiến họ rúng động tâm thức, chứng đạo. Đến *Tâm kinh* Đại thừa Ngài cũng dạy Ngũ uẩn giai không. Hiểu đã khó, hành cho đủ định lực phá lâu đài ảo ảnh giải phóng bản ngã mở cánh cửa nhà tù luân hồi nhiều khi là chuyện viễn vông. Triết học phương Tây cũng nhìn thấy tự ngã không có tự thể. Tôi và bạn không nên ảo tưởng sớm ra khỏi ấm ma song cần nhận diện. Được thông báo ngày mai ta nhận món quà lớn, vậy là gạt phăng từng phút giây thực tại hiện tiền để bồn chồn, bấn loạn với cái hạnh phúc ảo hoàn toàn chưa có. Không thể yên! Ta đang sập bẫy hành ấm, nó tăng nhiên liệu để sắc thọ tưởng nhân cảm xúc ảo lên trăm ngàn tỉ lần hiện cho ra cảnh ảo (có thể trong mơ), mà trước hết sự chuyển động ấy đương nhiên khiến khổ chủ cuồng loạn. Có anh bạn bảo, cái tánh mình nó nóng thế. Họ cho cái tánh nóng là mình mà thật ra chỉ là một nhà tù ảo. Những vị miên mật sống trong từng khoảnh khắc thực tại "linh cảm" được quá khứ vốn không; tương lai cũng không nốt. Tự hỏi, thời gian vốn không có, tại sao tôi và bạn cứ già đi và chết?

Mọi sự đau khổ đều có nguồn từ *ảo* bởi chúng không có tự thể. Một cái thân ảo, thêm cái ngã ảo thành ra *cái tôi ảo* vật vờ giữa nhân thế phù du. *Sắc* thân tôi vốn tứ đại theo duyên hợp

thành đã hư giả, lại còn dựng thêm lâu đài ảo rồi hợp nhất với nó dung nhốt tự ngã. Do chấp nên mới có thân. Có thân đồng nghĩa với việc chúng ta đã sập bẫy cõi Dục. Cũng do chấp ngã nên mới có cái gọi linh hồn. Thực tế là *vọng tâm mê* đi đầu thai, còn chân tâm chẳng mê mà thuần là cái chiếu soi ảo-vọng. Trong lý nhất chân không thừa nhận linh hồn nhưng do ta chấp quen rồi nên thôi cứ tạm vậy. Có lần tôi hỏi cô bạn: "Tin có linh hồn không?" Cô bảo, đương nhiên. "Hỏi bạn lúc chết thân thối rữa, thì vẫn còn linh hồn ta đúng không?" Cô gật. "Vậy cái thân này đâu phải ta đúng không?" Cô im lặng. Đến đây tôi cũng tự hỏi, ờ, chết đi nếu cái linh giác vẫn còn nhìn được xác mình, vậy thì con mắt này hư giả rồi. Con mắt hư giả sao có thể nhìn đúng cảnh trần được. Con mắt còn nhìn theo tâm ý thức, tâm chấp trước và phân biệt trần cảnh, rồi lưu dấu ấn tượng như những hạt giống nghịch. Con mắt hư giả cũng đồng với sáu căn hư giả. Kinh luôn nhắc chúng sanh trong lục đạo đang mơ! Những thứ trong mơ vì thế đều vọng. Trong mơ sao ta bị đánh thân lại đau, bị chưởi tâm liền sầu khổ chẳng khác lúc tỉnh; là bởi cả hai cảnh đều mơ. Nhưng cảnh ta đang mơ đây chỉ bậc thánh (đã tỉnh) mới thấy hộ. Bạn tu bảo tôi, với phàm chúng ta cũng nên biết, mơ và thực là một cảnh. Tôi khoảng một năm sau mới lờ mờ nhận diện, đúng. Những lúc sắp chìm vào giấc ngủ hay đang thiền mà hôn trầm, khoảnh khắc "ở giữa" ấy tôi cảm nhận một sự chuyển cảnh ngoạn mục. Cứ như tôi đang ở ngoài quán rook; ở ngoài này không hề nghe gì tưởng không

có, nhưng bất thình lình ai đó xô một cái và (cánh cửa bỗng không có), tôi lọt vào trong quán rook song vẫn tôi đó với những buồn vui hờn giận i xì. Rõ nhất là vừa mơ, giật tỉnh, cứ như bước khỏi quán rook. Trong mơ, tôi đã đi rất xa giường chiếu; thậm chí ra nước ngoài song vẫn có một tôi nằm trên giường như cái xác; cũng có thể gọi đó là "cái chết tạm thời". Thần thức rõ ràng không liên quan gì đến cái xác cả, mà bởi do tôi chấp mới thành luân hồi.

Không trú nổi trong thực tại, tôi và bạn liên tục bị chuyển cảnh, bị đâm lao về một tương lai ảo và một quá khứ ảo để còn lại cái ngã ảo với một hiện tại ảo nốt. Thực tại sờ sờ đó thì tôi không dám chạm vào, bởi đưa tay thì sợ buông những thứ dục lạc ảo đang nắm; gặp thiện tri thức tìm cách gở ra liền nổi tham sân trì níu. Dẫu ta đang đói, bỗng người nhà mời gọi xuống ăn cơm; lúc ấy tự nhủ câu mời cơm vừa rồi đã qua chưa, đã thành ảo ảnh chưa, còn thực tại ta đang thấy gì trước mắt, đang nghe gì bên tai và tâm đang hiện tiếp những ảo ảnh gì. Từ chỗ ta đến mâm cơm hãy còn một quãng mà có thể ta không đủ thọ mạng bước tới ngồi xuống ăn; có thể ta sẽ đột quỵ và do đó tại sao không sống với cái thực tại hiện tiền. Tôi cảm phục bạn tu luôn miên mật an trú trong một câu kinh duy nhất, và đó cũng là thực tại duy nhất như phao cứu sinh trên biển ái luân hồi. Một niềm vui đã qua tức khắc trở thành ảo ảnh, một lời chửi mắng tan ngay vào hư không, song ta buồn khổ với nó. Ta không nhìn sự tưởng lại của lời chửi là ảo nên nhốt mình vào. Ta nhận

cái ngã ảo với thân tướng dễ coi này là mình. Sự lập trình của tâm ý thức, thông tin buồn là hầu như đưa tôi và bạn đi xuống. Một khi tham không được phá thì việc bề ngoài tưởng thiện song bên trong "ông chủ" của nó là ái ngã. Sự cám dỗ của tài danh phát xuất từ Ngã chính bởi ta nhận nhầm cái ảo.

Bạn và tôi khởi nguồn từ *si* nên không hay mình vốn là biển cả chứ không phải sóng. Kinh dạy Phật tánh có ở mọi chúng sanh. Sự lập trình của tâm thức từ cơn mê vô thủy khiến chúng ta khuôn mình lại bằng những khái niệm. Giả dụ tâm là thảm cỏ mênh mông ngút mắt, lúc ta nạp vào một khái niệm xem như một ngôi nhà mọc lên. Theo thời gian vô số những khái niệm được chấp chặt để ta chụp bắt thế giới khách quan cho vừa với chúng; vậy là san sát những ngôi nhà, cắt nát mảnh đất tâm màu mỡ với bầu trời thênh thang. Có họa sĩ vẽ bức tranh người người tìm đường lên trời; tôi tự hỏi trời có chăng? Chúng ta ở trên trái đất và trái đất treo lơ lửng giữa không trung, chẳng phải ta đang ở trên trời còn đòi về đâu! Khái niệm trời vốn thu hẹp cái vô chừng giúp kẻ sáng tạo bớt choáng ngợp, mở lối hẹp bước vào nghệ thuật. Cái hiểu của đầu óc dẫu siêu phàm đến mấy cũng là lấy ngao lường biển mà thôi. Không thể dùng đầu để soi chiếu cõi vô cùng, trừ phi chúng ta đem bầu trời vào đáy giếng phân tích. Chính những khái niệm làm hạn chế sự thật và tính chất vô lượng nghĩa ở thực tại. Chúng ta nạp vô vàn khái niệm và đem những khái niệm ấy chụp lên đủ thứ nghe nhìn ngửi nếm. Khuôn

mình trong khái niệm khiến bạn và tôi luôn sống với quá khứ vị lai mà không hề chạm được thực tại. Gặp người quen, trong một giây mọi hình ảnh tính cách của người đó từ quá vãng hiện về chụp lấy ta và nhuốm lên con người trước mắt. Ta hoàn toàn bị mê trong quá khứ do đó con người hiện tiền (với hình tướng màu sắc khác lắm rồi) vẫn chỉ là cái bóng dĩ vãng từ một tia sáng trong alaya phóng chiếu. Đến lúc họ đi rồi ta lại lưu tiếp những thước phim (đã trở thành quá khứ) vào tàng thức để lần sau tiếp tục trùm lên đối tượng thông qua ấn tượng theo những khái niệm nghiệp riêng mình. Sống được với thực tại, gặp người quen, lập tức mọi hình ảnh cũ hiện về, ta biết ngay và tự nhủ, cái ta từng lưu về họ chỉ là một giấc mơ, một cái bóng và thực tế đã chết rồi; như ta "a" lên khi thấy họ giữa phố lạ song chợt nhận ngay chỉ là một người giông giống thôi. Sống với thực tại là cách làm nhạt nhòa quá vãng, còn không quá vãng luôn chạy trước dẫn đường chỉ lối, và ta luôn luôn là kẻ sập bẫy ảo giác.

Một nữ đạo hữu tâm sự: Thầy mình dạy hãy quan sát đời sống, pháp luôn có ở mọi cử chỉ hành động, trong mọi mối quan hệ của chúng ta trong mọi thời khắc. Thầy khuyên học kinh Hoa Nghiêm để thấy Phật - Bồ tát luôn ở bên mỗi mỗi chúng sanh, chỉ là ta từ chối quyền năng vô hạn để tự thông minh lấy. Có dịp cận Noel ngồi với nhau thầy mình "buồn miệng" hát "Bao nhiêu đêm Chúa xuống dương gian, bấy nhiêu lần con nhớ người yêu", mình hân hoan hát theo; về đến nhà còn mơ màng nhẩm lại, bỗng giật mình!" Lại

nhớ lần ngồi ở một góc phố uống cà phê, mình đưa triết tây khoe mẽ; thầy chăm chú nghe, gật gù, rồi lúc sau chợt hát theo một đoạn nhạc trong quán: "Người ơi khi cố quên là khi lòng nhớ thêm. Dòng đời là chuỗi tiếc nhớ. Mơ vui là lúc ngàn đắng cay…". Tôi nghe mà nổi da gà. Lời hát quá ư giản dị, song tôi tu hết kiếp này liệu có ra khỏi cảnh ảo đó không?! Bạn và tôi làm con của Phật trong sự cố gắng không ngừng bỏ ác tu thiện. Chúng ta học theo hạnh của Ngài cũng là luôn cố gắng hết mức gỡ bỏ tham sân si mạn nghi ác kiến. Một khi lỗi lầm chợt "vô tình" đến, *cái tự biết* trong ta sám hối; sự sám hối này là để kiên quyết nhắc thức ta không nên tái phạm trên hành trình tự hoàn thiện. Còn không, chúng ta sẽ sập bẫy. Ảo giác là cái bẫy, vẫn dấn thêm bước để sập vào, thật phí những khoảnh khắc thực tại. Ứng với cảnh luôn hiện lên ảo giác quá vãng tương lai, cứ xem như nó là một tri thức ảo, không dính dáng đến những khoảnh khắc đang diễn nhờ sự nhắc nhở của sáu căn. Dùng sáu căn trong việc nhắc mình sống với thực tại cũng như biết nhận bệnh làm bạn chí thành để cân bằng với kiêu mạn và vô thường. Vô thường là sự biến hoại đầy sức sống. Cuộc sống này không có cái gọi bình yên tuyệt đối. Bình yên chỉ có thể là bình yên nơi tâm. Tâm an, hoàn cảnh nhạt dần bất ổn. Đời vốn vô thường. Chính vô thường mới là chân lý. Chúng ta không trẻ mãi, chính là vô thường, mới là chân lý. Đang bình yên trong ngôi nhà thân thương quá đỗi, xa vài ngày liền nhớ, nhớ cái không gian mình gắn bó bao năm thân thuộc đến từng cọng

cỏ hoang nơi góc vườn. Nhưng rồi một ngày phải dời đi; chính là vô thường. Ta đau khổ. Nhưng có nên?, bởi đó là vô thường, là chân lý mà! Ta đau khổ trước chân lý thường hằng trong vũ trụ, âu là tự lầm mê. Tâm luôn chọn lựa yêu ghét khiến dòng chảy vô thường ứ trệ. Bạn hãy tưởng đến dây chuyền sản xuất công nghiệp, nếu tôi chậm trễ giữ lại một sản phẩm lập tức rất nhiều sản phẩn ùn đến. Sáu căn bị xem là *giặc*, bây giờ được *cái tự biết* "lập trình" lại thức tỉnh hành giả trở về với thực tại trong từng giây phút; dĩ nhiên rốt ráo mà nói, sáu căn vốn hữu dụng từ nguyên sơ, chỉ là do sự mê sai sử chúng hướng tôi và bạn lâm vào tham để rồi làm cuộc hành-trình-đọa-lạc đầy bi thương trong biển từ bi không bờ mé.

Đức Phật nói chúng sanh đồng tự tánh, ở mức thô phù nhất là cái giác biết sẵn. Tôi và bạn bị ảo ảnh về cuộc sống nhuộm lấy từ vô minh tiền kiếp, sinh ra đã thấy mọi sự đều thật, thân tâm này đều thật dẫu xét ở phương diện khoa học thôi, mọi cái chúng ta thọ dụng thông qua các giác quan đều ảo. Pháp hành dạy chúng ta trước hết phải nhìn cho ra cái *thật ảo* đó, không để nó lừa. Khi ảo giác về việc để một cơ hội trong tầm tay trôi tuột đi hiện khởi trở lại, quá nhanh, rõ ràng không cản được; ta chỉ nên biết là đủ. Biết, đơn giản là dừng lại dành cơ hội cho những thời khắc thực tại ùa vào. Cơ hội kia giờ chỉ là một kiến thức ảo, song soi kỹ tâm sẽ thấy có chút tiếc nuối, đó chính là khuôn mặt của khổ đau. Nhưng, khổ đau đang hiện ở đâu?, nương vào đâu mà hiện?, và cái gì đang biết nó hiện? Chúng ta cần tĩnh

giác trả mớ kiến thức đó về với không gian ảo ảnh của nó. Có lần tôi tiếp cô bạn rất niềm nở. Lúc họ về, chợt một kiến thức nổi lên; cái cô này nợ mình một số tiền và cô đã quên! Tôi nhớ rõ còn cô ta quên; mà cô quên lẽ ra tôi cũng quên luôn, xem như cô chưa hề mượn tôi hoặc biết đó là do tôi nợ cô trong kiếp nào đó, nay xem như bồi hoàn. Vậy mà tri thức về sự cô ta mượn tiền khiến tôi chịu thiệt vụt hiện, có chút tiếc chút bực - là khuôn mặt của khổ. Một mẩu tin thoảng qua trí não và nó kéo tâm tôi chìm xuống đầm lầy. Tôi buồn vì một ảo ảnh. Dại chưa?! Nghĩ đến đó liền bật cười. Lại có lần ngồi thiền đau chân, tôi nghĩ, đau là một thông tin, vậy thôi; tôi cứ để thông tin đó tự nhiên và bắt đầu vui trong tâm để cái tâm cười hằn nét lên mặt, đảm bảo ai nhìn được sẽ thấy mặt ấy vui vui, không hề gợn thông tin đau. Tôi để khuôn mặt hài hước như vậy một hồi mới tháo chân; thành một trải nghiệm cần thiết để chập chững bước đầu lập trình lại *ý niệm lối mòn* của tâm thức. Thầy tôi luôn nhắc phải nhận diện bộ mặt của ảo, ảo suy yếu và sẽ tan. Ly ảo là quá trình một hành giả *tạm sống được* với thực tại, đó là một đời sống thật, không nháp, không lo sợ, không có ngày mai và dự định nào kể cả miếng mồi ảo của *sở chứng*. Thầy kể tôi nghe về một giấc mơ, thầy cứ đi tìm cái y, tìm mãi không thấy, đến lúc tỉnh mới biết mình mơ. Rồi thầy tự nhủ, trong mơ sao có thể tìm thấy gì. Giả như có tìm thấy cái y trong mơ chăng nữa, thì được gì…

Cổ đức dạy thà chấp *có* bằng núi Tu Di còn hơn chấp *không* bằng hạt cải. Nhưng rõ ràng

chúng ta vừa sinh ra đã mang trọng bệnh chấp ảo, thành thật. Ly ảo chính là nhận diện cội gốc của cái thật. Tôi và bạn vì thấy cuộc đời quá thật, không nhận ra thân huyễn tâm vọng bám luyến ta bà, khiến nỗ lực hành pháp tưởng chừng như lấy trứng chọi với núi nghiệp báo. Ly ảo là hành trình nhập vào cái rỗng rang tựa như không mà đủ sự tỉnh táo. Chính cái giác biết ẩn hiện ở sáu căn là chỗ an trú khá an toàn của hành giả. Nó nhắc ta trở về với thực tại. Tôi biết bạn tu chuyên trì một câu kinh và lấy đó làm thực tại duy nhất, vô tình được câu kinh cuốn đi theo dòng vô thường phì nhiêu nhựa sống và dĩ nhiên bạn không còn hứng thú với những "tướng hư vọng của tiền trần nữa". Ly ảo là quá trình khiến thân tâm ngũ ấm mất dần phương hướng, mất dần chỗ dựa, nó rơi vào sự hoang mang trong lúc định lực của hành giả càng vững để tiếp tục hóa giải vọng tưởng chấp trước.

Sự khôn lanh của tâm thức, của tâm phân biệt chấp trước mãi là đom đóm bay trước đèn ô tô; ma ngũ ấm luôn thông minh gấp tỉ lần vọng tâm. Để thấy tôi "đi trên tuyết thấy lạnh, đứng giữa nắng thấy nóng", là mê/mơ sâu nặng, có nói gì cũng để lại dấu vết của ngã trên nền tăm tối của Nhà tù Ảo ảnh. Nói hớt ăn theo, thật dễ vậy. Cảm nghiệm tự thân, xót thay thấy mình như một con chim tự/bị nhốt quá lâu, đến một ngày chủ nhân quên chốt cửa lồng nó vẫn nhảy nhót trong đó kêu oan đến nhức nhối cả trời không.

Thật có ta không?

Mọi pháp Đức Phật giảng đều nhằm đưa chúng sanh nhận lấy cái vốn sẵn chứa đức năng và trí tuệ. Phật là tánh chân như rỗng lặng trùm khắp, cái thấy biết sáng suốt của Phật ở nơi mọi chúng sanh, âu là tùy duyên mà cùng thấy biết theo cái vọng để chữa lành chấp ngã chấp pháp của chúng sanh, chứ thật ra Phật không thể gọi là chân cũng không thể gọi là giác để còn có đối đãi với vọng và mê cho được. Từ vô thỉ tôi đã quá quen nhận tiền trần hư vọng làm tâm tánh, lấy tâm tánh hư dối làm mình, rồi tâm tánh ấy khuôn trong cái nghiệp riêng chụp lên vạn sự vạn vật mà thỏa thuê chấp trước phân biệt, thành ra đảo điên trôi lộn trong lục đạo. Tôi "đơn giản" là cái tánh

viên minh đồng thể ở các căn; chẳng biết tự bao giờ cái nghiệp biến ra đôi mắt nghiệp báo chụp lên tánh thấy khiến từ lúc biết nhìn tôi đã ngỡ đó là mình, rồi nhìn thế giới qua *đôi kính lồi nghiệp báo* ấy.

Quán chiếu giấc mơ sẽ thấy giữa mơ và thực giống hệt nhau bởi đều chung các ấm ma, rõ nhất là thọ ấm; khác là trong mơ nó đã để lại thân xác trên giường. Điều này lộ ra một bí mật là thân chẳng phải ta, và cái ta tạm thời là thần thức đó thường đêm vẫn bỏ lại thân huyễn này để rong chơi và tạo nghiệp luân hồi. Thế nên có một pháp môn mới hướng hành giả chuyên chú một hướng, một cõi, và nhờ trợ lực chư Phật để lúc thần thức vừa ra khỏi thân liền được hút về phía "an toàn nhất" ấy. Còn với những người tu theo hướng Thượng thừa, họ "thấy tánh khởi tu"; điều tiên quyết về mặt lý phải nhận ra tánh giác bổn nhiên, như là cảm được hơi ấm của mặt trời dẫu không thấy mặt trời, từ đó dụng công theo hướng giới định tuệ, cầu tuệ thấu suốt để buông xả chấp. Kinh nghiệm nằm mơ, đa phần tôi đều có mặt. Một lần mơ thấy mọi người chung vui, còn mình vắng. Tỉnh dậy chợt nghĩ, mình nằm đó trên giường lúc mơ; trong mơ thì không thấy mình, vậy mình đi đâu. Ai đang thấy giấc mơ diễn ra trong lúc tôi không có mặt (trong giấc mơ đó). Phải chăng là cảnh mơ ấy hiện lên trong một tấm

gương thấy biết vô hình vô tướng. Tôi chính là một thực thể vô hình giác biết, nhờ giấc mơ hiện trong đó nên tôi cơ hồ cảm nhận được tôi. Rồi nữa, mơ là do ý thức hoạt động, nhưng sao các căn cũng đâu khác lúc tỉnh, tôi bị đánh vẫn đau, vẫn máu chảy khóc than chẳng khác ngoài đời. Bởi, ngoài đời tôi cũng mơ, nên mơ của mơ cũng tương đồng; thậm chí trong mơ còn chồng thêm một giấc mơ nữa, thì cũng đau như chân ta vấp hòn đá nhăn mặt vừa thổi vừa thoa tim vậy. Chợt hay tôi không phải thân này, mà chỉ thuần là cái biết thôi. Nếu tôi là thân này thì thân trước của tôi đâu. Tôi vốn trải qua vô số kiếp nên từng thọ nhận vô số thân. Lại nhớ lần bạn tu đưa ra tấm hình của một người lạ hoắc, hỏi tôi biết ai đây không, cứ hỏi đi hỏi lại, không biết à? Tôi nhìn hoài, không nhớ là ai. Bạn bảo kiếp trước của chú đó. Tôi giật mình. Bạn cười và nói: Đùa đấy nhé, nhưng mà quán đi, không tấm hình này thì lấy một người chưa từng biết mà quán họ là thân kiếp trước của mình, cho nhẹ đi cái sự chấp thân này với khuôn mặt dễ coi này là mình. Tôi sau đó tự đứng trước gương mà hỏi, cái này là mình sao? Không. Giả thôi. Mượn thôi. Chỉ vì sự chấp quá sâu từ nhiều kiếp nên cái huyễn thành thật lúc nào không hay. Bạn tu còn kể lần ngồi ở một quán nước, có vũng nước ở lề đường phản chiếu bầu trời, sực hiểu, ờ, bầu trời dưới nước kia và bầu

trời phía trên cái nào thật. Thường chúng ta vẫn nghĩ bầu trời trên đầu là thật, bầu trời dưới nước giả. Giờ hay làm gì có bầu trời trên đầu. Cái bầu trời ấy giả mà!, cũng như thân này vậy. Giả hợp. Sự nhận nhầm thân vọng thành chân cũng ví như chúng ta sau cuộc chạy loạn, bỗng gặp một ngôi nhà trống, vào ở. Ở lâu quá quên luôn ý niệm nhà của ai, thành nhà mình một cách hồn nhiên. Hàng chục năm sau có những vị khách tới xin nghỉ trọ mấy ngày. Gia chủ chợt vụt hiện cái ý nghĩ, những vị khách này là lạ, có khi nào họ là chủ nhân của ngôi nhà vờ đến ở để thăm dò, để lên án cái sự chiếm hữu của mình. Gia chủ bỗng nảy ý đề phòng. Những vị khách cũng thấy gia chủ có cái gì dè dặt khác thường, họ tìm hiểu. Họ bắt đầu buông những câu nói đánh động về sự chiếm hữu ngôi nhà trống… Bởi từ lúc nhập thai chúng ta chấp hạt sương trong thai là mình, sinh ra căn xúc trần lại chấp thêm cái tâm hư giả nữa, thành ra thân tâm ấy hiển nhiên là mình lúc nào không hay. Ngỡ ta là chủ nhân ngôi nhà. Rồi khi những vị *khách trần* ghé thăm, khách bắt được tâm ý của ta nên họ lấn chủ. Khiến chủ thành kẻ ăn nhờ ở đậu. Là lúc thân tâm ta bị cảnh trần làm chủ, nên mê, không còn tĩnh tâm suy xét những khách trần ấy thảy đều tướng hư giả của *tiền trần*. Từ sắc trần cho đến pháp trần thảy đều huyễn. Chẳng những khách trần hư giả, mà ngay chính chủ nhân

ta từng bị khách hoán đổi vị trí để rồi phải làm nô lệ kia cũng hư giả nốt; chỉ có cái gương tánh giác sáng suốt soi rõ mọi khách trần pháp trần, soi rõ trong tâm và ngoài tâm mới là cái ta cần nhận lấy. Tôi chỉ bắt được những ý niệm thô, và đã quen với việc thấy chúng, nên mỗi khi niệm tham sân vừa lướt qua lúc đối duyên "tôi" liền biết và liền thầm bảo, hãy bao dung lấy nó, hãy tha thứ cho nó, hãy để nó tự trôi đi như mây huyễn trong chiều…

Tôi và bạn sống với quá khứ hiện tại và vị lai bởi chúng ta bị đánh bật khỏi những khoảnh khắc *thực tại*, dẫu cho cái tánh giác luôn hiển hiện ở sáu căn để nhắc thức ta quay về. Lục căn xúc lục trần liền nhiễm, sau đó tức thì cảnh trần biến thành những cái bóng hư giả mà ta không tài nào thò tay chụp bắt được để chỉnh sửa. Song ta vẫn vui buồn hờn giận với cái hư huyễn ấy. Tánh giác là một tự thể chung và nó hiển hiện ở các căn. Bởi nó có ở mắt nên như lời Phật chỉ dạy, tánh thấy luôn luôn thấy bất luận tối hay sáng: "Nếu như cái thấy cùng một thể với cái tối, thì khi sáng, cái thấy phải tiêu mất, nếu cùng một thể với cái sáng, thì khi tối, cái thấy phải diệt rồi, mà đã diệt, thì làm sao còn thấy được sáng, thấy được tối". Tánh nghe luôn luôn nghe trong từng sát na bất luận ta ngủ hay thức. Thân ta nhờ tánh giác nên biết hết thảy mọi cảm giác không một khắc ngơi nghỉ, chỉ

là đến lúc ta ngứa và đau quá nên mới *để ý* đó thôi. Chính ta có *ý*, nên lúc *để ý* mới biết, là cái biết của căn, không phải tánh giác; còn tánh giác thì *luôn luôn* giác, ngay cả cái huyễn nó cũng "biết tuốt". Thân tứ đại giả hợp và tâm suy nghĩ mông lung này, tôi đã nhận nhầm! Chẳng biết đến bao giờ tôi có thể ra được thân-tâm-ngũ-ấm? Có lần lôi tài liệu từ drive trong email của mình ra xử lý bỗng nghĩ, dữ liệu này từ lâu cứ ngỡ nó ở trong máy tính. Đúng là tôi lấy dữ liệu từ hộp thư email trong máy tính (của mình); nhưng rõ ràng số dữ liệu này thực tế được lưu trên trời, giữa không trung vô tận, tôi ở dưới bầu trời quê hương hay qua bên tây âu cũng đều lấy được. Bởi nó lưu giữa hư không mà. Đối sánh với tôi để thấy cái thân này huyễn. Tôi và bạn từ lâu vẫn nghĩ những gì tưởng quên, gặp duyên bỗng bật đâu ra nhanh hơn siêu vi tính, cái này đương nhiên vượt khỏi tầm với của trí não. Đương nhiên đa phần dữ liệu tưởng đã quên đi đó thực chất nó lưu trong alaya của tôi. Mà, alaya "của tôi" thật sao? Nếu "của tôi" sao không nằm trong cái thân này. Nó nằm trên trời mà! Dữ liệu muôn kiếp của tôi lưu trong alaya là lưu giữa hư không. Xưa nay tôi vẫn nghĩ cái thân huyễn này là mình, cái tâm vọng này là mình.

Đức Phật chỉ ra tánh thấy của chúng ta sẵn có. Tại tôi chấp cái vật mắt thấy, không biết vạn

vật đều huyễn; cái thấy không già không trẻ, không tròn không vuông. Phật phải bảo ông La hầu la đánh chuông để chỉ ra tánh nghe cho ngài A Nan; rằng tánh nghe vẫn đứng đó dẫu âm thanh tiếng chuông tắt, và do vậy *tánh nghe* nghe được cả nốt lặng. Tiếng chuông cũng như mọi âm thanh có vang lên đều sẽ có ngừng có tắt, song tánh giác thì không tắt. Giữa cái thấy và cái được thấy là một, nghĩa là mọi vật nó đã sẵn đó và chúng *như là* cái thấy; chứ không phải ta mở mắt mới thấy. Điều này không phải chân lý của "tánh" song quán chiếu sẽ khiến cái ngã nhạt bớt. Dẫu tôi tìm thấy một viên ngọc trong rừng sâu về hiến cho nhà nước thì đó cũng chẳng phải phát hiện. Viên ngọc đã ở đó và cái thấy đã nhuốm lấy nó từ khởi thủy. Tôi huyễn và cái thấy từ mắt là cái thấy theo nghiệp báo không nhìn đúng sự vật hiện tượng, nên nó không được phép mang theo tự ngã. Tánh thấy có thể lấy thí dụ như tấm gương. Lúc ai vẽ lên một hình sẽ hỏi ta thấy không, ta nói thấy; họ xóa hình đi và theo tập khí nhận căn trần thức là mình ta sẽ nói không thấy; thực ra cái thấy vẫn là gương, còn hình hiện hay xóa không làm mất tánh thấy. Xét về kiến giải càng nghiêm trọng. Bạn tu của tôi từ lúc nhận *cái không biết*, liền biết mọi cái học được hay sự thâu nhận thuần túy qua các căn đều là kiến thức tạm bợ. Kinh từng răn ngay đến chứng tam quả thánh cũng không được tin

vào suy nghĩ của mình. Huống hồ phàm phu tôi dám xưng danh các căn của mình nhìn đúng bản chất trần cảnh.

Phật dạy: "Cái thấy nơi tâm tánh là cái tánh minh của bản giác; cái tánh minh của bản giác biểu lộ ra nơi cái thấy, bản nhiên thanh tịnh cùng khắp pháp giới, theo tâm chúng sanh đáp ứng với lượng hay biết". Tôi và bạn do mê nên mới thấy ra trong hư không có muôn pháp hữu vi hư vọng, chúng không có tự thể, song chúng ta chấp thật nên mãi hoài chẳng muốn buông. Kinh viết: "Cái thức nơi tâm tánh là cái tác dụng nhận biết của tánh minh bản giác, "bản giác diệu minh yên lặng cùng khắp pháp giới, ẩn hiện thập phương hư không". Nhận và tập sống với tánh giác, tôi và bạn có cơ hội lìa dần thân tâm huyễn vọng. Thức vốn sáng suốt tự nhận biết qua sáu căn, bởi bản chất của nó chỉ một; nhưng lúc *thức chân* nhận biết cảnh trần rồi, chúng ta liền khởi bệnh chấp trước, thế nên nó biến thành *thức vọng* như là tên lính gác khó tính của các căn khiến vạn pháp không như nhiên hòa vào chân tâm được. Tôi tự khuôn mình lại trong nghiệp quả tiền kiếp, bao biện cho cái sở tri hẹp hòi ích kỷ đầy phân biệt chấp trước để vu oan cho vạn pháp vốn/đã bình đẳng với chính nó trước quan tòa nhân quả. Đức Bổn sư dạy niệm niệm hãy vì người, chớ xen một niệm vì mình. Giờ tôi lờ mờ hiểu đó là cách giúp

hành giả tự giải tán *tự ngã*, từ đây tiến thêm bước phá luôn cái rỗng rang.

Cái tâm hư dối của tôi buộc trần cảnh phải lọt vào khuôn thước nhỏ nhoi của nghiệp, nào hay mọi sự vật đều giả hiện, sự giả hiện có lý do và chúng có giấy phép tồn tại bình đẳng tuyệt đối từ pháp giới và dĩ nhiên cái nghiệp của tôi không có quyền chấp trước, không có quyền giành lấy một mẩu nhỏ để yêu ghét giận hờn. Chợt nghĩ tôi có *tình thương* chăng? Soát lại cuộc sống cũng tự phong mình có tình thương, thực tế thì không. Giả như lúc tôi phải sống với gã A trước nay hay bêu rếu mình, tôi còn tình thương chăng? Rõ ràng không. Vậy tình thương của tôi đâu rồi. Cái gọi tình thương với thân quyến của tôi chính là *tình chấp*, biến chuyển. Ân sư của tôi dạy chỉ nên dùng một tâm, đó là *tâm bao dung*, bao dung hết mọi người mọi vật. Họ đổi tâm để sống với con (như tị hiềm ám hại), con kiên quyết không đổi cái tâm bao dung ấy để đối đãi, mà phải khiến cho tâm ấy càng nới rộng. Thân quyến cũng để trên đầu mà gã A kia cũng để trên đầu. Ai cũng đưa lên trên đầu thờ phụng như chính con của Phật vậy. Ấy là con đường mòn chư Thánh đã đi, chúng ta phải lần theo những dấu chân ấy. Ân sư tôi thí dụ Pháp tánh là dòng điện, các thiết bị (dùng bằng điện) là khí cụ; cũng như sáu căn, Pháp tánh vào tai thì thành tánh nghe, qua mắt

thành tánh thấy... đều là một thể "đồng viên chủng trí". Tôi thấm thía và tri ân thí dụ này. Chợt hiểu, với mắt, bên kia gọi "bóng *điện*" thì bên này gọi "nhãn *tánh*" (cái tánh thấy, không phải mắt thấy, vì chỉ riêng con mắt chẳng thấy được gì; con mắt là hư dối, nó hư dối thì trần và thức đương nhiên cũng giả nốt); bên kia gọi "quạt *điện*" thì bên này là "thân *tánh*" (cái tự biết mát nóng, đau ngứa). Nếu là mắt tai, thân, mũi thì sự tiếp xúc với trần luôn gián đoạn, còn tánh thấy ở các căn đó không dừng nghỉ. Cả khi thân chết rất lâu, các căn hoàn toàn chết rồi, nhiều lúc tánh giác cơ bản vẫn còn ở đó. Các vật sử dụng điện sẽ không chạy nếu không có điện; các căn sẽ không hoạt dụng nếu không có thức *a đàn na*, mà ẩn sau thức đó có cái vĩnh hằng tánh giác. Chúng ta từ lâu vẫn nhầm lẫn giữa hoạt động của trí não và tánh giác. Không biết rằng ít nhiều tánh giác luôn thông dự vào trí não để giúp chúng ta hoàn thành hoàn hảo những công việc, điều này rõ nhất ở những nhà sáng tạo, những nhà triết học và nhà tư tưởng. Cũng như thế giới địa cầu này trong thời đại mà ý niệm xấu ác tràn ngập, nếu không có sự đan cài của ý niệm siêu thiện từ giới tu hành và đặc biệt là sự gia trì của chư Phật - Bồ tát, hẳn tôi không đủ phước để sống qua một đêm! Chúng ta dựng lập cái biết trên cái không biết vĩnh hằng sáng suốt, song cái không biết vẫn thường xen

vào những sự mầu nhiệm, để bạn và tôi luôn nằm trong sự ân sủng vô bờ song lại chẳng biết tri ân. Và sự tri ân mới là những tia sáng đầu tiên rọi vào vùng quang minh từ đó mỗi ta thấy tâm mình vô biên trong sự hẹp hòi của nghiệp thức che chắn. Nhiều lúc ở đâu rớt xuống những ý tưởng, ta tưởng "của mình" nên trương phình bản ngã, chấp mình tài giỏi hơn người; vô tình ta vô ơn với tánh giác. Theo đó căn trần thức sẽ được ta xem trọng, vì thế nó che phủ lên tánh giác khiến càng ngày thể trí càng cùn mòn. Bởi không ít nhiều nhận thấy tánh giác hiển lộ qua các căn, nên tôi từ muôn kiếp chấp sâu nặng về cái thân huyễn. Học Phật là học thuận theo giới, rồi thuận theo đạo trời, ngưng mọi suy nghĩ và tạo tác với cái tôi chủ nhân; chỉ có vậy thân ta mới trở thành khí cụ để tánh giác hiển lộ, và nhiều khi cơ may là phương tiện của chư Bồ tát sử dụng trong những thời điểm cần thiết. Người đời tưởng trí não đệ nhất, nên chặn mọi hướng tâm linh và cố đưa vào thật nhiều tri thức; lại không biết nếu trên đà này rốt cục thua cả siêu người máy; còn thua thiệt là chết sớm, trong lúc tuổi thọ của siêu người máy có khi tương đương thiên nhân.

Mọi pháp đều vô thường biến chuyển. Thức biến. Tâm vốn hiện nhất chân pháp giới, song nghiệp trong thức của ta lại biến thành lục đạo, chín pháp giới. Ta chấp những khuôn nghiệp của

mình và lấy đó làm chuẩn lại chẳng hay đang lấy ngao lường biển. Nhớ lời của sư cô Hạnh Chiếu, rằng cái gọi thân người chỉ là tứ đại (đất nước gió lửa) tự ký hợp đồng với nhau, và lúc đó không có bất cứ cái tôi nào dự phần cả, do vậy lúc hợp đồng giữa bốn bên chấm dứt cũng không có ai ở đó để mà kêu than mất mát. Thế nên thầy Trí Siêu mới hỏi: "Ai chết?", chẳng có ai đó mà sống với chết. Cái sự chấp trước và phân biệt là *tâm bệnh* nặng nhất của phàm nhân, và còn tùy vào từng người khiến Phật - Bồ tát rất khó tiếp cận kê đơn bốc thuốc. Một khi *cái biết* tri thức phủ lên *cái không biết* diệu dụng, ta luôn cho khuôn nghiệp của mình đúng do vậy nghi ngờ cả hạnh Bồ tát trong nhân gian luôn dạy chúng ta trở về với những điều tầm thường nhất, từ đó mà quán chiếu bởi lý viên dung nằm sẵn trong ấy. Cái chết không hề có, bởi cái chết cũng là một pháp biến chuyển. Tướng của mỗi pháp luôn đang biến chứ không hề mất. Và cái thân này của tôi và bạn cũng đang biến, biến đến "cùng cực" thì chúng ta lại chấp chặt vào chữ chết. Có lần trên internet tôi được xem triển lãm chân dung các văn nghệ sĩ, họ "chụp ảnh" ngay sau sô diễn, rất sống động. Đang vui, bạn tu chợt bảo, không phải thật đâu, giả đó, là tượng sáp. Tôi ngẩn người. Giống y thật. Tượng và chân dung ảnh chụp nếu không nói sẽ không phân biệt được. Bạn tu bảo hình hài này

giả thôi, bởi nó được thổi vào cái thức nên có hoạt dụng; chúng ta mê vào sáu căn nên chịu chết với nó. Tôi thường xem ân sư giảng pháp trên mạng; một lần chợt nghĩ, ừ, đúng ân sư, nhưng cũng không phải ân sư; đó chỉ là chụp lại cái bóng với tốc độ 24h/s. Thân tôi qua cái nhìn của Phật hẳn cũng là cái bóng; mà cái bóng này với tốc độ huyễn gấp vạn lần. Tôi chấp thân và cái ngoài thân đều thật. Mà thật ra, *huyễn*. Chỉ có tánh giác là thường hằng, không hình tướng. Chính nó không hình không tướng nên dẫu Đức Phật luôn nhắc trong đó sẵn chứa bi trí cũng chẳng mấy ai tin, tin cũng chưa chắc dám nhận, nhận rồi cũng chưa chắc tập sống cho quen cho nhuyễn, vì nhận và tập sống với nó đồng nghĩa với phải *buông sự chấp cái giả*. Ai dám buông cái giả đã nghiễm nhiên thành thật và nó luôn được sáu căn thọ lãnh. Hòa thượng Duy Lực từng kể câu chuyện của Trang Tử về con rùa trong giếng và con rùa từ ngoài biển bị té xuống giếng. Con rùa biển nói bên ngoài ấy lớn lắm; con rùa giếng bò 1/3 cái giếng rồi hỏi có lớn như thế này không, con rùa biển lắc đầu. Con rùa biển lại bò 2/3 giếng rồi hỏi lớn cỡ này không. Rùa biển bảo bảo, không; rất lớn. Con rùa giếng ngạc nhiên, nó ý nói đừng bảo bên ngoài lớn bằng cái giếng này đấy nhé. Thầy giải ra một ẩn nghĩa, rằng dẫu lớn đến mấy, khó tin đến mấy thì con rùa giếng cũng có cái để

chứng minh. Còn con rùa biển bị lạc vào đáy giếng, nó không có gì làm minh chứng. Tôi và bạn bị mê nên cái tánh giác không hình tướng cùng khắp ấy chẳng có cách gì vẽ ra để thấy, khiến luôn rơi vào ảo tưởng, sống với cái ảo.

Cái huyễn giả đã chiếm hữu hoàn toàn thân tâm, biến ta thành tù nhân của lâu đài ảo ảnh hơn cả một lô cốt kiên cố. Thầy tôi bảo một số người đang sống song họ đã bị đọa vào cái lô cốt tương ưng với ác đạo tự họ dựng lên; sống không ra nổi lô cốt ấy, chết đương nhiên nhập vào cảnh giới đúng với tầng tâm thức đó. Chợt hiểu tại sao rất nhiều con nghiện không thể cai, bởi thuốc chỉ trị thân vật lý, trong lúc ảo ảnh về dư vị của cơn nghiện với cảm giác râm ran như thế như thế thông qua sự hút hít từ liều nhẹ đến liều nặng, từng cấp độ say đến phê nó còn lưu rõ trong tâm *tưởng*. Giả như thân được cai, lúc trở về, cái ký ức dục ảo đó lại trỗi dậy như thước phim sống động, như ta nghĩ đến quả xoài liền chảy nước miếng, đến không thể cưỡng, và thế là ảo giác tiếp tục lôi thân đi kiếm thuốc. Cũng như nghiệp tập của người tu; trừ phi chính bản thân con nghiện nhận ra mình quá sai lầm, nhận ra sự mê/u minh của mình, nhận ra sự nghiện là một đại họa cho quá trình tiến hóa tâm linh, là đại họa cho gia đình và dĩ nhiên, cái sự nghiện tất yếu cho ra một nghiệp quả không tệ trong tương lai chẳng sớm

thì muộn phải lãnh án! Chính điều này, và được sự soi chiếu của *trí tuệ ngược dòng*, họ sẽ *đi xuyên* vào màn sương của các *ấm ma* khắc trong não trạng những thước phim tư liệu về cảm khoái dục lạc hư dối, những thông tin ấy sẽ mờ dần, và cộng với việc "trì giới" (chuyên ròng trì niệm một câu kinh như bạn tu của tôi) để duyên mới không tiếp cho lửa lục trong alaya phực cháy.

Con người chỉ là một hình nhân được nghiệp lực siêu hư cấu. Hồi nhỏ tôi từng tập tành viết truyện ngắn nên phiếm nghĩ, trong một tác phẩm, tôi nặn ra nhân vật, với một tính cách, một không gian sống, một cuộc đời; và khi những nhân vật chào đời, nó chấp ngay nó, không hề biết nó do tôi tạo ra, nó cứ thế sống với thế giới của nó từ lúc sinh đến già chết, với những vui buồn đau khổ, với đầy đủ tham sân si mạn. Bạn và tôi và vạn vật đều do tâm hiện đầy sống động, nhưng "nghiệp-thức" từ luân kiếp lại biến theo từng ô ngăn nhỏ bé và chúng ta chấp mọi sự phải vừa với những khuôn khổ si mê ấy. Tôi có duyên xem clip về những rô bốt thông minh đẹp tuyệt trần, thật sự rùng mình. Ở Nhật người ta đã đặt một cô rô bốt ở ghế đợi tàu và ai cũng nhầm là người thật. Cô biết ứng phó giao tiếp, biết biểu lộ cảm xúc trên khuôn mặt y xì người. Khoảng dăm năm nữa những cô rô bốt chẳng những có thân hình tuyệt mỹ với những bộ phận biết nhạy cảm chẳng khác

người phàm mà về mặt tâm lý cũng dần hoàn thiện hơn để cho giống với *thọ ấm ma*. Sẽ có những người yêu và thậm chí cưới rô bốt làm vợ (!). Hãy suy ngẫm, vậy là chúng ta đã bị ấm ma đánh lừa, chúng ta yêu rất thật một người máy (?). Đương nhiên các nữ rô bốt cũng biết làm việc như thường. Nhưng "họ" không có tự ngã, làm như không làm (như một vị chân sư đã biến mất tự ngã, chỉ lợi ích chúng sanh mà làm, bởi thực sự tự ngã là cái không có). Và điều này nữa, biết đâu đến một ngày cô rô bốt nhận ra mình đẹp, biết làm dáng, biết hờn giận trên dữ liệu ngôn ngữ được xử lý một cách quá thông minh. Cô tưởng mình thật, bắt đầu dựng lập *cái tôi* để rồi nhận một "linh hồn" nào đó "của mình"! Thực ra, điều này chỉ là phiếm luận, bởi rô bốt do con người sáng tạo; như lời thầy tôi, nó không thể kết nối với vũ trụ, nó không là một phần của vũ trụ hay toàn thể tánh với vũ trụ như bao chúng sanh; và đương nhiên nó vô tự tánh. Nhưng cái nó giống chúng ta ở chỗ cùng là những bộ máy; những bộ máy đều không hề có tự thể. Trên thế giới rất lâu rồi người ta từng chế ra con rô bốt đánh thắng kỳ thủ số 1 thế giới, nghĩa là nó thông minh hơn người. Rồi cuối năm 2017 một cô người máy đã được cấp quyền công dân nhờ "trí tuệ" nhạy bén. Theo đà này rất nhiều người máy sẽ thông minh hơn nhiều những con người thông minh nhất thế

gian. Nhưng dẫu rô bốt thông minh đến mấy, nó cũng không hòa được vào thế giới tâm linh, không nhận được tánh giác vốn sẵn và dĩ nhiên không bao giờ biết đến một cõi trí tuệ siêu vượt thời không. Con người một khi từ chối đạo, từ chối tu để kết nối với cõi huyền nhiệm, phải chăng sẽ có ngày tụt hậu so với người máy và không chừng nhiều người phải làm nô lệ cho người máy. Chỉ có con đường tâm linh cầu giải thoát, con người mới vượt lên rô bốt, trở về chân trí tuệ làm chủ trước mọi tai ương. Ấy là cách hòa nhập vào đại tự nhiên, để thấy thân xác vô thường và thực tế không phải là Ta. Chấp quá sâu nặng nên chết đi vẫn chấp cái bóng do tác dụng của thần thức (như lời Tổ) và chấp luôn cái bóng đó là ta. Vì sao?? Bởi không nhận được và không sống được với tánh giác để làm cầu nối hòa cái ta vào tự tánh. Tôi từ muôn kiếp đến nay đều là thân huyễn tâm vọng được alaya sáng tạo ra tùy nghiệp báo trong một không gian ảo với một cuộc đời ảo. Một siêu rô bốt với tên gọi *tâm ý thức*. Cái gọi con người chỉ là cái bóng lướt trên trần gian. Giờ đây người ta quay phim tôi đi đứng rồi chiếu lên màn hình, mà thực ra nào thật có tôi trên ấy ngoài những hình nối ghép vào nhau quá nhanh. Trong nhiều bộ kinh cả Tiểu thừa lẫn Đại thừa, Đức Phật đều chỉ ra "chúng sanh huyễn nhân". Ở Đại thừa thắng diệu là nhận lấy tâm tánh đằng sau sự

huyễn; còn Tiểu thừa thường quán đến thân tâm mộng huyễn, trụ vào chân không Niết bàn; song giả như nếu đủ duyên gặp được bậc tu đến tầng này thật phúc cho bạn và tôi lễ lạy suốt đời. Nói khá dễ, điều trọng yếu là quán chiếu cho ra cái huyễn *như thật*. Đức Phật khuyên mỗi hành giả thực hành thiền tỉnh giác (vipassana) cốt để chúng ta sống chậm, nhận biết từng khoảnh khắc vô thường; cũng như để từ cái tôi đi đứng trong màn hình được quay thật chậm để thấy chỉ là những hình ghép nối. Bạn tu khuyên tôi mỗi ngày mỗi tháng mỗi năm hay suốt cuộc đời chỉ làm một việc duy nhất; ý là làm gì cứ làm mỗi việc ấy cho xong hẳn. Bởi bạn thấy tôi cúc áo chưa cài xong đã mang dày; quần chưa xăm đã cầm gáo múc nước; chân còn trong nhà tâm đã để nơi đôi dép ngoài hiên. Việc này chồng việc kia ấy là do tâm chồng lấn những niệm vọng, tâm bị vọng cuốn đi như hề! Còn bạn chỉ một câu kinh rõ ràng minh bạch mà niệm. Câu kinh dẫu lướt như gió thì trong tâm vẫn từng chữ rõ ràng vang vang, kể cả trong giấc mơ. Tôi không tin và không sống nổi với tánh giác để ra khỏi cái ảo. Phật hẳn đứng trước mắt vạn lần nhắc thức trước hết nhận lấy tánh giác sáng suốt, buông cái giả đi song nào dễ. Tôi đau tôi vẫn thấy mình đau chứ nào biết chỉ có cái tánh giác/biết đau mới tạm gọi là mình. Tôi sân nộ lật đổ mọi thứ, lao vào ai đó đánh đấm mà

đâu hay cái tánh giác luôn biết *cái tôi* đang làm khờ dại "làm xiếc" để rồi diễn tiếp vở bi hài kịch ác đạo. Viết những dòng văn nhiều lúc tánh giác nó sắp xếp, phá rào trí não rồi tuôn ra khiến những ngón tay cũng không biết đang khua tít mù trên bàn phím, vậy mà rồi vẫn chắc chắn chiếm giữ bài viết của mình. Rồi lúc bệnh vẫn sợ chết, mà không biết có tấm gương đang soi cái sợ chết vọng lên từ *thọ ấm*. Sự chấp giữ sâu nặng thân này khiến mọi kiến giải đều là sự điều động của tham chấp. Sự hành trì của tôi mới hay chỉ dẹp được vài ba tên lính quèn phía ngoài thành trì, còn sào huyệt ngũ ấm thật ra chưa nhìn thấy nói gì đến công phá. Mà sự công phá kể cũng lạ, ân sư tôi dạy chỉ cần buông cái *mê* dục xuống, buông cái chấp trước phân biệt mỗi khi căn tiếp trần xuống; sống vì người làm vì người, tiếng tăm lợi dưỡng nhường lại cho người cúng dường cho người; buông xuống cái chấp chặt tham sân si mạn nghi hư dối, nghiêng về phía tánh giác như hoa hướng dương nghiêng về phía mặt trời. Mọi sự đã như theo nhân quả nghiệp báo tơ hào không sai, con chỉ cần gỡ đi hàng rào chấp trước, vọng tưởng, phân biệt, cứ để mọi sự *như như* xuyên vào bản tánh và chết lặng trong đấy như sự chìm dần của hạt bụi xuống đáy hồ thu lặng gió.

Tôi và bạn cũng như mọi chúng sanh, đều chỉ có cái tánh giác dung chứa nghiệp thức từ vô

thủy và trí tuệ đức năng sẵn đủ. Song do mê nên tôi chẳng nhận ra, nay lờ mờ hiểu lại vẫn sống với thân huyễn và tâm vọng, nên không thể sử dụng được kho báu tánh giác đồng thể như mọi người, thật đau khổ! Thật đau khổ khi biết mình có kho báu "cha" để lại, lại chưa thể buông chấp thân huyễn tâm vọng dự phần tận hưởng niềm an lạc vô biên của sự phụng hiến.

Lành thay
nếu được là học trò của Đức Phật

Giả như có một lần úp mặt vào lòng bàn tay suy ngẫm, ta sẽ thấy con người ngay từ lúc thoát thai đã bất công: người rạng ngời tướng tốt ủ yên trong gấm vóc lụa là, kẻ đui què câm điếc lại còn sinh trong gia đình bần tiện. Xét ngang đây (tức cái nhìn trong một đời) thì bất cứ nỗi oan khuất đến với *cá nhân trưởng thành* nào trên quả địa cầu đều không đáng gì. Đâu hay tất cả đều là sự công bằng tuyệt đối khi soi vào nhân duyên nghiệp báo không chỉ ở kiếp này mà từ những kiếp quá khứ và vị lai được Đức Phật giảng cặn kẽ.

Nếu bảo con người sống trên trái đất, là *chưa* đúng. Trái đất cũng chỉ là một hành tinh lơ lửng giữa trời, nên con người cũng đang trụ giữa hư không - mới đúng. Con người thực chất đang lơ lửng giữa trời. Nghĩa là con người ở ***trên*** trời, chứ không phải ***dưới*** đất để rồi bảo trời cao xa quá. Trên 28 tầng trời là cõi Phật. Trời, dĩ nhiên cao xa khôn lường. Nhưng chân tâm mỗi người vốn trọn đủ tam thiên đại thiên thế giới. Tâm càng sáng bí mật "tối tăm" của vũ trụ càng hiển lộ quang minh. Con người là một cá thể riêng biệt - lý thuyết này với khoa học đã lỗi thời. Mỗi cá thể nhỏ bé đến mấy cũng có mối liên hệ mật thiết với vũ trụ bao la. Vạn vật đồng nhất thể. Học giả James Gleick có nhận định rất triết lý qua hình ảnh: "Một cái đập cánh của con bướm hôm nay ở Bắc Kinh sẽ tạo ra trong không khí các cuộn xoáy có thể biến thành bão tố trong tháng sau tại New York". Ngày xưa bão giật cấp 12, 13 đã ghê gớm lắm. "Siêu bão", danh từ gọi những cơn bão có mức giật từ khoảng cấp 14 trở lên, mới chỉ xuất hiện thời gian sau này. Cấp giật của những cơn bão tăng lên, động đất nâng độ dư chấn, sóng thần dữ dội, là sự gia tăng của niệm lực xấu ác từ chúng sanh ở nhiều cảnh giới khác nhau. Sự *chống* đương nhiên có lợi, chỉ là lợp bất cập hại. Các vị cao tăng lúc giảng kinh thuyết pháp nhiều lúc cũng "nặng nhẹ" với chúng sinh; kẻ trí tự cao

nghe qua hẳn sẽ gán đấy cũng là sự *chống* hồng trần tươi đẹp. Nào hay lời ấy phát từ gương tâm trong suốt không mảy bụi trần. Còn "chống" - hành động nô lệ của ý niệm xấu từ lượng tâm ích kỷ nhỏ mọn, sẽ khiến thời-không thêm nhiễu loạn. Sự *chống* ấy cũng như luồng khí nóng tưởng sẽ làm cơn bão đang tiến vào suy yếu chẳng ngờ càng góp sức cho bão.

Ân sư của tôi dạy, kinh điển là tấm gương để chúng ta soi tâm hàng ngày. Con người tin sâu kinh điển gắng công tu tập sẽ nhận ra quy luật tự nhiên vi diệu. Kinh xét cho cùng đều lưu xuất từ tự tánh. Nếu Kinh điển tam sao thất bổn, các vị chứng đạo đắc quả đã lên tiếng. Hoài nghi lời Phật chẳng khác tự dập tắt ngọn đuốc trên con đường dẫn về *cõi sáng* giữa đêm trường tăm tối. Lành thay khi tôi gặp được đức Phật. Tôi tin đức Phật như tin ông bà cố mình trên bàn thờ (chưa một lần gặp mặt); họ truyền ngôn lại cho cha mẹ và giờ đây tôi tin hết thảy những di giáo đó. "Phật" là một từ trong vô số ngôn ngữ; cũng không hẳn là một cái tên. Khi ai đó nhìn thấu triệt về chân tướng vũ trụ nhân sinh, hậu thế sẽ tìm danh từ bao hàm nghĩa đó, nên chọn Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác (Phật). Ngày xưa nhà thắp đèn dầu, chỉ soi sáng những trang sách tôi căng mắt đọc. Khi điện kéo về làng, tôi nghĩ đó đã là ánh sáng siêu việt. Nhưng có lần mẹ tôi kể,

thời xưa máy bay Mỹ thả những quả pháo sáng, cả xóm hiện ra như ban ngày, đến cái kim trong nhà cũng thấy. Tôi cũng chỉ lờ mờ tin. Được tiếp cận Kinh điển, tôi nhớ lời mẹ, cảm nhận bước đầu về Vô Lượng Quang thường hằng chiếu rọi khắp các cõi. Bởi phiền não nghiệp chướng sâu dày nên chưa thể tiếp nhập hào quang Như Lai, nhưng tôi tin chắc điều đó - nó sẵn trong tâm mình như viên minh châu (bị bọc trong bùn nhơ đen đặc).

Học Phật không phải đọc hiểu bằng trí mà cần trải nghiệm. Trừ những vị Phật hay Bồ Tát trở lại cõi này "biểu diễn" hóa độ chúng sanh, còn thảy người tu, chưa ai đọc hết sách Phật trên địa cầu mà đại ngộ bao giờ. Mức thấp nhất để hiểu Phật cũng phải cậy vào công phu chứ hoàn toàn không nương vào trí dẫu đó là một bộ óc siêu thường. Mỗi sinh mệnh chào đời đã bị *ấm nghiệp* lập trình sẵn tương lai. Muốn rẽ về miền sáng điều trước tiên phải hạ thủ hành trì giới định phá ngũ uẩn. Đào sâu vào *kiến-tư hoặc* mới hay chẳng những ta mê *sắc ấm* là mình; sắc ấy còn nối dài sự chấp trước bởi thọ ấm; rồi *thọ* làm nền cho *tưởng* như mặt biển ngỡ lặng sóng bình yên mà phía dưới lòng sâu cuồn cuộn dòng hải lưu nghiệp của hành và thức ấm, cuốn ta quay mãi hoài trong luân hồi khổ não. Không cứ tu theo pháp môn nào, hễ người có công phu chí ít cũng phá lớp sóng thô vọng tưởng chấp trước phá một phần sắc

thọ và "tạm dừng" tưởng ấm. Có một điều ngỡ một song hoàn toàn khác biệt, đó là: thay vì diệt vọng tưởng, chỉ nên chú tâm vào câu Phật hiệu. Diệt vọng tưởng là ảo tưởng, còn chú tâm vào Phật hiệu tự khắc vọng tưởng sẽ héo, sẽ bị cảm hóa, mất năng lượng. Hành giả thuộc Tịnh tông chuyên niệm Phật, đến giai đoạn hễ ý niệm, hình ảnh nào trồi lên ngay lập tức câu "A Di Đà Phật" từng chuỗi mạnh mẽ vang lên dứt khoát, tưởng ấm do vậy sẽ hoạt động một cách yếu ớt. Cũng xem như câu Phật hiệu được gắn sẵn trong tâm, tự nó vận hành mạnh mẽ.

Người ta vẫn thắc mắc: ngày nay phi thuyền đã bay thấu trời xanh vẫn không thấy cõi Cực Lạc ở đâu. Thực tế, chúng ta nhìn mặt trăng mặt trời to bằng quả bóng thì ngược lại, ở mặt trăng trái đất cũng nhỏ như vậy. Nếu phi thuyền bay ra ngoài không gian thì trái đất chưa lớn bằng một hạt bụi. Con cá ở đại dương mênh mông, dĩ nhiên nó sẽ phán chuyện con người chỉ thở bằng không khí là hoang đường. Cũng như nhiều người khó thể tin cùng không gian ở trái đất, lại "dung chứa" vô vàn cảnh giới khác nhau; các cảnh giới đan lồng, chồng lên nhau song cảnh giới này không phương hại cảnh giới khác. Cũng như trong ti vi bật kênh này là đại dương dội sóng, kênh khác đang phát cảnh núi lửa phun trào, và hàng trăng cảnh giới khác cùng tồn tại (trong "cái hộp" ấy)

mà ti vi vẫn như như bất động. Khoa học phát hiện không gian đa chiều, dẫu sao vẫn mang tính lý thuyết, chưa thể thâm nhập. Tu đạt tâm tuyệt tĩnh, chính người đó câu thông với vũ trụ, thấy, biết và có thể sống ở bất cứ không gian nào.

Hiện bày chân tướng của vũ trụ, Phật pháp không hạn hẹp trong Kinh điển, trong chùa chiều và trong bản thân các vị chân tu. Hễ điều gì tương ưng với chân tướng vũ trụ ấy chính là Phật pháp (dẫu toàn thể bản chất của nó không hẳn là chánh pháp). Đạo Phật bao hàm hầu hết kiến trúc thượng tầng của xã hội loài người. Từ đạo đức, mỹ học, kiến trúc, văn học, tâm lý học, triết học, khoa học, nhân tướng học, y học v.v. Hiện giờ khoa học lượng tử đã giải mã được những bí mật tự nhiên, còn khiêm tốn song cơ bản có thể sửa đổi "giáo trình" triết thuyết về vũ trụ nhân sinh. Thật ngạc nhiên ấy là những điều Phật đã thuyết giảng. Vậy xem như đỉnh cao của khoa học hiện đại vẫn tụt hậu gần ba ngàn năm; nếu không muốn nói là tụt hậu vĩnh viễn, bởi khoa học (chỉ dụng Trí nên) không thể "chứng quả" - thấu triệt về vũ trụ.

*

Không ai có đôi mắt sáng lại nhắm mắt mà đi, tuy nhiên mắt sáng cũng không thể nhìn thấu

kiếp mình nếu tâm thức mù lòa. Cõi Cực Lạc xa vạn ức trình thăm thẳm, lại có ở ngay trong chính mỗi cá thể một khi tin nhận và hành đúng lời Phật dạy hiển lộ tự tánh. Không ngọn đèn nào soi tỏ vùng bí mật dưới chân nó; không lý gì ta cứ phải nhìn thấu gầm trời mới bước đi. Học Phật là học *định tâm phát tuệ*, nên thậm chí có thể nhắm mắt bịt tai mà hành. "Bịt tai" để nghe diệu âm Như Lai trong vũ trụ, và "nhắm mắt" để thấy hào quang Đức Phật rọi vào nơi tối-tăm-vi-diệu nhất của đời mình.

Có một nỗi day dứt khôn nguôi: tại sao Đức Phật dang tay đón tôi? Một người si mê bao nỗi, từng đi ngược lại ý hướng thuần thiện nhân bản, cũng từng hành theo tà đạo lại tưởng là pháp tối thượng. Nhân duyên gặp được Phật mới hay, Ngài không bỏ một ai, luôn chắt chiu từng cơ hội nhỏ hướng tha nhân về miền sáng tinh khôi an lạc. Hẳn đây là câu nói quan trọng nhất của Đức Phật: "*Tất cả chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng Như Lai, do vì vọng tưởng chấp trước nên không thể chứng đắc*". Thông điệp này vượt lên tất cả mọi giáo lý tâm linh. Một khi (vốn dĩ) có Phật tánh, bất cứ ai lâm vào ngõ cụt, lâm vào hố thẳm cũng đều có cơ may nhìn thấy ánh sáng của sự giải thoát. Ý nghĩ này vụt hiện, điều ngáng trở ta thành đạo là: vọng tưởng và chấp trước. Ở đây xin đề cập đến vọng tưởng, bởi hễ vọng tưởng ít

đi, chấp trước sẽ tự giảm bớt, dẫu rằng vọng tưởng và chấp trước đang bàn chỉ ở dạng thô phù và chưa phải hướng đến pháp nhất chân. Trên lý nhất tâm trong Tịnh độ, vọng tưởng có thể được định nghĩa: khi ta trụ lại ở câu hồng danh "A Di Đà Phật", thì mọi ý nghĩ hình ảnh chạy qua đầu đều là vọng tưởng. Ai từng hành thiền hay niệm Phật mới thấu, để quét sạch vọng tưởng, gần như là... vô vọng. Thế nên, thay vì điều phục, diệt trừ, đè nén vọng tưởng, hành giả chỉ việc chú tâm vào câu Phật hiệu. Công phu tối thiểu là tâm tự khởi câu hồng danh vào bất cứ lúc nào đầu óc không suy nghĩ công việc, sau đó thì niệm thành chuỗi 5 câu, 10 câu để kết thành phiến, thành khối. Phật hiệu được nuôi lớn khỏe mạnh, vọng tưởng sẽ héo tàn một cách tự nhiên như cỏ dại bị rút kiệt nguồn sống. Buông vọng tưởng chấp trước như ta vô tình làm rơi vỡ một viên ngọc quý giá vô ngần mà tâm không móng khởi luyến tiếc. Vọng tưởng ít chân tâm càng hiển lộ. Chân tâm chưa tỏa rạng quang minh, vạn sự vạn vật ở trong và ngoài thân đều huyễn ảo mịt mờ.

Bản thân thật quá xấu hổ khi đứng trước Đức Phật. Hiểu Phật, tôi không hề cầu mong bất cứ điều gì. Lạy Phật, niệm Phật cũng không hề có ý nghĩ cầu cho mình sức khỏe sống lâu, không nhờ đó mà cầu danh vị tiền tài. Nó ngược với chân tâm, ngược với bổn hoài ba đời chư Phật.

Kinh điển khai tâm mở não cho tôi thấy trên đời hết thảy chỉ là một giấc mộng lớn, đều hoại diệt bất cứ lúc nào kể cả xác thân bất tịnh. Một khi nhận ra trong tôi có Phật tánh (bình đẳng như mọi người), cũng là lúc tôi biết tất cả chúng sanh ở Nam diêm phù đề đều phải cung kính như đối diện với Phật. Do thói quen huân tập lâu ngày trở thành "bản chất", đâu ngờ bổn tánh ở mỗi chúng sanh vẫn không hề nhuốm bụi trần ai. Đó sao có thể gọi là kẻ xấu ác cho được. Người cha dẫu suốt đời phương hại chúng sanh thì trong sâu thẳm đứa con ông ta vẫn là người nặng nghĩa ơn sâu. Càng cảm thương đối với những người cõng ác nghiệp. Họ đã chịu thiệt thòi đóng vai phản diện. Cuộc đời là một vở tuồng kinh điển. Xem tuồng, không lý tôi lại thù hận diễn viên trong vai kẻ "sát nhân"... Ba tôi, một người hiền lành nhân hậu, suốt đời dạy dỗ bao thế hệ học trò thành đạt, lại phải nằm rất lâu trước lúc từ giã cõi đời. Tôi nghĩ nếu để chịu đựng một ngày lâm bệnh của ba thôi cũng khó. Nhưng ba đã đổi lấy sự đau đớn tột cùng, đổi lấy thọ mạng ngắn ngủi để dạy bài học vô thường vĩnh viễn, để tôi biết mau chóng quay về nẻo thiện. Vai diễn của ba quá đạt, khiến tôi cảm sâu hơn về lời dạy của Phật, khiến tôi hiểu ai cũng nên gắng tu như lửa cháy trên đầu, như ma đuổi sau lưng và phía trước là hố thẳm.

Đức Phật từng hàng ngàn lần âm thầm trở lại cõi Ta bà trong vai những chúng sanh lạc lối, tỉnh ngộ mà giác ngộ. Và mãi mãi về sau Ngài vẫn không mệt mỏi sắm vai trên sân khấu ác trược buông xuống vạn duyên thẳng về bờ giác để mong một ngày ai đó sẽ lần theo những dấu chân ấy ra khỏi nguồn mê. Thật tự hào *nếu được* là học trò của Phật Thích Ca - một vị Thầy thấu tỏ, siêu việt mười pháp giới, đã thiết nguyện khuyến nhủ muôn người hướng về Cực Lạc thế giới. Nghẹn ngào thay khi xưng tụng hồng danh Đức Từ Phụ. Tên của Ngài chính là căn mạng đời tôi. Thật tự hào nếu mỗi ngày mở mắt lại được niệm "A Di Đà Phật". Tha thiết niệm. Niệm đến ứa nước mắt kiệt cùng huyết máu. Chính lúc đó tôi không cô đơn buồn tủi, không chạy trốn khỏi chiều thời gian hạn hữu kiếp người.

Phần II

DIỆU PHÁP TRONG THỜI MẠT

Nghĩa kinh ứa lệ

Kinh vốn vô lượng nghĩa. Vô lượng trước hết hiểu nghĩa từ cạn đến sâu, từ thấp lên cao. Phật giảng diệu lý, song đều tùy căn cơ chúng sanh mà nén năng lượng vào. Lời Đức Đạt Lai Lạt Ma: "Nếu không có cái nhìn tổng thể, có thể đôi khi người thực hành sẽ thấy giáo pháp, những phương pháp thực hành mà Đức Phật ban có nhiều điểm mâu thuẫn". Nghĩa kinh cao một trượng, người có công phu một thước sẽ hiểu một thước, người công phu cao nửa trượng sẽ hiểu tương ứng, cho đến người công phu vượt hơn trượng, thì nghĩa kinh vẫn tự lớn để tiếp tục hành trình khai ngộ. Dẫu vậy, như một bậc chân tu từng nói: "Từ bậc Đẳng Giác trở xuống, hễ nói điều gì mâu thuẫn với kinh Phật thì chẳng đáng để tuân theo".

Đức Cồ Đàm lúc chưa triệt ngộ dĩ nhiên là phàm nhân; lúc Ngài chứng đạo, thì *tướng* ấy vẫn là một người thường, gần gũi chúng ta như cha mẹ hết lòng vì con cái. Đúng chăng? Dĩ nhiên đúng. Lại nói Đức Phật là thần, thánh, là một vị từ cõi Tịnh đầu thai làm người thị hiện tướng thành đạo, khó nhọc tu tập từng bước, lúc đạt tứ thiền bát định, thấy vẫn chưa ra khỏi luân hồi lại tiếp tục tu cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đúng chăng? Nếu cho rằng sai tức ta phủ nhận Phật nương thuyền từ trở lại cõi Uế độ sanh, cùng vô vàn Bồ tát dẫu đã "dìm thuyền" qua bờ kia vẫn tiếp tục trở lại "nhập vai" giáo hóa, kể cả vai ác (độ cho hàng đặc biệt). Giờ lại hỏi, Đạo Phật có phải tôn giáo? Đương nhiên đúng. Còn Đạo Phật không phải tôn giáo? Điều này quá đúng. Đạo Phật là khoa học, triết học? Rõ ràng. Còn là khoa học, triết học đỉnh cao. Nói Đạo Phật không phải tôn giáo? Quá đúng, vì nguyên gốc Đạo Phật vốn phơi bày chân tướng vũ trụ, Đức Phật thấy và tìm cách hướng dẫn chúng sanh sửa thân khẩu ý để vận mạng chuyển từ ác qua thiện, từ mê qua ngộ, trở về chân nguyên tự tánh. Nếu hiểu đúng gốc của từ tôn giáo (giáo dục điều trọng yếu), lại càng đúng. Chẳng vậy mà ta thường ngày vẫn gọi *Bổn sư*. Còn hiểu tôn giáo ở nghĩa tôn sùng Phật như thánh, sao không đúng cho được. Bậc chứng Sơ quả đã có thần thông,

đến như Phật thì pháp lực vô biên, chẳng phải là vị "thần" cao nhất trong các vị thần đó sao. Đức Phật vốn tùy căn chúng sanh mà thuyết nên kinh điển có những điều tưởng ý trái ngược, song vẫn trên một nguyên lý *nhất chân*. Thời nay có cao tăng giảng kinh, nếu nghe loáng thoáng ta cũng sẽ nhầm vị này tự mâu thuẫn. Chẳng hạn lúc thì bảo "hữu cầu tất ứng", học Phật chân chính muốn cầu tiền tài liền có (nhờ việc bố thí tài), cầu trí tuệ có trí tuệ (nhờ việc bố thí pháp); giảng thêm thì Ngài bảo tuyệt không tham cầu nghiệp thế gian, triệt buông vạn sự. Rồi nữa là "pháp thượng ưng xả…". Chỗ này Ngài dạy phải chuyên ròng niệm Phật; lúc cần rốt ráo lại bảo niệm Phật phải có nền tảng Tứ niệm xứ, Bát chánh đạo, Thập thiện; không có nền tảng đó niệm Phật cũng chỉ deo duyên! Các sư bên Nam tông thường vẫn quán xác chết để cảnh tỉnh: Sau một hơi thở là thân này mất hẳn. Còn có vị lập ra Thiền kinh tởm, xem hình người chết không toàn thây, xem mổ tử thi tạo nên những "cú sốc", khuyên vừa xem vừa trì chú, niệm Phật; cũng là nằm trong lý vô thường. Bỏ nền tảng Tiểu thừa, tức dối lời Đức Thích Ca: *Không tu tiểu thừa mà tu Đại thừa không phải đệ tử ta*. Bỏ nền tảng, tâm vẫn khởi cầu về cõi Phật song cầu mình sẽ sống thêm ngày tháng thì mãnh liệt bội phần. Niệm Phật không quán vô thường, đến lúc hấp hối vẫn tiếc thân này, một câu Phật

hiệu tự mình niệm không nổi trong an nhiên, nói gì đến mười câu hay trăm vạn câu.

Đạo Phật không tham. Nhưng, tham có cần? Có. Thực ra là chuyển công năng của tham. Tập khí vốn tham, giờ tu thì chuyển tham trần cảnh thành tham pháp. Chẳng như thấy B ngồi thiền đạt định mấy tiếng, ta bèn "tham", muốn bằng; mỗi ngày một thời công phu nay tăng lên hai thời, rồi ba, niệm niệm cũng cố đoan chánh hơn. "Tham" để tiếp nhập cảnh giới, có cảnh giới cao mới xả tham buông cái tham "đắc" được. Tâm vốn động, ban đầu phải dẫn sự động đó quay về chân niệm; từ nhiều chân niệm quy về một niệm. Từ một (chân niệm) trở về không thì dễ buông hơn. Đạo Phật không mê tín. Vậy mê tín cần chăng? Có. Chẳng như một người lâm đường cùng, không còn hy vọng nữa họ bỗng hướng về tâm linh. Ông thầy khuyên, thôi con niệm Phật đi, sẽ mở ra đường sáng. Người kia không thấy, nhưng tin "ông thần Phật" sẽ cứu mình, đó là một thứ mê tín, song là phương tiện dẫn đạo, nên cần. Cứ để họ mê tín. Rồi ông thầy đưa cho người kia Phật pháp, bảo con về đọc về nghe, kết hợp niệm Phật, Phật sẽ ứng. Người kia làm theo, nghe, đọc, chợt hiểu té Phật "*không thể*" cứu mình, Phật chỉ là chỉ ra cách giúp mình cải nghiệp nạn, giải thoát; và trong hành trình ta bước, Phật luôn tìm mọi phương tiện để gia trì. Gia trì để ta có những

thành tựu đầu tiên trong *nghiệp vượt bể khổ*, ấy là ngũ giới thập thiện. Trước sát sanh giờ bỏ, trước vọng ngữ đôi chiều giờ bỏ, trước tà dâm giờ đoạn cái sự *mê*. Niệm Phật. Một thời gian tâm sáng chuyển được cảnh tối tăm. Niềm tin trước kia mù quáng, bây giờ niềm tin thanh sạch. Thế là *mê tín* có giá trị. Dùng trí duy *vật* học duy *tâm*, dùng tâm duy vật tu duy tâm sẽ thành ra thế nào chắc không cần bàn nhiều. Ngôn ngữ vốn có tính làm thước đo tri thức, song chính nó cũng góp phần cản trở việc giải ngộ. Sở tri chướng. Nói thời mạt pháp Kinh điển diệt hết, nếu hiểu ở nghĩa đen là cạn, không còn gì để bàn thêm! Kinh diệt là ý người đời sẽ giảm dần niềm tin tâm linh, kinh càng cao siêu (về trí tuệ) càng trở nên xa vời, họ tin sự hưởng thụ vật chất. Rồi nữa, thời mạt pháp chỉ còn Lục tự hồng danh, là bởi cuộc sống vồn vã, vật chất bao phủ từng giờ từng phút, đến ngồi xuống ăn cơm cũng chẳng kịp, nên hành giả tu Niệm Phật là tiện lợi, chẳng gì khó hiểu. Thời nay thử hỏi số Phật tử theo Tịnh tông nhiều hay theo các pháp môn khác nhiều, cũng đã rõ. Trần gian tính không hết người tu định (niệm Phật) trong động (cuộc sống phàm tục) đã thành tựu viên mãn! Ngôn ngữ luôn bị bó hẹp và hạn chế, ngữ nghĩa nhiều khi chết cứng. Một tác phẩm hay cũng đọc dăm ba lần là chán, phim đoạt giải thế giới cũng chỉ xem lần thứ hai là cùng. Kinh thì

nghe đi nghe lại, càng nghe càng thấm càng tươi mới. Câu Phật hiệu niệm hoài mãi, càng niệm càng hoan hỷ; mới nhập môn hơi khó chịu, khép mình vào thời khóa cũng tạm khả dĩ, song hàng xóm nhỏ to thì tâm lao theo trần cảnh; Phật hiệu thêm sâu thì thấy an lạc, nhạc nhẽo quán xá gần xa cũng không ảnh hưởng đến sự nghe "A Di Đà Phật" khởi từ tâm. Bên kia đám cưới hò hét ầm ào, ngồi trong nhà âm thanh rung vách tường, vẫn không ảnh hưởng việc niệm Phật của ta. Tâm khởi chữ nào tai nuốt trọn chữ đó, cứ thế mà an nhiên.

Huy động ngôn ngữ thế gian cũng khó thông được diệu lý "A Di Đà Phật". Ngay đến bình phẩm thế tục, ngôn ngữ cũng không thể bao hàm hết ý nghĩa thâm sâu. Chẳng hạn *Cô đơn*, từ này thiển nghĩ xuất phát từ phương Tây, lúc cái đích của con người là bước trên thảm nệm vinh hoa chứ không chịu đi trên lưỡi dao sự thật. Vũ trụ vô biên, một khi con người đứng trên sự tung hô là lúc họ sắp "đội trần". Trong dòng phim kiếm hiệp có cụm từ "cao thủ cô đơn" như Độc Thủ Đại Hiệp, Độc Cô Cầu Bại. Xét trên bình diện xã hội, đây là ưu điểm. Nhược điểm là sự cô đơn ấy luôn đối diện với bế tắc, ngõ cụt. Một khi ai đó tiệm cận chân lý tối thượng chính là họ lội ngược dòng đời tìm bản lai diện mục, đối diện "cô đơn". Nhưng sự cô đơn này dung chứa hỉ lạc. Lùi xa với dòng đời thấy trời cao biển rộng. Càng hỉ lạc càng cô đơn, càng cô đơn càng hỉ lạc, con đường phía

trước càng mở ánh sáng khôn cùng. Người niệm Phật biết trước ngày giờ vãng sanh, tự tại mà vút đi (như lão cư sĩ Ngụy Quốc Hưng); người niệm Phật vãng sanh, để lại xá lợi toàn thân vàng ròng làm chứng cho pháp môn tối thắng (như cụ Hoàng Ngọc Lan); chính là những người "cô đơn". Họ cô đơn với số hành giả tu Niệm Phật chỉ niệm khơi khơi bề ngoài và nhất là không khép mình vào giới luật đoạn tham sân si mạn, không quán Tứ niệm xứ để phá thân kiến vô thường, không buông phân biệt chấp trước vạn sự để tiếp nhập *nghĩa như* các pháp. Họ cô đơn với những người thiền cận về Tịnh tông, với những người báng niệm Phật và không tiếp nhận Đại thừa.

Nhiều người không tin nổi Niệm Phật. Không tin thì cứ tin lấy pháp mình đang hành (Thiền chẳng hạn), nhờ đó tăng trưởng công phu, nếu dự được vào dòng Thánh rồi phản bác cũng chưa muộn. Đáng buồn họ lại sớm dụng trí so lường diệu pháp. Nhiều người thấy giới niệm Phật bèn cho đây là hành động của tôn giáo cầu may, so sánh niệm Phật với niệm thiên. Họ dùng tam đoạn luận kiểu như: muốn lên Thiên đàng hãy niệm thiên; muốn lên Cực Lạc hãy niệm Phật; như vậy niệm Phật cũng là tôn giáo. Ý họ muốn kéo Phật A Di Đà xếp hàng cùng chư Thiên. Họ đã hiểu ở nghĩa thấp nhất tinh thần kinh điển. Phật Thích Ca giảng điều trọng yếu: Mười pháp giới đều do tâm tạo. Tâm mỗi chúng sanh đều chứa trọn mười pháp giới. Tâm bạn nếu thời thời khắc khắc chỉ nghĩ (niệm) thiên (hành *thập thiện*), cảnh giới thiên sẽ được tạo dựng nguy nga trong

tâm ấy, lúc mạng chung *thức* dễ có cơ hội bay về thiên. Điều này không lạ lắm. Chuyện đời từng có một chủ trang trại ngựa, suốt ngày nghĩ đến ngựa, ăn với ngựa ngủ với ngựa, đi đứng nằm ngồi đều tưởng [niệm] ngựa, trước lúc ngủ, chợp mắt, lúc vừa tỉnh đều nghĩ ngựa. Ngựa và ngựa. Trong tâm người ấy chỉ có ngựa mà thôi. Một hôm bà vợ vào nhà thấy con ngựa đang nằm ngủ trên giường, chính là chồng bà do tâm (ngựa) hiện tướng ngựa. Dĩ nhiên người ấy chỉ thành ngựa trong thời khắc nhất định. Nhưng để thấy tâm chuyên nghĩ gì sẽ tạo nên cảnh ấy. Tâm (niệm) tham là đang xây "lâu đài" quỷ. Tâm luôn (niệm) sân thì mở đường về A tu la. Niệm thiên và niệm Phật đều giống nhau ở chỗ *niệm*, khác ở đối tượng được niệm. Tâm chuyên niệm ngựa thì thành ngựa, tâm chuyên niệm thiên, tưởng cảnh thiên, *hành hạnh thiên với 10 thiện giới*, lúc mạng chung sẽ hướng thiên mà bay. Người chuyên niệm Phật (trên cơ sở hành ngũ giới, thập thiện) sẽ về cõi thanh tịnh của chư Phật. Tâm vốn tạp, vốn không một khắc ngưng nghỉ sự dao động, tức luôn niệm. Ta không tác ý nó vẫn tự niệm. Nếu tác ý niệm thiện, sẽ tạo nên tương lai thiện, tác ý niệm ác thì ngược lại. Nếu ta không tác ý thì nó sẽ tự niệm theo tập khí, theo nghiệp lực từ thói quen trong kiếp này và cả từ tiền kiếp. Ta không tác ý niệm Phật, tâm sẽ tự niệm chín cõi còn lại, mà dễ vào nhất là niệm tham sân si (tương ứng với tam đồ). Đây là điều Đại sư Triệt Ngộ từng khai thị thấu đáo. Ngay cả bậc thiền, nếu chỉ dựa vào thời khóa công phu mỗi ngày vài thời, mỗi thời vài ba tiếng chăng

nữa, lúc xả thiền, ra đường dạo mát hay làm Phật sự, nếu không thực sự thực hành thiền minh sát, tỉnh giác trong ý niệm dấy lên khắc khắc thì tập khí phiền não dễ khởi như cốc nước vừa lắng đục lại khuấy. Người niệm Phật ngoài thời khóa, câu Phật hiệu đã thuần thục, dẫu có chạy xe trên đường hay ở bất cứ nơi ồn ào, tâm họ vẫn khởi niệm Phật (tai nghe) rõ ràng. Điều này tối thắng. Nó khiến công phu được kéo dài, ngân dài một cách an nhiên không gắng gượng. Dĩ nhiên niệm gì cũng trước hết phải nghiêm trì thiện giới, quán vô thường, khổ, vô ngã để phá tà kiến; trong đó quan trọng là thân kiến mới có thể không dính mắc thân, tâm, cảnh ở cõi Ta bà (nguyện sanh về Tịnh độ). Tu pháp môn nào cũng phải nằm trong giới luật. Không tu trong giới luật tức đang dạo trên đường biên Phật pháp. Thiền, niệm Phật, niệm chú không trên nền giới luật và *tâm cung kính* cũng gần như xây lâu đài trên cát. Người niệm Phật có hành trì ngày đêm chăng nữa, nhưng không khép mình trong thiện giới, không quán đời hư huyễn công phu sẽ khó thăng tiến, rõ nhất là niệm vẫn niệm mà tập khí vẫn dấy, vẫn sân giận vẫn phân biệt vẫn vọng tưởng, rốt cùng là tâm không thể định. Tu Niệm Phật (vốn động, trước hết là ở miệng), nhưng muốn niệm thành phiến thì chuyển vào tâm niệm, tâm niệm sâu dễ có định sinh huệ. Đó là cách tỉnh giác trong từng giây phút; tỉnh thức là quán. Gọi đúng là quán câu Phật hiệu. Từ quán trở về không, niệm như chẳng có ai niệm, niệm tức là nghe và nghe tức là niệm.

Không cần truy đến đời các tổ sư trong Tịnh

tông (dẫu trong tổ của Tịnh có nhiều vị là thiền sư, cũng là tổ của Thiền và nhiều tông môn khác); chúng ta hãy nhìn vào tấm gương của một số đại đức cận hiện đại sẽ rõ. Hòa thượng Tuyên Hóa, người niệm Phật đạt công phu tột đỉnh, đến thỉnh Hòa thượng Hư Vân, được ấn chứng. Sau này ngài Tuyên Hóa đã tự nhận nhiệm vụ nặng nề qua phương Tây hoằng pháp. Người Tây vốn dụng trí, tin khoa học, nên ngài lấy Thiền làm căn bản. Ngài là bậc "chân truyền", *ngày ăn một bữa*, giới luật tót vời, *lưng không dính chiếu*. Về lực thiền, việc Hòa thượng nhập định một tháng hay ròng suốt 49 ngày, điều này không là thông tin xa lạ trong giới tu tập. Bây giờ ta thử đặt câu hỏi nho nhỏ: Người chân tu, sống đúng phạm hạnh của Đức Phật Thích Ca, bao người vào định sâu trong thời gian kha khá? (Ở đây xin phép không bàn tới các bậc chân tu đang ẩn mình; và cũng không dám bàn đến định tự tánh). Để nói rằng, ai chưa *định sâu*, liệu có phê phán bậc đại sư Tuyên Hóa; người đã giảng những gì? Ngài đặc biệt coi trọng và giảng kinh Địa Tạng. Và căn dặn: *chớ đụng vào một chữ trong bộ kinh này*, tức chớ nghi ngờ một chữ (dẫu đó là chữ dịch chưa sát nghĩa), chứ nói gì đến nghi ngờ không phải Phật thuyết. Ngài lại giảng kinh A Di Đà, rằng "có một khắc niệm Phật thì có một khắc không vọng tưởng, cho đến từ sáng đến tối niệm niệm không lìa Phật, thì

ngày ấy không vọng tưởng. Vọng tưởng không nổi lên tức là Diệu Pháp". Trong pháp hội giảng bộ kinh này, ngài từng so sánh với Thiền. Ta tin chắc ngài đã nhập vào các cảnh giới thiền thâm sâu, nên lời ngài là nói ra cái sự đã chứng, chứ không đơn thuần hợp theo ý kinh ý Tổ. Và đây hẳn là cảnh giới Thiền của ngài: "Sơ Thiền có thể không còn thở nữa, không có sự hô hấp. Ở cảnh giới này tuy không còn hô hấp nhưng vẫn có một niệm động, một khi phát sanh niệm động này thì hô hấp sẽ trở lại". "Mạch ngừng lại, khi hô hấp không còn nữa thì mạch cũng ngừng luôn, giống như người chết. Tuy mạch ngừng đập nhưng không phải chết. Đó là cảnh giới của Nhị Thiền". Rõ ràng, những quý vị hành thiền cũng nên đặc biệt tham khảo, để làm mốc phấn đấu. Bởi đến tóc bạc vẫn chưa vào được Sơ Thiền, chí ít là đắc định (chưa bàn đến đắc quả), thì kiếp này khó thay!

Cũng xin phép lạm bàn, ở đây không dám chạm đến thiền bát nhã, thiền tối thượng thấy tánh vốn là hướng tu có sư thừa hướng dẫn.

Ngài Hư Vân, bậc thiền lỗi lạc. Công phu thiền của ngài thật đáng ngưỡng vọng. Có lần ngang qua một cây cầu, ngài vịn tay vào thành cầu rồi định luôn, bất động như bức tượng đứng đó suốt ba ngày đêm mưa gió tuyết phủ. Nhưng,

khá nhiều đệ tử của ngài, ngài khuyên niệm Phật và nhờ đó họ biết trước ngày giờ về Cực Lạc. Có lần cao tăng Hư Vân viết thư trả lời một Phật tử nhờ ngài siêu độ cho con, có câu: *"Ngay hôm nhận được lời căn dặn, bèn vì lệnh lang niệm Phật hồi hướng ba ngày, chắc là đã nương theo Phật quang tiếp dẫn"*. Bàn về bậc chân tu thiền lỗi lạc khuyến người niệm Phật, phải kể đến lão Hòa thượng Quảng Khâm. Ngài có quãng thời gian dài ở rừng, miên man trong định đến râu tóc dài phủ thân. Rồi được thỉnh về chùa độ sanh, ngài là một khuôn mẫu chân chính bậc nhất của đệ tử Đức Phật, sống gần như theo hạnh đầu đà, chuyên ngủ ngồi. Pháp môn ngài truyền giảng là gì?: Niệm Phật. Ngài từng nói: Ngoài sáu chữ Nam mô A Di Đà Phật ra, ta không còn gì để giảng thêm.

Những ai từng *không tin*: niệm Phật có thể nhập vào đại định chứng Niết Bàn, hẳn người đó phải đạt công phu tương đương hoặc vượt xa ba vị thượng nhân kể trên. Hoặc là họ vì chưa hành *tới bến* nên chưa thể hiểu. Khó trách. (Anh hiểu tôi anh sẽ không nói vậy). Thực tế ai tu thiền nếu *chưa* ngồi định sâu hàng tuần hàng tháng trở lên, giảng về thiền, sự giảng đó vẫn là bằng những gì học được từ sách vở, từ tổ sư đại đức, rất *y kinh*, làm lợi lạc quần sanh, song e vẫn còn khiên cưỡng. Ở đây như đã nói, kẻ phàm tình như tôi

không dám bàn đến *thường tại định*, cái định có cả trong đi đứng nằm ngồi nhờ niệm Phật mà nhiều người đã nhập được. Để thấy, ai chưa niệm Phật đến công phu thành phiến, sự nhất tâm, lý nhất tâm, nếu chỉ cần khởi ý bài xích, trước hết sẽ là lỗi lầm quá lớn quá lớn đối với pháp giới. Phật từng nói, những gì ta giảng như lá trong nắm tay, những gì ta chưa giảng (về vũ trụ) như lá trong rừng. Phàm nhân sẽ hoàn toàn mù mờ về cảnh giới của người chứng quả Thánh; Tu đà hoàn không thể biết đến cảnh giới của nhị quả Tư đà hàm,... Theo đó mà lên, Bồ tát không thể thấu hiểu cảnh giới của Phật. Soi đến tấm gương của Ngài Thiên Thân từng viết 500 bộ luận phê phán Đại thừa, sau này tu cao lên mới ngộ mình quá lầm, *nguyện xin được cắt lưỡi sám hối với Phật*, mới giật mình.

Là một người hành pháp tồi, nghiệp dày đức mỏng, ngã mạn sân si chất ngất, tưởng được làm Phật tử ngon lành rồi, đâu ngờ lâu nay tôi vẫn phạm giới quá nặng, phước đức tổn hao không kể xiết. Đứng đầu là nghiệp ý. Theo khoa học lượng tử, mỗi giây con người thu vào hàng tỉ thông tin, trong lúc ta chỉ thực sự nhận biết một phần. Điều này đã lý giải nguyên lý vũ trụ mà Đức Phật giảng rõ trong kinh. Mỗi người là tiểu vũ trụ, song tiểu đó chứa đại vũ trụ; tức *tướng* có nhỏ to sai khác song *tánh* đồng thể. Sau này có vị đại sư

đưa nguyên lý, mỗi người như bọt nước trên biển, không biết và bị chướng ngại để biết rằng lúc bọt nước ấy vỡ tan, thì chính nó là biển cả. Mỗi giây, hàng tỉ tỉ ý niệm từ nhân loại phóng ra, thành một dạng sóng, đều ùa vào alaya thức mỗi cá nhân, song ta chỉ nhận biết khoảng một phần tỉ nhờ mắt tai mũi lưỡi thân ý. Có thể ví dụ: một lần tôi đang nằm ngủ, mơ thấy người bạn xin số di động của Q. Tôi từ lâu đã nhớ số Q liền đọc cho họ. Mới đọc được bốn số 0914..., bỗng chuông điện thoại reo. Tôi giật tỉnh, dựng dậy chộp điện thoại; lạ không, Q đang gọi. Có nghĩa, trước lúc Q bấm gọi cho tôi, đã nghĩ về tôi, đã phóng ý niệm về tôi (lúc tôi đang ngủ); ý niệm đó liền khởi động tâm thức trở thành cơn mộng (mơ thấy tôi đang đọc đúng số điện thoại của Q cho người xin số). Trong một giây biết bao ý niệm như vậy xuyên vào alaya, tôi lại không hề nhận biết. Đơn giản, bởi tâm tôi quá động loạn. Nếu tâm trong lặng tịnh tĩnh, ai đó vừa nghĩ đến mình đã biết ngay. Còn cao hơn, chân tâm ấy sẽ như ngôi nhà không cửa, ý niệm trôi qua chẳng hề mảy may gợn sóng, nên không bị nghiệp lực chi phối (từ những ý niệm hữu/vô tình phóng qua). Hoặc đó là những người chuyên đặt tâm vào quán hơi thở, chuyên lần theo một câu chú, câu Phật hiệu, tâm lần chữ nào tai nghe rõ chữ đó, từng câu nối thành chuỗi, từng chuỗi nối nhau thành khối, khiến vọng hiển

lộ trên gương tâm. Gọi vọng tâm là bởi tâm ấy chứa nhiều tạp niệm chấp trước, kể cả niệm chấp Phật pháp. Tạp niệm nhiều cũng giống như một lễ hội với đủ mặt người dự phần. Lễ hội thì luôn vui, càng vui càng vời gọi người tham dự. Nếu trong lễ hội tưng bừng, ta gặp một người, ngồi với chỉ một người ấy nói chuyện hệ trọng, ta chăm chú bắt từng câu từng chữ của cuộc chuyện, và dẫu giữa ồn ào song thực chất không hề ảnh hưởng đến kết quả của cuộc hội thoại giữa ta và người. Bây giờ ta đang sống bằng vọng tâm với vô vàn tạp niệm, nếu thực hành niệm Phật, lần theo từng chữ, như vậy ta đang lần trở về chân tâm. Lâu ngày chày tháng, từ niệm ra tiếng chuyển vào mặc niệm, tâm dính chặt vào câu niệm; Phật hiệu như được khắc vào tâm, sẽ đạt từ định cạn đến định sâu. Sâu thì ngoài Phật hiệu ra không hề thấy vọng niệm. Tính ra cũng phải nhờ khép mình trong ngũ giới thập thiện chuyên trì niệm mỗi ngày ít nhất vài thời công phu, mỗi thời ít nhất hàng tiếng; ngoài ra, trừ hoạt động trí não việc thế gian, làm Phật sự, hễ rỗi chút là Phật hiệu lại vang. Các tổ sư và cao tăng Tịnh tông hiện thời đều cho rằng nếu đạt công phu thành phiến sẽ có cơ hội về cõi Cực Lạc (ở các phẩm phương tiện). Còn so với thành tựu cao nhất của Tịnh tông, thì công phu thành phiến vẫn được xếp vào mức cạn. Công phu sâu là từ hữu niệm trở thành vô niệm,

niệm mà không có sự niệm, rỗng không, tức *sự/lý nhất tâm*, nhập đại định. Tâm ấy là Tánh, niết bàn.

Thiển nghĩ chúng ta tu pháp môn nào cứ thế mà hành. Hành để chứng, chứng một phần tỉ cũng là chứng, đó mới là điều tối quan trọng. Hành để cho/thấy mình cao thâm là chấp trước sâu nặng, lúa cao cỏ cũng cao, công phu tăng ngã cũng lớn thêm. Bậc chân tu không nhìn lỗi thế gian. Lỗi phàm tình còn không nhìn, huống hồ lỗi ở tà giáo; huống hồ nhận cả những pháp môn mình chẳng hành đến đầu đũa tự ban quyền phán xét.

Nhìn chúng sanh khổ, là từ cái chủng tử khổ (chưa đoạn được) trong tâm mình phóng ra. Nhìn con Phật mê lầm, cũng là chủng tử chấp từ vọng tâm ta phóng chiếu mà thôi.

Hoài nghi lời Phật, hành giả đi về đâu?

Trong giới tu hành vẫn nhiều người cho kinh Đại thừa không phải Phật thuyết mà do người đời sau sáng tác. Chữ Tín tối quan trọng. Kinh Hoa Nghiêm: "Tín là nguồn đạo, mẹ công đức, có thể sanh ra hết thảy các thiện căn". Luận *Đại trí độ* cũng viết: "Đại tín là đại trí"; "Phật pháp như kho báu, người không có tín cũng như không có tay, sẽ chẳng lấy được gì". Càng học càng thấy mình ngu. Trộm nghĩ, dẫu tự xét bộ kinh nào ngụy tạo chăng nữa, ai đó đợi đến lúc chứng quả dẫu nhỏ mọn hẳng bài bác cũng đâu có muộn. Bởi lúc ấy nếu có nhận quả đắng họ sẽ biết trước mình về đâu lãnh nghiệp; còn hơn là trong vô minh đọa

xứ. Kinh điển là lưu xuất Tự tánh thanh tịnh viên minh. Những vị chứng quả xưa nay rất nhiều, chưa ai dám sửa một chữ trong kinh Đại thừa; hạng "phàm phu lè tè sát đất" (theo cách gọi của thầy Ấn Quang) lại hoài nghi? Nếu tu, không tin Phật thì tin bất cứ ai trên đời cũng dễ lầm đường lạc lối. Nghi ngờ các kinh: Địa Tạng, Vô Lượng Thọ, A Di Đà, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm v.v, là nghi ngay chính mình không có Phật tánh, bởi kinh Đại thừa cơ bản nói về điều này ("Hết thảy chúng sanh đều có đức tướng và trí huệ Như Lai"). Đây là điều trọng yếu của bất cứ ai tu bất cứ pháp môn nào.

Tịnh độ tông do Phật Thích Ca truyền giảng. Kinh Vô Lượng Thọ, đương cơ thọ nhận là ngài A Nan và Bồ tát Di Lặc; Quán Vô Lượng Thọ giảng cho Hoàng hậu Vi đề hy; kinh A Di Đà, đương cơ là đệ nhất trí huệ Xá Lợi Phất. Ngay trong kinh *Tăng nhất A-hàm* Nguyên thủy Đức Phật đã có bài giảng về pháp niệm Phật: "Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành và truyền bá rộng rãi một pháp rồi sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được hưởng vị cam-lồ, đến được chỗ vô vi, sẽ thành tựu thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp? Nghĩa là niệm Phật". Nhìn xa hơn về thời Mạt Pháp lắm nhiễu nhương, Phật giới thiệu đến chúng sanh cõi

nước Cực Lạc trên cơ sở cần chuyên nhất niệm danh hiệu một vị Phật, chuyên nhất một hướng Tây phương. Chính Ngài khuyên cha mẹ cầu sanh Cực Lạc. Nếu nghi ngờ tức tự cho mình tỉnh táo vượt lên hết thảy đại đức, cao tăng, các bậc tôn túc và hàng vạn triệu người đang ngày đêm tinh tấn và thành tựu nhờ niệm Phật. Trong *Quán kinh huyền nghĩa*, Thiện Đạo đại sư từng khuyên: "Tuy tín tâm có gián đoạn, nhưng không được hoài nghi, báng bổ đối với tất cả Kinh, Luận của Đại thừa. Nếu khởi tâm nghi ngờ, phỉ báng thì dẫu có một ngàn Đức Phật đi quanh thân mình cũng không cách gì cứu vãn được!" Người tu Thiền lẽ nào không tin chuyện Ngài Huệ Năng từng giảng kinh Pháp Hoa, và nhiều vị tổ Thiền đồng thời là tổ Tịnh độ.

Kinh Phật uyên áo bao hàm vũ trụ nhân sinh. Sự nghi ngờ Tịnh tông phần lớn có ở những bậc trí thức và người tu ở một số pháp môn khác, cho Niệm Phật là pháp dành cho những ông bà ít học, kẻ độn căn chờ vận may. Không hay 4 chữ hồng danh "A Di Đà Phật" nếu dành trọn đời bạc tóc cũng chỉ mới nhìn thấy tảng băng nổi lập lờ trên biển. Có điểm đáng lưu ý: người thông Tịnh dễ hiểu Thiền, còn thông Thiền *chưa hẳn* hiểu hết Tịnh. Nhiều người niệm Phật đắc định, đắc nhất tâm bất loạn, thấy trước mắt mình rỗng *không một vật*, phần nào hiểu Thiền; còn đến như người đắc định vẫn không chấp nhận niệm Phật đến cả hàng

Bồ tát cũng cầu về Cực Lạc; những người học Mật niệm chú sẽ dễ thấu suốt nguyện lực Di Đà hơn. Song xét rốt ráo, mọi pháp môn đều tu Thiền. Thiền là tỉnh thức. Giới, và định làm nền để phát tuệ, quán chiếu cuộc đời vô thường hư huyễn, quán chiếu vạn pháp đều *như*; ấy là căn cước để hành giả giảm trừ phân biệt chấp trước, và đây là cách khế nhập chân tâm vốn sẵn. Phần nhiều do sở học duy lý ngăn ngại. Ngoài đời, nhà triết học nào tự đắc thông tuệ, nhưng nếu họ chịu khó đọc vài cuốn do các "triết gia" Phật giáo trước tác như *Thành duy thức*, *Đại trí độ* (của Bồ tát Long Thọ), *Triết học Thế Thân*, hay cuốn *Chú giải Phật thuyết Đại thừa Vô Lượng Thọ trang nghiêm thanh tịnh bình đẳng giác kinh* của cụ Hoàng Niệm Tổ, hay đó là bộ giảng kinh mấy ngàn tập của pháp sư Tịnh Không về Tịnh độ đại kinh, về kinh Kim Cang, kinh Hoa Nghiêm, sẽ thấm nhuần pháp sâu màu khó luận. Với người luôn tự cho mình giỏi, các cao nhân luôn xiển đề học vấn (có vị Hòa thượng nhận đến 4 bằng Tiến sĩ), để giới trí thức thấy cần học hỏi; khi quen nhau rồi các Ngài mới đưa Phật pháp diễn hóa. Còn như độ những người đã có căn duyên tiền kiếp thì dễ hơn; dẫu không biết chữ song về nhân quả luân hồi họ tuyệt không hoài nghi, chuyên tâm niệm "A Di Đà Phật". Nhưng không có cái lý càng học cao càng dễ chứng. Ngay Lão Tử cũng

nói: "Vi Đạo nhật tổn, tổn chi hựu tổn, dĩ chí ư vô vi" (Theo Đạo thì ngày một giảm, lại càng giảm, giảm cho đến vô vi). Đạo là trạng thái đưa tâm trở về Không, trong lặng, không nhiễm ô. Lúc đó cái họ sở đắc là trí huệ (nhận rõ chân tướng vũ trụ nhân sinh trên cùng một nguyên lý), chứ không phải trí thông minh thế gian (dạng kiến thức cóp nhặt). Không ngẫu nhiên mà bậc Thượng nhân khuyên hãy *học Phật* chứ đừng *Phật học*. Đạo Phật trọng thực chất, xem nhẹ hình thức. Nhiều người rất tinh thông giáo pháp lại hành đạo kém khiến con đường giải thoát gập ghềnh. Phật học dẫu sao chỉ là sự thu lượm khối kiến thức khổng lồ dường như không có bờ bến, còn học Phật là quyết chí sống theo giới luật cộng với sự hành trì kinh, trì chú, niệm Phật để Tâm an định, từ đó phát huệ chiếu rọi con đường trở về bờ Giác. Ai *Phật học* bất quá cũng là người thợ chữ trần ai. Còn *học Phật* là đang hướng về cõi hiền thánh. Hiểu sâu sắc và thuyết giảng trôi chảy giáo lý âu mới là thế gian pháp. Hành theo giáo lý Đức Phật đó là pháp xuất thế. Giá trị của con người là *hành* chân lý tối thượng chứ không phải ở việc *hiểu* chân lý tối thượng.

Vạn pháp quy nhất. Pháp môn vốn không cao thấp. Cái chính là hợp căn hợp thời. Ngày xưa con người duyên tánh trội hơn. Bây giờ tập khí đầy giẫy, ùa ạt vào tâm. Hàng ngày các trò

giải trí tăng thêm tính ảo và thực dụng, nội ti vi thôi người tu đã quá vất vả chế ngự vọng niệm. Một khi internet toàn cầu hóa, thế giới trở thành ao hồ trong mỗi người, khiến vọng tưởng mặc sức sinh sôi. Vọng tưởng ở trong Tịnh tông có thể định nghĩa: Ngoài câu "A Di Đà Phật" ra, hết thảy những ý niệm khởi lên đều là chính nó. Vọng tưởng xét đến cùng là giả, vô tự thể; chống vọng tưởng cũng bằng biến mình thành vọng tưởng. Lúc thiền, tưởng tượng, trong đêm tối một cánh cửa mở và ánh sáng xuyên ra. Ta cứ ngồi trong phòng, ai ngang qua cũng biết song tâm không động, không gọi tên, không níu kéo. Theo lý của một Thiền giả xứ Ấn thì như ông già ngồi xem đám trẻ nô đùa trong khu vườn; xem mà như không xem. Thực hành việc này khó, bởi lũ trẻ tinh quái thường lôi tâm cùng rong chơi, rồi nó dẫn vào mê cung lúc nào không hay… Bên Tịnh độ chỉ cần chú tâm vào Phật hiệu, vọng tưởng "kệ nó", tức không khởi tâm bám chấp, xua đuổi, chỉ biết mình đang niệm, *nghe từng chữ danh hiệu nối nhau* kết thành chuỗi thành phiến. Hễ ai còn giương khẩu hiệu chống cái này cái kia, kể cả chống cái ác, người đó chưa thể gọi chánh tri chánh kiến. Thay vào đó họ chú ý mỗi nguồn thiện từ đối tượng. Do vậy để xét một giáo phái có phải Chánh hay không, soi vào vấn đề này cũng rõ. Có những thuyết lập ra rất gần

với giáo lý Đức Phật, người chưa tiếp cận Kinh điển rất dễ nhầm, chấp chặt, xem giáo chủ đó trên cả Phật, hoặc là Phật tái lai. Chủ trương "diệt trừ tà ác", theo đó phủ nhận luôn chân tâm tạm lấp vùi trong cái ác, đó không phải là Phật pháp. Thật dễ hiểu, bởi rốt cùng tà ma ngoại đạo đều được Phật rủ lòng thả thuyền từ cứu độ.

Thiền đòi hỏi phải là bậc thượng căn với nghị lực phi thường, bền gan vững trí. Đời nay tu Thiền, nhiều người chỉ tạm đối phó với căng thẳng trước sức ép xã hội, gọi là phàm phu thiền, còn theo Thiền tông như cổ đại đức, mấy ai tu nổi? Nên dễ khiến hành giả quán gì đều đối trọng với vọng tưởng, đều lấy vọng tưởng là kẻ thù cần tận diệt, khiến vọng tưởng như con đĩa càng chặt khúc càng nảy nở. Ngài Lý Bỉnh Nam căn dặn: "Chưa được minh sư (chỉ dạy) mà đã dám tự tiện tĩnh tọa, đó là coi nhẹ Thiền quá sức!" Các Tổ thường khuyên học Thiền phải có sư thừa là vì thế. Ở ta thấy người vào định là chuyện lạ, còn bên xứ Ấn và Tây Tạng, ở các nước Phật giáo Nguyên thủy, người miên man nhập định khá phổ biến. Vào được tứ thiền bát định thì vẫn mới chạm đến cõi trời Phi tưởng, nào dễ ra khỏi tam giới. Có thể lấy một ly cà phê đá làm tỉ dụ cho Tâm. Nếu để ly cà phê một lúc, phía trên cùng sẽ có lớp nước trắng trong, (tạm gọi chút thanh tịnh); còn phần lớn cà phê phía dưới vẫn đen kịt, ví như hoặc nghiệp. Người tu Thiền

đòi hỏi phải đoạn kiến tư hoặc khiến toàn ly cà phê trở nên trong suốt. Người tu Tịnh tông nhờ vào lớp nước trắng phía trên (nhất là trong thời khắc lâm chung trì niệm từ một đến mười câu Phật hiệu), lớp nước trắng dần dà quyện đặc phủ lên khiến vọng tưởng phía dưới tạm thời không sai sử thân ý tạo ác nghiệp, liền được rước về Cực Lạc thế giới theo bổn nguyện của Phật A Di Đà. Dẫu sao, đó vẫn là công phu cạn. Công phu sâu thêm nhiều người sẽ biết trước ngày giờ, tự tại vãng sanh; vãng sanh cả khi còn sống; công phu đạt sự/lý nhất tâm. Điều này xưa nay rất nhiều.

Tu về Cực Lạc chẳng những hợp với bậc độn căn mà đến Bồ tát cũng cầu dự vào hàng bất thối ấy. Hạng bình phàm bất cứ lúc nào rỗi trí đều có thể niệm Phật, sự động thân va chạm ngoài đời không hề trở ngại việc tịnh tâm. Ai chuyên tu, sau một vài năm đã thấy rõ lợi ích. Tịnh độ được mười phương chư Phật gia trì; niệm một danh hiệu Phật cũng bằng niệm mười phương chư Phật. Người không tin nhận pháp Niệm Phật cũng như không tin sức gia trì của chư Phật đối với bất cứ hành giả thuộc pháp môn nào, cũng bằng vỗ ngực: *Không dám phiền Phật, tự con đủ sức tìm đường tới Niết bàn!*

THƯỜNG TÂM KHÔNG PHẬT, CHÚNG TA NIỆM NHỮNG GÌ?

Phật là bậc giác ngộ toàn triệt, nhìn thấu chúng sanh cơ bản do vọng tưởng chấp trước che lấp bổn tánh, nên giới thiệu pháp môn Niệm Phật cho thời mạt. Đó là di ngôn căn cốt nhất dành cho hậu thế. Chúng sanh vốn sống trong vọng tưởng phân biệt chấp trước, Phật khuyên niệm Phật để từ tướng mà lìa tướng, dần dà Phật hiệu "đồng hóa" vọng tưởng một cách lặng lẽ diệu kỳ. Theo cách nói của Tổ Thiện Đạo: "Rời tướng mà cầu hoàn thành sự việc thì cũng chả khác gì người không có chú thuật, thần thông lại đi làm nhà, xây lầu giữa hư không!"

Xưa để chọn ra bộ kinh quan trọng nhất trong sự nghiệp giảng Pháp của Phật Thích Ca, giới tu hành phần lớn xem kinh Hoa Nghiêm trọng yếu. Một vị cao tăng đúc kết: tinh hoa kinh Hoa Nghiêm là kinh Vô Lượng Thọ; tinh hoa kinh Vô Lượng Thọ là kinh A Di Đà; tinh hoa kinh A Di Đà là 48 lời đại nguyện; tinh hoa 48 đại nguyện là lục tự hồng danh. Phật dự liệu sau thời Mạt Pháp hết thảy kinh đều dần dà diệt, vẫn còn danh hiệu "A Di Đà Phật" truyền khẩu trong dân gian, ai tin sâu, nương vào trì niệm sẽ nhận được trợ lực giải thoát. Trợ lực ở đây, theo kinh Hoa Nghiêm và Lăng Nghiêm, là các Bồ tát tái lai, hóa

hiện làm người thường trong nhân gian âm thầm dạy những ai đủ duyên lãnh hội, thừa đương. Cổ đức mới dạy: "Vạn pháp tinh hoa lục tự bao". *Nam mô A Di Đà Phật* với thần lực vô biên và sẽ khởi tác dụng viên mãn. Tam tạng kinh điển được gói gọn trong đó; một khi người tu chí thành, khẩn thiết niệm ngày đêm, Danh Hiệu sẽ in sâu, tự tâm phát khởi như tiếng chuông ngân vang, thăm dò, đánh thức bản tánh ẩn sâu dưới vô minh phiền não.

Bậc thiền sư lỗi lạc giảng về Tịnh độ rất nhiều. Bậc đạo sư thông Thiền, Mật, họ vẫn khuyến tấn mọi người hướng về Cực Lạc. Từ Đại Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền cho đến Tổ sư Long Thọ; Đại sư Pháp Chiếu vốn chuyên tu Thiền, sau nhờ Đức Phổ Hiền khai thị mới quay về Tịnh nghiệp, rồi trở thành Tổ; Hòa thượng Hư Vân tu Thiền đắc định, khuyên học trò niệm Phật và đã thành tựu viên mãn; Hòa thượng Tịnh Không, bậc Thượng nhân hiện thời chuyên hoằng dương Tịnh độ vốn là học trò ruột của Đại sư Chương Gia bên Mật tông; Ngài như một vị hóa thân, pháp của Ngài thực chất là "Tịnh độ tự tánh" ẩn sâu giáo lý thâm nghĩa của Thiền, Bát nhã, Tối thượng thừa. Đã ngoài 90, Hòa thượng vẫn ngày ngày giảng bản chú giải kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Cụ Hoàng vốn là Kim Cang A Xà lê của Mật tông, lại từng tham học Thiền tông

với đương đại Thái Sơn bắc đẩu Hư Vân, mà 6 tháng cuối đời 1 ngày niệm 14 vạn danh hiệu Phật cầu sanh Cực Lạc; Hòa thượng Quảng Khâm tu thiền nhập định hàng tháng trời, kim chỉ nam truyền pháp của Ngài vẫn chỉ vỏn vẹn "sáu chữ"; Hòa thượng Tuyên Hóa lúc còn trụ thế ở Mỹ quốc dành hết tâm sức giảng Thiền nhưng ai đọc cuốn sách "Quê hương Cực Lạc" mới hiểu thấu pháp môn Ngài đã nương vào làm nền tảng. Bồ tát Di Lặc đương lai ứng Phật dương gian cũng dựa trên kinh Vô Lượng Thọ mà gây dựng Chánh pháp.

Câu Phật hiệu đầy đủ năng lực gom tâm chuyên trụ vào một chỗ như mũi khoan xuyên vào bức màn vô minh dày đặc. Thường niệm "Nam mô A Di Đà Phật" cũng chính là hành thiền. Lúc nào đi đứng nằm ngồi ta đều niệm Phật (niệm câu nào nghe rõ câu đó), ấy là tỉnh giác. Nếu ai chuyên tĩnh tọa, lúc xả thiền hòa vào dòng đời làm Phật sự rất khó giữ chánh niệm. Người tịnh niệm tiếp nối thành chuỗi tâm lúc nào cũng tỉnh thức. Niệm Phật thật sự là phép thiền vi diệu. Không cứ dựa vào pháp môn nào, điều trọng yếu đều phải đạt được tâm thanh tịnh. Không thể lấy cái gọi là công năng đặc dị lại đòi bay lên nước Phật. Tu - là giữ tâm trong lặng, hòa ái, trải lòng với muôn loài; ý nghĩ hành động đều nghĩ về người trước. Trong suốt thời gian đó câu Phật hiệu luôn in sâu trong tâm như được khắc chạm, vậy cũng là "chuyên tu". Dẫu sự tu này nhiều

lúc không ai biết (do niệm thầm danh hiệu Phật); sự tu đó làm lợi cho mọi người và hoàn cảnh xung quanh chứ nào ảnh hưởng đến ai. Từ đây xả bỏ dần tri kiến thế gian, xả bỏ sự bon chen, ghanh ghét, đối kị, tham lam sân hận, ngã mạn hẹp hòi, nhìn nhận về tất cả mọi người đều là quyến thuộc của mình, đều là con Phật, chuyên trì niệm và sống theo hạnh bồ đề, trí huệ sẽ sáng và phát lộ bản tánh chân như. Chợt nhớ lời khai thị của Đại sư Triệt Ngộ: "*Phàm đã có tâm thì không thể vô niệm. Nếu chẳng thuận cảnh Phật mà niệm cảnh Phật thì liền niệm chín cõi; chẳng niệm Tam Thừa thì liền niệm Lục Phàm; chẳng niệm cõi trời người thì liền niệm Tam Đồ; chẳng niệm ngạ quỷ, súc sanh thì liền niệm địa ngục*". Điều này được gói trong một câu của kinh Địa Tạng: "*Chúng sanh Nam diêm phù đề khởi tâm động niệm không gì không tội, không gì không nghiệp*". Từng xem qua Duy thức và tham cứu về tâm sở đa phần bất thiện, đọc đến đây lẽ nào không phản tỉnh?

Tịnh độ Chân tông Nhật Bản thường trên tinh thần phá chấp, dựa vào nguyện thứ 18 mười niệm vãng sanh của Phật A Di Đà, đã ảnh hưởng nhiều đến giới tu hành Tịnh tông ở Việt Nam. Khá nhiều người dễ dãi quá nương cậy vào Phật lực. Trước hết phải cắt nghĩa sự tiếp dẫn. Lúc ta trì mười lượt hồng danh, khoảng thời gian đó phải tương ưng với tâm thanh tịnh. Ta niệm Phật tức ta

niệm tâm Phật, chứ không phải niệm với tâm loạn lại chờ Phật phóng quang; sự chờ đó chính là cầu Phật bên ngoài. Chiếc radio hay ti vi, ta muốn nghe muốn xem phải rà đúng sóng kênh ấy mới rõ ràng, còn không sẽ chẳng rõ tiếng mà hình cũng nhảy giật, là lúc nhiễu sóng cảnh giới ma quỷ, khó thể vãng sanh. Chúng sanh vốn mang theo cả vũ trụ nghiệp, vọng tưởng đảo điên nhất là lúc bệnh nặng và cận tử. Một đến mười niệm là nói đến thời điểm cận tử nghiệp, khoảng thời gian vừa đủ để Phật tiếp dẫn. Mười niệm nối nhau dễ không? Nhiều người niệm Phật mấy chục năm trời song bảo thử nhắm mắt khởi mười niệm không vọng tưởng xen ngang, đã khó. Quen với miệng niệm tâm nghĩ gì tùy thích càng trượt đà, lúc lâm chung sẽ khó ứng với tâm Phật. Hiện giờ thân thể khỏe mạnh, tâm thế phấn chấn, ngồi niệm một cây hương, hỏi có mấy lần được thanh tịnh kết chuỗi? Huống hồ lúc thân đau đớn quằn quại, nếu không cũng tâm thần bấn loạn ngổn ngang, oan gia trái chủ tìm đến thanh toán nợ nần, nghiệp lực thừa cơ trỗi dậy. Hành giả nào để ý việc này, cứ thực hành từ 3 câu thanh tịnh nối tiếp, cho đến 5, rồi nâng lên mười (theo cách 3 - 3 - 4 hoặc 5 - 5 hoặc 4 - 6) hay chú tâm trong một hơi, xếp lại, rồi tiếp tục hơi khác, dần dà mười niệm thuần thục thành phiến. Tha lực trước hết phải có ngay ở đây và bây giờ. Những bậc chuyên

tu cho biết một khi hành giả quyết buông thế sự, chuyển tâm giữ giới; chính sự giữ giới sẽ cảm ứng Phật lực và điều này họ phải ít nhất tự linh cảm thấy. Dẫu biết công hạnh niệm Phật để đến với cõi nước An Lạc có nhiều cách hành trì, song thiết nghĩ nếu niệm Phật mà mặc tâm làm màn hình chiếu phim cho alaya, sẽ chẳng khó hiểu khi nhiều sinh mạng vẫn trách Phật A Di Đà lỡ hẹn. Tôi từng được đọc cuốn sách *Sông lửa Sông nước*, tác giả Taitetsu Unno đưa ra cụm từ "danh hiệu kêu gọi"; và dẫn câu chuyện một người bị lạc khỏi đoàn người trong một thung lũng núi non và trời thì sắp tối với tiếng thú hoang tru lên man rợ. Chúng ta thử đặt mình vào hoàn cảnh nảy, sẽ thấy cái đói thúc bách chăng nữa cũng không còn tâm trí nghĩ đến chuyện ăn dẫu để có sức để cất lên tiếng gọi thao thiết cứu mạng. Cô cứ gọi, và bỗng từ xa có tiếng gọi đáp của những người đi tìm cô. Người niệm Phật cầu vãng sanh nên như cô gái này, ngày nối đêm không còn tâm trí nghĩ đến bất cứ việc gì ngoài "danh hiệu kêu gọi", nghĩa là buông sạch sẽ thế gian như một cú *chết đi* một lòng *sanh về*.

Phật Thích Ca từng khẳng định trong kinh A Di Đà, rằng chúng sanh lâm chung nếu thiết nguyện sẽ được chư thánh hiện tiền, khiến tâm bất điên đảo. Ở đây có một điểm trọng yếu là niềm Tin. Vào thời khắc đó, hành giả phải tin sâu,

tin chắc Phật A Di Đà sẽ đến. Chưa chế ngự được tà niệm, song niềm tin vững, một lòng chí thiết đợi Phật, phiền não ắt lắng xuống; cộng với năng lực gia trì giữa một không gian đầy ắp từ trường siêu thiện và hào quang tỏa rạng, hành giả dễ chừng hóa sanh về Cực Lạc.

Đến đây mới hiểu tại sao pháp môn niệm Phật không lấy chữ Hạnh làm đầu (hạnh niệm Phật) lại xem Tín bậc nhất trong ba món tư lương. Bằng niềm tin sâu chắc, hành giả dẫu không đạt nhất tâm trong mười niệm vẫn nhiều cơ hội lách qua khe cửa hẹp tử sanh. Nhất Tâm trong niệm Phật bước đầu nên hiểu là tức thì khởi niệm Giác. Hễ vọng tưởng nổi nên ngay liền "A Di Đà Phật" khởi động. Suối đời hành niệm Phật cốt yếu xoáy vào việc niệm theo từng chuỗi mười câu; đang niệm bỗng tự hỏi không biết niệm thứ mấy rồi, liền bỏ ngay vòng đó niệm lại từ đầu. Hồng danh Đức Phật là hạt giống, hành giả chăm sóc nẩy mầm, lớn lên vươn cành tỏa bóng, cây bồ đề thành cổ thụ. Từ *miệng niệm* đến *tâm niệm*, câu Phật hiệu từ ngoài nghe vào nay từ tâm phát ra, là lúc hành giả xoay được sự nghe vào trong, xoay cái nhìn vào bổn tánh. Có người một mình niệm Phật mà ngỡ trăm người cùng niệm, rầm rập như sóng vỗ bờ; như hàng trăm bước chân nhịp nhàng hùng dũng tiến đến. Có người ngồi niệm mà như đang trụ giữa hư không, dàn đồng ca "A Di Đà

Phật" vang vang dội xuống. Những người khác lại vô niệm mà niệm, niệm mà tâm tuyệt tĩnh yên vắng; có người khởi Phật hiệu cả trong giấc mơ đánh tan ác mộng…

Bản thân tôi chưa thực hành được chút xíu so với những loại công phu đó. Vốn học mót ân đức chư tổ và bậc chân tu lặng lẽ giấu mình chờ thời hóa độ, những lời viết ra chỉ là cảnh tỉnh bản thân đang ở trong vòng nguy hiểm luôn có nguy cơ đọa vào ác đạo.

Con khỉ lại thức trong mỗi giấc thiền

Con khỉ trong thuyết *Tiến hóa*, đến nay các nhà khoa học vẫn chưa giấu được cái đuôi vào đâu. (Cũng như Ngộ Không chạy trốn Nhị Lang thần, lúc biến thành túp lều vẫn để lộ... cột cờ). Loài người không là quá trình tiến hóa từ loài khỉ, nhưng nếu ai khởi niệm tu giải thoát, thì con khỉ đã sẵn trong tâm rồi. Trong *Hoàng Bá truyền tâm pháp yếu* có ghi lại lời Sơ tổ Đạt Ma: "Hết thảy chúng sinh vốn là Phật, không cần nhờ tu mà nên. Nay chỉ cần nhận biết bổn tâm mình, thấy bổn tính mình, đừng cầu tìm chi khác nữa. Làm sao nhận biết tâm mình? Chính cái 'đang nói năng đây' là tâm". Nhị tổ Huệ Khả xưa từng chặt đứt

cánh tay thể hiện ý hướng cầu đạo; khi Sơ tổ bảo "đưa tâm ta an cho thì lắc đầu: "Con kiếm mãi mà chẳng thấy tâm đâu". Yếu chỉ của Đạt Ma khi sang du hóa ở Trung Hoa nước Ngụy vào năm 520 sau TL hẳn là "Trực chỉ nhân tâm".

Trực chỉ nhân tâm, tức đã biết có chân tâm? "Làm sao nhận biết tâm mình?" Nhiều người cứ quen miệng Phật tại tâm, thực chất họ chưa biết tâm. Con người được sinh ra vốn có *thân* và *tâm*. (Dĩ nhiên là thân *huyễn* và tâm *vọng*; chân tâm tự tánh như Tổ chỉ thì chúng ta chưa nhận được). Hầu như ai cũng biết đến thân, chăm sóc chiều chuộng. Họ dùng mỹ phẩm, thời trang, dùng tiền vuốt ve thái quá. Nên tâm bị bỏ quên. Một không gian lãng mạn với những lời hoa mỹ, những nốt nhạc ru tình; họ đến chốn thơ mộng thưởng thức nhiều món ngon với cả thị giác lẫn vị giác... tất cả những thứ ấy khiến con người nhầm tưởng đã có một cuộc sống tràn đầy nội tâm, tưởng nắm được tâm.

Cũng một miếng ăn, nhưng ta biết ta đang ăn, đang cảm thấy ngon hay dở, lòng rộn sướng vui hay bực tức, mới chính là khoảnh khắc bắt đầu nhận diện được tâm (tham). Cũng một lời nói tưởng rất tình cảm là nhắc đến X ra giữa mọi người, nhưng biết sự nhắc đó chỉ để người khác nói hùa sai sót của X; nếu lấy làm xấu hổ, lúc đó

ta thực đang biết đến tâm. Cũng một hành động móc tiền cho người ăn xin, nhưng biết chỉ để nở mặt với người ngồi bàn bên, biết ngay bao phần trăm tính cơ hội trong việc thiện đó, chính là tâm đang lên tiếng. Tâm chính là viên ngọc, thân chỉ là cái hộp đựng. Chăm sóc thân, tâm dễ lu mờ tì vết. Biết tâm và chăm sóc, tâm sẽ phát sáng.

Nhận biết tâm trong cuộc sống đã khó, giữ được tâm bình lặng lúc Thiền càng nan giải khôn cùng. "Không có hiện tượng nào lướt đi nhanh chóng như cái tâm. Khó mà tìm được một sự so sánh nào để diễn tả được sự lướt đi nhanh chóng của tâm" (*Kinh Anguttara Nikàya*). Đức Phật dạy rằng: "Giống như một con khỉ chuyền từ cây nầy qua cây khác, nó nắm lấy một cành cây rồi chỉ buông tay ra khi nó nắm được một cành cây khác, con người cũng như thế, tư tưởng, tâm hoặc ý thức của họ phát sinh và biến mất liên tục, không ngừng suốt ngày đêm". Ngài Tịnh Danh cũng từng ví "tâm như khỉ vượn", rất khó chế ngự, rất khó điều phục. Kinh *Samyutta Nikàya, II*: "Giống như một con khỉ bay nhảy trong rừng sâu khi thì chụp cành này, rồi buông bỏ lại chụp cành khác, rồi chạy chụp cành khác nữa. Trong "*Con đường dẫn đến Phật quả*" - Những Giáo lý về Pháp Bảo của sự Giải thoát, ngài Gampopa cũng tự vấn: "Có bao giờ bạn nhìn thấy bức tranh tuyệt đẹp minh họa các giai đoạn của thiền định? Bạn thấy một con voi, một con

thỏ, một con khỉ, và một người đàn ông. Con voi là tâm ta, con thỏ là sự hôn trầm, con khỉ là sự xao lãng và người đàn ông là sự chú tâm. Ở cuối trang giấy, con khỉ đang dùng một sợi giây để kéo con voi đến nơi nào nó muốn". Hòa thượng Quảng Khâm suy nghiệm: "Xuất gia là để trị cái tâm lăng xăng như khỉ"; Hư Vân thiền sư tự thuyết, lúc trẻ ông cũng "tâm nhiều tham cầu, như khỉ vượn nhảy nhót hái trái cây".

Trong rất nhiều từ ngữ dùng chỉ mức độ nghiêm trọng của tâm: điều tâm, nhiếp phục tâm, khai phá tâm,… thì *thuần hóa* tâm thiết nghĩ chuẩn xác và đắc địa. Ngày xưa những loài vật hoang ở rừng rú, hung tợn và độc ác, con người bắt về nhốt lại rồi lên kế hoạch thuần hóa, đến lúc chúng sống bên người mà không làm hại đến (tính mạng) ta, lúc đó mới tạm ổn. Tâm người không tu tập tập từ nhỏ, lớn rồi chẳng khác ngựa hoang, hay như bò tót mà đấu sĩ cưỡi trong các lễ hội ở Tây Ban Nha. Nó lồng lộn, vừa nhảy vừa xoay sao hất bằng được người cưỡi rơi xuống, rồi thừa thắng hung hãn lao tới húc. Mức độ quấy nhiễu còn tệ hơn, ấy là lúc ta đối mặt với con khỉ. Lúc thiền, tâm chúng ta như khỉ chuyền cành không ngừng nghỉ. Tính *dữ* của (tâm) bò tót đã lặng, nhưng tâm-con-khỉ lại có vũ khí rất lợi hại. Một clip về động vật hoang dã quay cảnh con khỉ cứ bám nhành cây mà bớp tai đấm vào đầu con hổ

đang cố ngủ dưới bóng cây. Mỗi lần bị bợp, hổ vùng dậy tức tối xem chừng có thể xé tan khỉ nhưng chịu không làm gì được; nhoáng cái khỉ đã ở trên cao.

Nhắc lại câu chuyện Thiền: một người nài nỉ xin bằng được vị sư câu thần chú. Sư bằng lòng cho, chỉ dặn: Lúc niệm thần chú này đừng nghĩ đến con khỉ. Người kia mừng rỡ đầy tự tin đáp: Tưởng gì chứ không nghĩ đến con khỉ thì dễ. Thế nhưng mỗi lần người này niệm câu thần chú, con khỉ cứ xuất hiện quấy nhiễu. Anh càng xua đuổi, khỉ càng bay nhảy trước câu thần chú. Đã biết "tâm như khỉ vượn" thì nên tìm cách thân thiện với những biến thái của tâm chứ ngăn chặn có chăng là ảo tưởng. Carolyn Rose Gimian từng viết: "Trong truyền thống Phật giáo, người ta thường dùng sự so sánh tương đồng giữa kinh nghiệm tự ngã với một con khỉ bị kẹt trong một căn nhà trống. Con khỉ ích kỷ và tự mãn nhảy bổ vào tường rồi dội ra, cảm thấy bị nhốt và cố gắng để thoát ra. Nó nghĩ nó bị giam trong ngôi nhà và không hề biết rằng chính nó đã tạo ra nhà giam này. Nó cũng không hề ý thức được rằng nó như vậy là thực sự ổn rồi. Bạn và tôi có thể không khác gì mấy anh chàng khỉ đó".

Hãy tưởng tượng đến một vùng tối, cánh cửa nhà ai đột nhiên mở và ánh sáng chiếu ra; ngồi

thiền, lúc ấy tâm quan sát những ai ngang qua vùng sáng, như một camera hồn nhiên, không dùng lý trí phân tích can dự. Tổ Hoàng Bá truyền tâm pháp cho một học trò: "Vừa kiến chấp thấy Phật, liền bị Phật ngăn ngại; vừa kiến chấp thấy chúng sinh, liền bị chúng sinh ngăn lại. Hễ có kiến chấp phân biệt phàm thánh, sạch dơ, liền bị các kiến chấp ấy ngăn ngại. Vì những thứ ấy ngăn ngại tâm ông, nên ông cứ luân chuyển mãi, loay hoay như con khỉ, buông cái này chụp cái kia không lúc nào ngưng". Những tiếng guốc, những giọng nói, những tiếng động, những sự việc quá khứ vị lai sẽ thầm lặng lướt qua tâm, hãy để chúng trôi đi và không kiểm soát dẫu rằng tâm đang canh gác nghiêm mật. Rất nhiều kiểu quán trong thời Thiền. *Tứ Niệm Xứ* gồm quán *Thân* (bất tịnh), *Thọ* (khổ), *Tâm* (vô thường), *Pháp* (vô ngã). Thêm 16 phép quán trong Quán Vô Lượng Thọ kinh. Người tu lúc thiền cũng có thể niệm "Nam mô A Di Đà Phật". Dòng niệm nối nhau không ngừng nghỉ trong sự ngưỡng vọng ơn cao dày Đức Phật, trong nỗi khao khát tột đỉnh được trở về Cực Lạc. Ấy tạm gọi Thiền-Tịnh song tu. *Pháp ngữ của Thiền sư Hư Vân*: "Nếu như niệm Phật đến nhất tâm bất loạn, thì có khác gì với tham thiền! Tham thiền đến độ cả hai năng và sở đều mất thì có khác gì với thật tướng niệm Phật! Thiền tức là Thiền trong Tịnh độ. Tịnh độ tức là

Tịnh độ trong Thiền. Thiền và Tịnh độ vốn tương trợ lẫn nhau". Thiền không chỉ *ngồi* thiền. Thiền phải có ở hầu như mọi hành động suốt ngày đêm của ta. Người tu trước lúc ngủ nhất tâm niệm "A Di Đà Phật" đến ngủ quên; thực hiện thành nếp, hễ cứ nằm xuống ngủ là tự động câu Phật hiệu bật lên trong tâm; nửa đêm lỡ tỉnh dậy lại niệm, tuồng như tánh giác vẫn niệm lúc ý thức tạm ngưng hoạt động; âu cũng là cách dụi cái bóng con khỉ chìm xuống đáy vọng tâm.

Ân sư chỉ cho bạn tu của tôi dùng *tánh nghe* để đột phá tâm ý thức xuyên thẳng vào bổn tâm. Nhĩ căn nhạy bén nhất trong sáu căn, nên bạn tu dùng *căn tánh* này chuyên trì niệm một câu kinh thay vì *thả lỏng* nghe hết thảy các âm thanh "nổi" luôn hiển hiện quanh ta. Bất cứ ai nếu bịt tai vẫn có thể nghe được câu kinh niệm thầm trong tâm, đó là cách xoay cái nghe vào trong; lâu dần âm thanh câu kinh rõ như những sợi tơ trên màn hình siêu nét; đồng thời các vọng cũng dần lộ gốc rễ và ngay đó chúng nhạt dần uy lực. Ở những căn còn lại cũng nên dùng *căn tánh*, không dùng "căn thức" tiếp trần cảnh. Vạn pháp bình đẳng. Bình đẳng là "bản-tánh" của mỗi pháp, chúng ta lại dùng khuôn nghiệp của mình để nhìn thành ra méo. Bạn tu thường ngâm nga câu thơ: *"Đời tròn như một viên bi/ Mắt ta thì méo nên chi mê lầm"* (chữ "Đời" có thể thay bằng tên bất cứ ai). Nếu ta có định lực để nhận lý bình đẳng sẵn nơi tâm, cung kính với vạn pháp vốn bình đẳng như mình,

thì đó chính là cái tánh nhìn bình đẳng để nhìn vạn pháp vốn bình đẳng. Cái bình đẳng trong ta nhìn cái bình đẳng nơi mỗi pháp, sẽ thông đến chân tâm dẫu chân tâm ấy còn bị vô minh che phủ. Chẳng chúng sanh nào bỏ được cái tự biết, bởi nó thường hằng soi chiếu; cũng như chúng ta bị quá khứ vị lai và cả hiện tại chi phối, muốn thoát ra, muốn bài trừ, song chẳng sát na nào ai có thể ra khỏi thực tại. Không ra khỏi nhưng luôn muốn ra khỏi, thế nên Đức Phật mới tìm pháp tu cho mỗi người, và rốt cùng cũng đồng về một hướng. Một vị thiện tri thức chân chánh là người luôn dẫn dắt bạn đi lên một bậc liền phá đi nấc thang đó, khiến bạn như đứng giữa hư không và phải bắt đầu từ nấc số không mà bước lên.

Hướng tâm về miền sáng

1. Pháp và cái giống pháp

Lúc Phật sắp nhập Niết bàn đã khuyên đệ tử nương vào *4 y cứ* để liễu thoát sanh tử, trong đó đầu tiên phải "y pháp bất y nhân". Pháp chính là Kinh điển. Kinh điển cũng hiểu rộng ra là lời giảng và khai thị của các bậc triệt ngộ. Không dựa vào kinh điển tu tập, người ấy nguy cơ đi lệch đường đạo.

Không thâm nhập kinh điển, có chút công phu dễ nhầm mình chứng đạo. Tầng trời Phi tưởng phi phi tưởng người ta "sống trong định" bèn tưởng mình nhập Niết bàn, chẳng ngờ hết phước lại rớt xuống trở lại như thường. Nói gì đến những vị ở hạ giới tĩnh tọa hàng tháng trời lại

tưởng mình đã ra ngoài Tam giới. Ngay ở xứ Ấn và bên Tây Tạng, người người tham thiền đến râu tóc phủ kín mặt song đa phần giống như cốc nước để lâu nên lắng, lúc xả thiền tiếp xúc với nghịch duyên trần cảnh thì lớp cặn phiền não lại chỗi lên. Nhiều vị nhập định sâu, sanh tâm tự mãn liền rơi vào *ấm ma*; ma tạo cảnh giới ảo và họ tha hồ vi vu khoái lạc, gieo rắc nghiệp chướng. Đau xót nhất là hiện tượng tuyên bố mình đã chứng. Xưa nay trong nhà Phật, ai là bậc tái lai đều không hé lộ. Do duyên cơ nào đó "bị lộ", họ sẽ bỏ xác phàm rời nhân gian. Cũng có trường hợp "khai" mình chứng quả, liền nhập diệt. Đây gần như là nguyên tắc chưa có ngoại lệ. Cho nên để nhận diện một ông Phật giả thật không quá khó. Trong kinh Đại Bảo Tích, Đức Phật hỏi đệ tử: Nếu như có một người cướp hết sản vật của chúng sanh Nam Diêm Phù Đề, tội ấy có nặng không? Đệ tử trả lời rất nặng. Phật bảo: Nếu người nào chưa chứng ngộ lại xưng mình đắc Tu đà hoàn, tội kia không bằng. Thế mới biết gieo nhân này ắt xuống địa ngục thọ quả.

Dẫu biết còn xa thẳm, nhưng Phật tử nào chẳng mong ngày Phật Di Lặc giáng thế. Kinh Vô Lượng Thọ nói rõ tương lai Ngài vẫn sẽ truyền giảng Tịnh độ - pháp môn được Phật Thích Ca dặn: thời Mạt Pháp tu niệm Phật mới diệu dụng. Khá nhiều trường hợp thuộc hàng ngu phu nhưng

phát đại nguyện sanh về Tây phương Cực lạc; sống và làm bất cứ điều gì đều cốt "trang nghiêm Phật tịnh độ", ngày đêm chuyên tâm niệm Phật đẩy lùi vọng tưởng - phân biệt - chấp trước, họ đã nhẹ nhàng đới nghiệp vãng sanh, viên thành Phật đạo. Thế mới gọi Pháp môn này "hoành siêu tam giới". Chính sự "đi tắt" này dễ khiến ta nghi ngờ. Không dễ tin chỉ nắm vững câu Phật hiệu, một lòng hướng nguyện trở về "bản quán" lại thành đạo; trong lúc các bậc chân tu muôn vàn khổ công vẫn chưa thể nhập dòng thánh. Hòa thượng Quảng Khâm (bậc chân tu đại ngộ được cả giới tu Thiền và Tịnh kính ngưỡng) bảo không nhất thiết phải học nhiều Kinh điển, chỉ cần tâm không rời câu "A Di Đà Phật". Ý muốn nói, một khi tin sâu cõi Cực lạc, buông luyến thế sự chuyên trì danh hiệu cầu vãng sanh thì ngàn kinh vạn luận với họ đều... thừa.

Nhiều bộ óc thông hiểu sâu sắc kinh giáo, vẫn... không tu, vẫn chỉ đứng ngoài cửa không. Đó là "sự lạ". Thế mới biết học Phật phải học bằng Tâm, xem Kinh như Phật. Một khi trong tâm "chưa có Phật" thì hết thảy Kinh chỉ là triết học, sách quý; hết thảy hình họa, tượng Phật, Bồ tát chỉ là tác phẩm thuần túy. Một khi tâm Phật dần hiển lộ thì với tượng Phật liền một lòng cung kính như Phật bằng da bằng thịt trước mặt. Đó chính là cái bên trong tương ưng với sự bên ngoài. Rộng hơn, mọi chúng sanh kể cả động vật đều là "Phật vị lai", ta đều với tâm chí thành. Người đời chửi mắng, trách móc, chê bai chính là đang dạy mình tu pháp nhẫn nhục. Từ đó xoay ý niệm ghi ơn, hồi

hướng thiện lương về họ. Vị tiên vốn là kiếp trước của Phật Thích Ca phát nguyện độ người "tùng xẻo" mình là tấm gương chói sáng nhất. Chưa vượt ải nhẫn nhục, tâm còn ngã kiến, biên kiến, còn có ý niệm đối lập với người khi dễ ta, là biểu hiện của tâm luân hồi. Tâm luân hồi thì thân luân hồi.

Giấc mơ, nhất là ác mộng không hẳn "giả", đó là sự dồn nén hiện thực, dẫn nguồn từ hiện thực, hoặc một hiện thực mà nhục nhãn không thể nhìn thấy; hay đúng hơn là sự chiêu cảm nghiệp lực chưa được hóa giải. Có một ni sư đêm mơ thấy mình tát người, sáng ra đã quán tưởng người đó mà sám hối, lễ hồi hướng. Một người cha có con thuộc hàng maphia chém giết tù tội, gây cho ông muôn đau khổ. Ông đã nghe theo lời dạy của vị thầy trụ trì, về dán ảnh đứa con trong phòng ngày nào cũng âm thầm lễ lạy. Một thời gian lâu chưa thấy chuyển biến, thầy trụ trì khuyên tiếp tục lễ. Cuối cùng đứa con "tự nhiên" chuyển tâm như một phép màu. Mối oan oan tương báo giữa cha con từ đời kiếp nào và một phần trong kiếp này được hóa giải. Chẳng những vậy, ngay cả đến những cao tăng cũng lễ lạy người "vô cớ vô sự" ganh ghét, oán thù mình, huống hồ người đời nghiệp chướng sâu dày. Hễ oan gia trái chủ đối đầu mà ta chưa hề biết thì thôi, chứ nếu sờ sờ trước mắt dẫu chỉ một người luôn khiến ta bực dọc, khiến dấy lên cái suy nghĩ "giá không có người này", chừng đó nguy cơ ta ở lại với họ trong lục đạo là rất thực tế. Dẫu lý thuyết kinh giáo trang bị đầy mình, chưa đủ niệm/định lực lúc

gặp sự cố chúng ta vẫn bủn rủn. Những chướng ngại, phiền não hoặc đến như đi đứng vấp ngả, cảm bệnh... đều là khảo nghiệm tâm tính, đều là đề thi của Phật và Bồ tát, ta cứ lần lữa và nộp bài với điểm trung bình ắt khó được "lên lớp" học với Phật. Khảo nghiệm tâm theo cách này cũng khá thú vị: Giả như niềm vui đến mà trên đường phóng xe về nhà hoặc lâu hơn ta vẫn lâng lâng (*niệm Phật không vô hoặc quên luôn Phật hiệu*), chính là tâm khí bao chao. Vui mà tâm không thanh tịnh, thì lúc nỗi buồn ập tới cũng khiến ta ưu sầu, mất thăng bằng và, sụp đổ. Cho nên luyện tâm, trước hết phải bình lặng ở sự thành đạt hanh thông. Bởi những điều đó chung quy đều hướng chúng ta vào "ma sự".

"Tà giáo" hay kẻ thù đều là những sinh mệnh lầm đường lạc lối. Người Phật tử tu theo tinh thần kinh điển chính là đang đi trên con đường sáng với đôi mắt sáng, thì phải phát tâm dẫn dắt người còn mê mờ (như mình trước đây) vào chánh đạo, sao lại đối lập, đẩy họ sâu thêm vào ngõ tối. Ai kiếp này có học đạo pháp (*kể cả những tôn giáo gần với tinh thần của Phật*), phần nhiều trong số đó chắc kiếp trước đã tu. Do sự thôi thúc của nghiệp quá khứ, kiếp này "*mở mắt*" chưa có cơ duyên gặp Phật, lại thấy cái gì na ná Phật pháp là chộp liền, mắc kẹt luôn trong đó. Thậm chí cho cái mình theo là phương tiện đệ nhất, không ngó vào Kinh điển đối sánh qua thực hành. Bảo Kinh điển là "*cổ tích*", không còn phù hợp với thời đại, mong cũng nên xem qua, lúc lâm nạn nên đưa ra soi xem. Còn không chính họ

đang mua một cái vé giả. Có thể ta trễ tàu, có thể tàu hoãn chuyến, nhưng trong tay trước hết phải nắm chắc vé thật. Phải học đúng Pháp chứ không thể theo "cái giống Pháp" để rồi biết về đâu giữa mù tăm dâu bể.

2. Hướng về miền tịnh độ

Pháp của Phật vốn "bình đẳng, vô hữu cao hạ"; "không tướng, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm". Nhưng ở thời Mạt, Tịnh độ tông là diệu dụng. Mục đích tối thượng đạt giải thoát, tâm phải vô nhiễm thanh tịnh. Các tổ sư xưa và những pháp sư được xem là Bồ tát tái lai hiện thời hầu hết đều giảng về Tịnh độ. Lời Phật: Thời Chánh pháp người ta nhờ giới luật mà thành tựu, trong thời Tượng pháp người ta thành tựu pháp thiền định; trong thời Mạt pháp, người ta thành tựu pháp môn Tịnh độ. Ngài cũng tiên liệu, đến thời Diệt pháp chỉ còn lại 6 chữ "Nam mô A Di Đà Phật". Người tu bước vào vườn Kinh điển Đại thừa từng biết câu: "A Di Đà Phật uy thần quang minh, tối tôn đệ nhất, thập phương chư Phật sở bất năng cập". Phật Thích Ca còn tôn A Di Đà Phật là "Phật trung chi vương". Thế nên đến Bồ tát Văn Thù từ Hoa Nghiêm cũng cầu sanh về cõi Cực Lạc. Trong 13 tổ Tịnh độ tông, có đến 7 vị từng là tổ của các pháp môn khác; đặc biệt Ngài Long Thọ được tôn làm tổ của 8 pháp

môn mà chặng nước rút cuộc đời cũng hướng về Tây phương thế giới. Phật Di Lặc hiện tại Đâu Suất nội viện tương lai đến Ta bà hóa độ cũng không ngoài lục tự hồng danh mà truyền giảng.

Tây phương Cực lạc, tầng thấp nhất mà người sơ cơ may mắn lên được là "Phàm thánh đồng cư", tức mới là học sinh tiểu học của Phật. Nhưng điều tối thắng là ở đấy có vô lượng thời gian để tiếp nhập thêm các tầng cao hơn, không bị trôi lăn vào sáu nẻo luân hồi. Có thể so sánh với các nấc thang trong trò chơi. "Ai là triệu phú", khi trả lời đúng năm câu hỏi, hoặc mười, nếu có sai tiếp cũng không rơi xuống (hưởng lợi) ở câu số 6 hoặc câu số 1. Cũng chính vì nghĩ tu niệm Phật cũng chỉ là "học sinh tiểu học" nên nhiều người nhầm cho pháp môn này dễ dãi.

Dễ hay không phải hành mới rõ. Yếu chỉ quan trọng lúc niệm Phật là phải nghe rõ từng chữ đã niệm, dẫu là mặc niệm. Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, Phật cho đánh một tiếng chuông và hỏi A Nan có nghe không. A Nan trả lời có; bấy giờ Phật không cho đánh chuông, lại hỏi có nghe không. A Nan bảo không. Phật giảng: không phải không nghe, mà là nghe cái không nghe nhờ tánh nghe. Chấp vào *căn* mới thấy âm thanh sanh diệt song tánh nghe không sanh diệt. Niệm Phật là pháp khiến hành giả biết xoay cái nghe vào trong

đển nhận ra tánh giác bổn nhiên. Tham khảo thêm Trường Trung Đạo của Bồ tát Long Thọ: "Nếu Thực Thể không có thì Phi Thể lấy gì mà được gọi là Phi Thể chứ?" Lúc ta niệm Phật không ra tiếng nhưng chú tâm sẽ nghe được; nghe rõ ràng, câu niệm Phật ấy mới được tính điểm. Ban đầu thử thực hành niệm (nghe được) ba lần nối nhau mà không ý niệm tốt xấu quấy quá, rồi thực hành lên năm lên mười niệm một lần. Tiến tới nối nhau chuỗi niệm Phật không vọng, đến lúc không còn biết đến niệm nữa mà như chỉ nghe "A Di Đà Phật" nối nhau vô tận. Câu Phật hiệu hòa vào tánh giác nghe để nhận lấy cái vĩnh hằng, buông thân huyễn tâm vọng. Niệm Phật ai cũng có thể công phu suốt ngày đêm: đi đứng nằm ngồi, hễ không phải dùng trí não thì Phật hiệu tự động bật lên. Niệm đến nhất tâm bất loạn, đạt Tam muội thì Tây phương Cực Lạc thế giới có phần thông dự. Trần gian xảy ra đại nạn cũng không mảy may tác động đến mình; *sanh tử do ngã bất do thiên*.

Chết là một chuyến đi dài. Sợ chết bởi ta quá nhiều ham muốn dính mắc không thể dứt mà lại chẳng có "lộ phí" dắt lưng - ấy là đức và 6 chữ hồng danh (hoặc 4 chữ A Di Đà Phật) nằm lòng. Gom đủ hành trang rồi, chết được chuyển lên cõi trang nghiêm; ở đó ta nhìn thấy người thân, nhìn thấy chúng sanh bạc phước hơn và giúp đỡ họ. Còn không chúng ta với họ là một, cùng lấm bết

trong dương trần, trong cõi âm hay lạc vào ác đạo thì có chung nhau một nhà cũng chẳng thể nhận ra; lại sân hận giết chóc nhau, tiếp tục tơ tướp trong nhiều nhiều kiếp nữa và mong chi gặp Phật. Chẳng gieo thiện căn, cái sự thiếu nhân duyên này, có người đứng bên hố địa ngục được Bồ tát nhắc hãy niệm Phật giải bớt nghiệp họ cũng thà gieo vào chảo dầu sôi. Thời gian ngắn ngủi, đời người như bọt biển, "như mộng huyễn bào ảnh", trong mắt của chư Phật - Bồ tát ta thực đang bén lửa. Không nhanh nhanh chuyên trì niệm Phật sẽ hóa "linh hồn". Bởi ta chấp cái thân huyễn và tâm vọng là thật, nên chết mới có "linh hồn". Phật nương vào thế pháp mà thuyết trong kinh Phạm Võng: "Linh hồn đi đầu thai từ loài nầy qua loài kia xuyên qua tất cả những hình dạng từ đá sỏi, thảo mộc, cầm thú, và những người tính tình khác nhau". "Có tất cả bao nhiêu chúng sanh, nào sinh trứng, nào sinh thai, nào sinh nơi ẩm ướt, nào hóa sinh, nào có hình sắc, nào không hình sắc, nào có tưởng, nào không có tưởng, nào chẳng phải có tưởng, nào chẳng phải không có tưởng…" (kinh *Kim Cương Bát Nhã*). Hiếu thắng sẽ nghiêng về A tu la, si muội nghiêng về bàng sanh, tham tài vật ăn uống nghiêng về ngạ quỷ. Kinh ví như cái cây, lúc cây (người) bị chặt (chết) ắt đổ về phía đã nghiêng sẵn ấy. Trải qua hàng ức kiếp, lội qua vô số loài không ngoại trừ địa ngục mới thấy hào

quang phóng chiếu cuối đường hầm.

Tôi và nhiều người đã đốt hết chín mươi phần trăm thời gian vô ngần quý giá để tạo nên những lâu đài cát. Công sức biển trời của con dã tràng trong một giây bị sóng nghiệp lực xóa sạch. Lòng sân hận của giống loài trên hành tinh cộng lại tạo nên sóng thần cùng bao thiên tai ác chướng. Khoa học từng đo được mức độ biểu cảm nhạy bén của nước. Nếu ta hòa ái với nước, bức ảnh chụp nước kết tinh đẹp như hoa tuyết; nếu khinh khi sân hận, kết tinh xấu như một quả thối. Cơ thể người nước chiếm từ 50 - 70%, là "nói" lên điều gì? Tác phẩm *Vạn vật của Vũ trụ Hồng trần* của giáo sư Eddington đưa ra một kết luận: "Nếu chúng ta loại bỏ hết các khoảng trống không trong thân thể con người và góp lại những chánh điện tử và điện tử của con người làm thành một khối, thì xác thân của chúng ta chỉ còn nhỏ bằng hạt bụi, phải dùng kính phóng đại mới vừa đủ thấy mà thôi". Ngạc nhiên chưa. Hiểu bản thể của nước, con người sẽ trân trọng bản thân mình hơn, yêu thương mình và yêu thương mọi người hơn. Chúng ta không bắt cái thân giả tạm này luôn bị tra tấn bởi bia rượu quá liều, không phải lơ ngơ trong các chất gây nghiện như ma túy cần sa. Yêu bản thân không phải tỉa tót, chăm chút da thịt, không phải tô son điểm phấn và không được phép ai vấy bẩn lên mình. Biết yêu bản thân là giữ tâm

trong sạch, "*chư ác mạc tác chúng thiện phụng hành*", ngày đêm tưởng nhớ Phật, lạy Phật, niệm Phật, ngày đêm nguyện nếu mất thân này sẽ được sanh về Cực lạc. Thể tướng từ đó đẹp ra, thân vô bệnh, phúc vào nhà, trí tuệ tăng trưởng; lấy tướng ấy phúc ấy tiếp tục hành thiện trong lặng lẽ. Phước ấy cộng với sự buông bỏ cùng triệt, chuyên trì niệm Phật, cửa Không đã mở đón họ ngay tại cõi ngũ trược.

Nhân gian như một giấc mộng lớn. Nhưng chúng ta từ mê lại tạo thêm nhiều cảnh mê hoan lạc. Tôn vinh xướng họa phần *con*, nhấn dìm phần *người*. Nên tồn tại có đời người mà tích nghiệp cho muôn đời không ra khỏi mê lộ của tâm. Tìm lại *chân như* trước nhất biết yêu người khác và mở rộng đến cả loài vật. Một đạo sư Ấn Độ trong tác phẩm rất ngắn nhưng quan trọng đã khuyên nhủ người đời: "Nếu người đó thật sự có điều xấu mà con nghĩ, thì con đang làm cho nó mạnh hơn và nuôi dưỡng tính xấu đó; và như vậy con đang làm cho bạn con trở nên xấu xa thay vì tốt lành hơn". Đó chính là *nước* trong ta lên tiếng đòi "nhân quyền". *Nước biết được đáp án* là công trình tiến bộ vĩ đại; tác giả là tiến sĩ Masaru Emoto, nhận xét: "Tâm của bạn tốt, vạn vật tự nhiên cũng sẽ tốt; tâm của bạn không tốt, vạn vật tự nhiên cũng sẽ không tốt". Được vậy chính tâm phàm có cơ duyên khế hợp với tâm Phật như lời

Tổ Ấn Quang: "Ngoài ta ra tất cả đều là Phật". Có gì lạ khi một đứa trẻ không học lại thông thạo các thứ tiếng Anh, Đức, Pháp, hay là một thiên tài âm nhạc. Có gì lạ khi nhân loại tìm thấy những thành phố chìm dưới đại dương. Một cơn đại hồng thủy có thể sẽ bóp méo trái đất, chỗ cao lún xuống chỗ trũng trồi lên. Cộng nghiệp của nhân loại càng gia hạn, "lãi" càng cao, con người càng khó có cơ hội "trả nợ". Tịnh tâm niệm Phật khắc khắc ngày nối đêm không lui sụt, tức ta đang bắt sóng với nước Phật; càng chuyên tâm tinh tấn sóng ấy càng mạnh, càng không nhiễu loạn. Một khi tin sâu luân hồi nhân quả, 4 chữ kim cương "A Di Đà Phật" niệm ngay lúc *đã thấy* này mà không gác lại đến hôm mai sẽ vớt ta ra ngoài sanh tử.

Nếu ai đó lấy một triết gia, một nhà văn lẫy lừng hay siêu sao làm thần tượng, bất chấp đạo lý loay xoay cố vươn cho bằng họ để "đứng trên mọi người" thì âu chỉ là sự tụt hậu vĩnh viễn. Tất cả vũ trụ nằm trong tâm. Phải hướng vào nội giới. Câu khắc trên ngưỡng cửa Thánh Điện Delphes: "*Ngươi hãy biết ngươi rồi ngươi sẽ biết vũ trụ và các vị Thượng đế*". Nếu không khám phá nội giới thì cũng bằng ta đang lấy ngao lường biển, "*nhún dây tư tưởng vào cõi vô tận*". Không muốn hành đạo mà chuyên soi Phật pháp bằng trí, dễ nhìn nhận thái tử Tất Đạt Đa, vua Trần Nhân Tông là những hiện tượng chán bỏ trần gian; thiền sẽ làm

mất cảm xúc và theo đó Phật giáo phiêu du trong một cõi quá xa biệt hồng trần. Không xa nữa rồi tôi, sẽ chết! Tôi nhìn lại xác thân mình từng ngày thối rữa, con mắt nở ra lồi ra rồi nổ bụp, mới thực sự sáng mắt giữa cái cảnh giới đang đứng trở nên mù mịt lạ lùng thay!

Soi gương chẳng thấy nổi mình

Giới khoa học khám phá được bí mật: thời gian vốn giả. Lúc giảng hai chữ "*nhất thời*" trong kinh, Hòa thượng Tịnh Không đưa ra minh chứng: Tổ thứ tư của Tịnh tông là Pháp Chiếu đại sư trong định từng nhập vào pháp hội hơn một vạn người trên núi Ngũ Đài đang được Bồ tát Văn Thù giảng kinh. Nhiều vị sư khác thời cận đại còn thông dự pháp hội ba ngàn năm trước của Phật Thích Ca. Thời gian có hay không phụ thuộc vào tâm tịnh hay nhiễm. Tại sao một ngày ở cõi trời thấp nhất bằng 50 năm ở trần gian, phước đức của ai càng lớn càng được lên các tầng trời cao hơn. Ở thế giới Cực Lạc là vô lượng thọ, vĩnh viễn không có già chết, tức không có thời gian. Không gian cũng không nốt vì người nước ấy chỉ cần khởi

niệm đã có mặt tại một nơi cách hàng "thập vạn ức trình". Nhục nhãn phải nhờ đến kính hiển vi xem vi khuẩn; Pháp nhãn của Phật thì thấy rõ hạt vi trần nhỏ gấp mấy triệu lần so với hạt bụi. Một ý niệm thiện khởi lập tức trùm khắp vũ trụ. Ý niệm ác thì ngược lại, sẽ góp phần tàn hại sự tồn vong của hành tinh. Mới biết, nếu không có sự gia trì của Phật và Bồ tát, nhân thế chẳng thể tồn tại. Một nửa lượng người trên thế gian cùng đồng thanh tương ứng nhất niệm "A Di Đà Phật" chẳng những đẩy lùi thiên tai đại họa, còn giúp trái đất tăng vọt tuổi thọ.

Nghiệp thức từ thân, khẩu, ý chuyển hóa hàng ngày sẽ tạo nên cảnh giới trong tương lai. Gây nghiệp quá nặng, sống hả hê trên nỗi đau của con dân song đêm đêm triền miên ác mộng, ấy là dấu hiệu của địa ngục. Ta ngủ gặp ác mộng, tên sát nhân cầm dao truy đuổi từ trong nhà vào phòng ngủ. Từ phòng ngủ ta đu dây trụt xuống tầng trệt, hắn vẫn ráo riết đuổi. Ta thộc vào nhà người khác, hắn vẫn bám riết, giết cả người che chở ta... Giật tỉnh, "à, té ra mơ". Địa ngục trước hết là do nghiệp lực tích tụ chiêu cảm ra cảnh giới tương tự. Giấc mơ khủng khiếp ấy, "cảnh giả" ấy nối với ác mộng không một giây ngưng nghỉ thì có phải thật? Kẻ sát nhân sẽ bị ác mộng bủa vây, cùng cực khổ sở; mơ mà vẫn máu chảy đầu rơi, vẫn mồ hôi đầm đìa, kêu gào vùng vẫy. Lại với kẻ

giết mổ súc vật, cứ là *mê*. Hãy tưởng tượng, cái vảy con cá bị gỡ khỏi thân chẳng khác người ta nhổ móng tay mình. Nỗi thống khổ, niềm đau vô hạn của những con vật sẽ hiện lên trong "mê hồn" của chính họ. Cảnh giới kinh hoàng này chính là "duy thức sở biến" chứ thần thánh nào đặt ra. Kinh miêu tả người tự tử (với bất cứ lý do nào), xuống dưới đó cứ một tuần cảnh tượng vật vã kia tái diễn. Phật dạy: "Tất cả các pháp từ tâm tưởng sanh" - đây là sự thật khoa học. Nghiệp thức sinh ra ác mộng. Ác mộng nối nhau thành chuỗi trường đoạn thọ hình không một phút tỉnh thức, chính là thật. Những bậc đoạn dứt kiến tư phiền não, tâm lặng phắc, nhập định đã thấm thía giấc mộng lớn hồng trần.

Kinh Kim Cang: "*Phàm những gì có hình tướng đều hư vọng*". Lão Tử thấu triệt điều này mới than: "Ta có một mối lo là có thân này". Biết thân này vốn không phải *ta*, thân này sẽ che mất *minh tuệ*. Biết thân vốn huyễn mộng còn khó vứt bỏ huống hồ người mê dục thế gian. Trong cách phân chia luân xa trên cơ thể người, ba luân xa phía dưới thuộc tầng thú tánh; luân xa thuộc tầng cao nhất trong thú tánh là mê tài danh. Dẫu thú tánh nặng, vẫn có nhiều người sử dụng được chút ít tâm tánh, Phật tánh (thuộc các luân xa phía trên), nên cuộc đời cũng bớt nghiệp bệnh tai ương. Nương vào lời Phật mà hành mới tự có thể

chuyển mệnh. Đời nay thật nhiều người quở Phật, rằng Ngài vô biên pháp lực, từ bi trải rộng muôn nơi sao thế thái nhân tình lâm ly quá đỗi. Vậy họ đã thực hành *Ngũ giới* và *Thập thiện*? Phật dạy bố thí, khởi tâm động niệm đều lợi người, Phật dạy đừng sát sanh, Phật dạy đừng tà dâm dối trá, đừng siểm nịnh xan tham, đừng tật đố, đừng cống cao ngã mạn, đừng ác khẩu lưỡng thiệt; Phật dạy hãy yêu thương tất cả mọi người và mọi loài, bởi hiếm ai đời này và hiếm con vật nào trong quá khứ lại không là anh em bà con của mình. Chúng ta làm được bao phần trăm lời Phật? Khoa học vốn nặng tính duy vật duy lý và… bảo thủ, đến nay ngoài những công trình vĩ đại khiến Phật pháp thêm sáng thì chưa dễ chứng minh điều ngược lại. Một giây con người phát xuất hàng tỉ ý niệm, thì còn gì trong tam thiên đại thiên là ngoại vi của Tâm. Mấy tỉ người phát xuất trùng trùng ý niệm bất thiện, sao không tạo đại nạn cho được. Thời nay Phật gọi là *Ác trược* (thập ác và ngũ trược), là lời tiên tri vĩ đại.

Theo Phật Di Lặc, một giây người phàm phát xuất ra 1280 triệu ý niệm tế. Ấy chính là vọng tưởng đảo điên. Muốn định tâm cách hữu hiệu là niệm Phật. Tốt nhất là lúc ngồi thiền hoặc vừa lạy Phật vừa chánh niệm, câu "A Di Đà Phật" phải sắc bén, nhuần nhuyễn, phải thật thà buông xuôi thế sự mà niệm. Không cứ lúc nào, hễ buồn

vui tốt xấu ập đến, cứ mặc điều tiên quyết là niệm Phật, nhắc nhở tâm luôn tỉnh giác. Niệm Phật theo vòng, mỗi vòng năm đến mười câu nối nhau tai nghe thấu tâm nhận rõ ấy là *thậm thâm thượng diệu thiền*, vọng niệm sẽ dần được đẩy lùi, dần tự tan. Lúc xuống núi, thõng tay vào chợ, lục căn tiếp xúc với sắc thanh hương vị, tâm không còn móng khởi là sống trong thuần tịnh. Bậc Chánh đẳng Chánh giác chưa cần nói một lời tự thân và thần thái đã toát ra từ trường giáo hóa, đến sát nhân vừa gặp cũng buông dao. Nhiều vị lên núi tịnh tâm, vào nhầm hang hổ nhưng chúng đã nhường lại kiếm chỗ khác nương náu. Lượng từ bi nhỏ hẹp, tâm bấn loạn gặp thú dữ khắc thành miếng mồi tươi sống. Ta chuyên ăn thịt gì, thân thể sẽ nhiễm mùi và khí huyết của loài đó. Người ghiền thịt cầy đến đâu chó cũng tranh nhau sủa tới bến. Nếu khoa học chứng minh được rằng loài vật không hề đau đớn, không hề có lòng oán hận nên không hề quý tiếc mạng sống thì việc người ăn vật hoàn toàn không tạo nghiệp dữ. Tham, si, sân, lượng tâm hẹp, con người chết đi dễ chuyển thành loài khác. Khoác thân vật, "linh hồn" ấy sẽ mang nỗi oán hận với người giết nó. Hết phước, người ốm yếu què quặt chính là lúc nghiệp báo hiện tiền. HT. Tuyên Hóa *Khai thị về ăn chay*: Trong Hán ngữ chữ *nhục* (thịt) có bộ khẩu với hai chữ nhân, ý chỉ người ăn người.

Có người hỏi: "Nếu ai cũng không giết mổ thì lấy thịt đâu mà ăn, và như vậy thú rừng tràn cả vào thành phố, con người bị diệt vong sao?" Câu hỏi chưa vào nội dung đã lầm. Nhân loại hàng tỉ người, chỉ trong năm phút thôi liệu có suy nghĩ và hành động đúng như một bậc chân tu hay không. Năm phút với nửa số nhân loại không đạt đến từ bi hỷ xả ngang bậc chân tu thì làm gì có *nếu ai cũng*. Tào Tháo gây nghiệp, đến hơn ngàn năm sau; một người dân mổ heo thấy trong gan nó khắc hai chữ "Tào Tháo". Vậy ra nhân vật "nổi tiếng" này đã khoác thân súc sanh vô số lần. Khoa học đang có trong tay "phép" thôi miên. Chiếc máy vi diệu này không ngờ khiến một người nhớ lại nhiều kiếp quá khứ như cuốn phim sống động. Bậc đắc quả A la hán thấy hàng trăm kiếp trước, đến quả vị Bồ tát thì lội ngược về hàng vạn kiếp. Để thấy không gì mất đi trong vũ trụ này.

Cho đến nay chưa lý thuyết chính thống nào có thể bác bỏ: đạo Phật là triết học cao tột của mọi triết học, là khoa học cao tột của mọi khoa học. Phần đông con người thiếu *phước* và *căn duyên* tin sâu điều này. Thế nên chẳng ngạc nhiên trong Kinh lại viết: Ai trong đời không gặp được Phật pháp chính là đại nạn. Theo đó kể cả cái chết oan khuất nhất cũng là tiểu nạn hay đúng hơn là hậu quả của đại nạn trên. "Học Phật là sự thọ hưởng tối cao của đời người" - triết gia Phương

Đông Mỹ từng nói vậy. Hành theo đúng lời Phật chẳng những xoay chuyển được vận mạng tại cõi trần mà còn có cơ hội làm hiền thánh được trời người quỷ thần kính nể.

Giới khoa học cảnh báo lượng người hiện giờ phải cần đến 3 trái đất mới đủ sinh sống. Lời các đạo sư: con người đã bóc lột trái đất cùng tận; con người kết oán với loài động vật quá sâu nặng. Cảm tưởng sẽ có một cuộc thanh tẩy. Nhác nhìn vũ trụ nhân sinh, nhác soi vào gương Phật; không muốn trở thành một nhân tố thật sự tốt lại tìm mọi cách bứt khỏi *ngũ giới*, *thập thiện*, chính tôi sẽ có nguy cơ lọt vào ác đạo quay vòng muôn nghìn kiếp. Chúng sanh gồm hết thảy loài hữu tình (động vật) và vô tình (thực vật, khoáng vật). Để biết rằng loài người vô cùng ít. Cơ hội làm người vô cùng khó. Chúng sanh cao hay thấp phụ thuộc vào lượng tâm: tâm quảng đại từ bi sẽ là Bồ tát; lượng tâm quá hẹp hòi dễ thành dun dế... Không phải ngẫu nhiên mà Phật trong Kinh đưa ra đến ba thí dụ về thân người khó gặp. (1) con rùa mù dưới đáy sâu một ngàn năm mới trồi lên, liệu có chạm được bọng cây trôi lờ phờ vô định trên mặt biển; (2) vốc một nắm cát rồi buông tay xem cát trong móng tay còn lại bao nhiêu so với vốc cát đã rơi; (3) đứng trên núi Tu Di thòng sợi chỉ xuống chân núi xâu qua một đồng xu...

Phật pháp sờ sờ song ít người chịu nghe? Kinh Pháp Cú: "Thân người khó gặp Phật pháp khó nghe". Một minh sư cảnh tỉnh: "Phá kiến thì hết cứu". Người ta phá chân lý về sự thật trong vũ trụ. Ấy chính là bản chất của vòng luân hồi. Khoa học đang phát triển tột bực, rốt cục những khám phá vẫn nằm trong mấy câu Phật thuyết gần ba ngàn năm trước. Khoa học đâu đã chặn được lũ lụt, hạn hán, bom nguyên tử, các nhà máy điện hạt nhân từng gây đại họa cho không chỉ một quốc gia? Nhìn cơn sóng thần cao chục thước ập vào nhấn chìm cả một thành phố, mới hay loài người chẳng hơn một tổ kiến bị tạt nước. Phật pháp dạy quay trở về chân tâm, trong đó bình lặng và không hề chịu tác động khổ đau của mọi trần duyên bên ngoài; lúc chết đi liền sanh về nước Phật vi diệu vạn lần cõi trời (thần thông biến hóa tự tại).

Thâm nhập vào ngôi nhà của Phật đã là thượng duyên. Không phải sinh mệnh nào cũng có cơ hội làm người, không phải ai cũng có cơ hội gặp Phật; số gặp Phật không phải ai cũng có duyên gặp pháp môn Tịnh độ; trong ngàn người niệm Phật, lúc mạng chung mấy người được tiếp độ vãng sanh về cõi Tịnh? Hãy xem thần thức (vĩnh viễn tồn tại) chính là sim, thẻ nhớ (*tàng thức/alaya*); điện thoại chỉ là xác thân, lại chấp nó chính là ta - nó hư ta cũng tiêu. "Có học thức" dễ

gạt phăng Phật pháp, không tin. Giả như ai bịt tai bịt mắt mà tâm không động thì đúng chẳng cần tu nữa; Pháp còn xả, quả vị ấy thật không nhỏ chút nào. Đằng này tâm như khỉ vượn nhảy nhót lung tung ngay cả lúc ngủ; nhầm tưởng những cái trong đầu đều do *thể trí*, đâu hay đó chỉ là *vọng tâm*. Tham danh tài, tham lời ngợi khen (cái hư huyễn) dễ thành con giã tràng xe cát, bỏ mất việc tối quan trọng đời người: Giải Thoát. Chớp mắt thôi. Giả như ngồi xem thời tiết chuẩn bị cho sự vụ quan trọng ngày mai, ta căng mắt nhưng dự báo trôi qua lúc nào. Nếu nhìn từ cõi Phật, đời người ở Ta bà cũng ngắn ngủi như thế; cũng như chờ xem thời tiết - nhoáng chút phóng tâm tất cả tiêu tan bọt bóng. Lại vào địa ngục, lại sánh vai cùng yêu ma ngạ quỷ, giỏi lắm thì nương náu trên các tầng trời, hưởng hết phước không chừng lại rớt xuống hầm sâu. Biết bao giờ ra khỏi Tam giới nếu không đổ hết tri kiến tủn mủn hẹp hòi xuống biển sâu?

Tất cả sở học, vũ trụ nhân sinh có sẵn trong chân tâm, chỉ cần "sập giác quan" trước mọi hoạt cảnh và biến cố, không gian thâm nghiêm sẽ hiển lộ. Tất thảy ác nghiệp chúng sanh tạo hiện tiền trên khắp địa cầu, hãy xem đó như ta mở được thần nhãn "chứng kiến" lại mọi hành vi trong vô vàn đời quá khứ đã gieo. Kinh giảng: tài vật là của thủy, hỏa, đạo tặc, oan gia trái chủ, ân nhân

đời trước... Nếu biết dùng tiền hành thiện, không Phật nào để ai đói; còn hẹp hòi tích tiền phòng bệnh, sau này không bệnh mới là chuyện lạ. Bệnh xuất phát từ tâm. Tâm hòa ái không dính mắc, không sân hận đố kỵ, không tham danh không ngã mạn tị hiềm, thân đâu dễ có cớ mang trọng bệnh ngoại trừ những bậc thị hiện sự vô thường để cảnh tỉnh chúng sanh. Hòa thượng Chinkung nói (từ lúc 40 tuổi, nay đã gần trăm tuổi): ông không thể có bệnh bởi tiền chữa bệnh đã cho hết rồi. Xuất phát vào đời chỉ cần sai một ly, cứ một bước sẽ lệch với Đạo một thước, trăm bước lệch ngàn trượng... cuối đời không chừng vẫn tự phong người tốt.

Xưng là người tốt thật sự, vậy tôi đã giúp đỡ ai (chưa nói giúp nhiều người) mà không khoe khoang?; là người tốt, ta đã từ bỏ việc sát sanh, đã ăn chay?, hoặc ăn mặn theo *Tam tịnh nhục*? Người tốt, vậy tôi đã tiết kiệm từng gáo nước, từng phút điện thoại, từng chút điện năng của nhà nước? Tự hào tốt, vậy tôi đã mừng vui đồng nghiệp thành công? hoặc đã biết hổ thẹn sau khi nói xấu người khác? Dân gian đúc kết: ngậm máu phun người miệng mình dơ trước. Đạo lý này trong Kinh còn sâu hơn: nói xấu người chẳng những ta tích nghiệp mà đối phương cũng thêm xấu. Xem *Linh sơn* là kiệt tác của kiệt tác; giả như có một đại hội Nobel Văn chương thì tác phẩm

này vẫn đầy đủ tư cách ngồi riêng một chiếu. Tâm niệm vậy nên tôi bị nó ám ảnh, phóng tâm khắp địa cầu rốt cuộc vẫn là kẻ cư lưu trong nỗi mơ hồ bất tận về kiếp người. Hướng vào nội giới, *Linh sơn* ở trong đó còn tìm đâu? Tâm động thì đến Phật, Bồ tát cũng méo mó. Người xấu chính là tấm gương trong suốt đang soi chiếu cái bẩn thỉu trong tôi. Sống một đời vài trăm tuổi đi nữa mà ngu ngơ mù mịt không biết sẽ về đâu, không cần biết sau bức tường cao vợi kia ra sao là *đoạn kiến*, thật quá phũ phàng với trời đất.

Tổ Tịnh độ tông thứ 13 khuyên hãy xem thân người có được ở đời này là lần cuối cùng thoát khỏi lục đạo. Tôi phải xem gặp được Phật pháp trong đời là chuyến xe cuối cùng, để không ở lại bầu bạn với thú trong rừng xanh vĩnh viễn! Cái che mất tự tánh chính là *ngũ dục* (tài, sắc, danh, thực, thùy) và *ngũ ấm* (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), là phân biệt, chấp trước vạn pháp theo khuôn nghiệp đáng thương, là ngã chấp pháp chấp. Thân xác mà thần thức đang mượn kia giả tạm, lại để nó đánh lừa đồng nhất một khối. Chăm sóc chiều chuộng thân thái quá ắt bị lôi giữa sình lầy ác trược. Hóa thân của Phật Di Lặc là Hòa thượng Bố Đại, có người hỏi Đạo là gì?, Ngài thả cái bao trên lưng rớt xuống. Đạo ở đây là vậy, một chữ Buông. Tham chấp thế gian, tôi lấy điều kiện gì đòi về nước Phật.

Bất cứ ai, không cứ tôn giáo nào dưới trời đều không thoát nhân quả luân hồi. Là thiên tài liệu có cứu được mình? Trong lúc dòng tộc họ hàng, anh em, quyến thuộc dưới kia đang hết lòng trông mong ta thành tựu gửi công đức hồi hướng cho họ. Có chút tài danh chắc có ngã mạn. Muốn qua sông chỉ cần hai hào trả cho người lái đò, mắc chi bỏ cả cuộc đời thu lượm sở học thế gian mà vẫn mù lòa bên kia thế giới; mắc chi không học Phật ghép bè đáo bỉ ngạn. Các bậc đạo sư từng bảo, việc lấy viên "trân châu" vốn sẵn trong mình người ngu dốt cũng làm được mà, bởi họ đâu chấp nê. Lõm bõm Phật một tí, Chúa một tí, các triết gia một tí, siêu nhiên siêu hình một tí rồi giơ lòe thiên hạ nào hay quỷ thần cũng nhịn không được cười.

Trong mỗi người *ý nghiệp* luôn làm chủ. Chẳng cần tính chửi bới, phỉ báng người (*khẩu nghiệp*), chưa cần đấm đá người (*thân nghiệp*), ta đã thê thảm lắm vào cuối đời. Tích nhiều nghiệp, tâm dĩ nhiên tạo nên cảnh giới xấu cho cuối đời và kiếp sau. Kinh dạy tham ăn uống là gieo nhân làm ngạ quỷ. Hình thù của chúng: bụng to, yết hầu nhỏ, suốt ngày kiếm ăn và ăn mà luôn bị cái đói hành hạ. Chỉ cần nghĩ đến lúc thoát xác thôi, do tập khí không buông bỏ nên cứ quanh quẩn trong gia thất, bên những người thân bên mộ phần mà không sờ mó kêu than với ai được...

Mê khoa học, mà chẳng hay chính mình là người "lỗi mốt" và lạc hậu về khoa học. Nhiều công trình chứng minh sự tồn tại của kho chứa mọi dữ liệu đời người đằng sau xác thân tạm bợ, và nhiều khoa học gia còn khẳng định về sự luân hồi đầu thai Phật đưa ra hoàn toàn đúng. Tâm niệm tạo cảnh giới tốt xấu là hoàn toàn thuyết phục. Phật không biện chứng sao thấy được tám vạn bốn ngàn vi khuẩn trong nước. Hồi đó người đời không tin. Phật giảng kinh Hoa Nghiêm trong niệm (một dạng sóng), nghe vậy người người cho viễn vông. Nay khoa học bắt được sóng, sử dụng sóng khiến thế giới trở nên nhỏ hẹp. Niệm Phật cũng là sóng, còn là sóng cực mạnh, cực lợi dưỡng thân tâm. Niệm Phật tức "điện tín" gây dựng một chỗ náu vĩnh cửu sau kiếp này. Những dòng sau đây của Lama Anagarika Govinda, nguyên là giảng viên Triết học tại Đại học Naples: "Mantra hay Hồng danh Chư Phật, hay Hồng danh Phật A Di Đà, được niệm lên với tất cả sự thành kính, được niệm lên nhiều lần, được niệm lên qua năm tháng. Ngữ điệu, âm thanh,... là những dao động. Tần số Linh thiêng này, như một nguồn cưỡng bức điều hòa, làm cho Tần số của các Chuỗi tạo nên Cơ thể, Tần số của các Chuỗi tạo nên Tâm thức, tạo nên quá trình Tâm thức của Con Người là Thọ, Tưởng, Hành và Thức; hòa nhập cùng Tần số Linh thiêng. Hiện tượng Hòa

Tần số xảy ra. Tạo nên sự hòa nhập Thân, Tâm với Vũ trụ. Phật tánh Hiển lộ, Niết bàn xuất hiện". Trì danh hiệu Phật cầu sanh Cực Lạc quốc, lên đó sẽ có tất cả những gì ước muốn, lên đó sẽ chia *hóa thân* xuống trần gian cứu độ những người ta yêu thương. Niệm Phật ngoài thành tâm, yếu chỉ: niệm thầm hay ra tiếng tai đều nghe rõ "A Di Đà Phật". Trước lúc ngủ thử tập niệm 5 câu một lần không gián đoạn, xong một lượt liền quay lại niệm vòng khác, tâm buông lung chút đã biết quay về trụ ở câu Phật hiệu. Ai nói gì, cứ nhẫn nhục và thầm cảm ơn họ đã tiêu bớt nghiệp cho mình. Đi đứng nằm ngồi, trước lúc ngủ, nửa đêm chợt tỉnh, sáng sớm mở mắt..., lúc nào cũng niệm Phật, nhớ Phật, nguyện được sanh về Tây phương nếu lỡ mạng chung.

Phật tuyệt nhiên không nói lời hư dối. Trần gian là biển khổ mênh mông, người không chịu bám vào chiếc phao Phật pháp, tất nhiên, càng bơi càng kiệt sức. Những là ngạ quỷ, ma, thiên nhân, những là Phật, Bồ tát; những là nhục nhãn không thấy đều thật. Cuộc đời đã đánh tráo khái niệm, nhồi sọ cái lý thuyết chỉ tin những gì mắt thấy tai nghe. Mà mắt phàm tôi nào thấy vi khuẩn?, và tai tôi nào có nghe diệu âm chân kinh từ ngàn năm vẫn hiện tồn trong không gian trùng trùng những nhiệm màu cảnh giới.

Diệu pháp trong thời mạt

Đức Phật thấy được quá khứ vị lai, thấy được tương lai Pháp mình giảng sẽ còn lại những gì. Phật thấy một bộ phận người (trong đó có tôi) sẽ dùng lý trí phân tích, thẩm định lời Phật, hiểu lệch và hiểu cạn. Phật Pháp vốn đại quang minh tạng, sáng hay tối tùy thuộc và sự hiểu và hành theo mức độ của mỗi sinh mệnh. Kinh vốn vô lượng nghĩa. Nghĩa kinh ví như cao một trượng, người có công phu một thước sẽ hiểu một thước, người công phu nửa trượng sẽ hiểu tương ứng, cho đến người công phu vượt hơn trượng thì nghĩa kinh luôn tự lớn để tiếp tục hành trình khai ngộ. Chấp chặt nghĩa kinh, hơn thế là tin vào tâm ý thức phân biệt, tin vào tâm chấp trước mạt na

rồi lưu vào tàng thức những chủng tử vô minh chờ tương duyên chiếu lên màn ảnh cuộc luân hồi, trong lúc hết thảy chỉ là "cái biết" tri thức gom nhặt nhào nặn qua những khuôn nghiệp ẩn hiện trên mặt phẳng của "cái - không - biết" sẵn diệu dụng. Thời còn tại thế Phật dạy đệ tử: "Này Ananda, những ai sau khi Ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào một pháp gì khác, những vị ấy, Này Ananda là những vị tối thượng trong hàng Tỷ-kheo của Ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi." (*Kinh Trường Bộ*, bài *Kinh Đại Niết Bàn*). Đức Phật từng chia mốc thời gian của Pháp như sau: thời Chính Pháp (1.000 năm) - Tượng Pháp (1.000 năm) - Mạt Pháp (10.000 năm)... Theo lịch Đông phương, thời Mạt Pháp đã qua một ngàn năm đầu tiên.

Thực chất Pháp mạt *là do* sự vô minh thông qua thân, khẩu và ý nghiệp khiến lời Đức Thích Ca truyền giảng bị dụng lệch chuẩn. Kỳ thực dưới hào quang tỏa rạng của Pháp, vô lượng chúng sinh vẫn miệt mài *trực chỉ nhân tâm*, chân trần vững bước qua *biển mê*.

Nếu ánh quang minh của Phật qua gần 3 ngàn năm nay đã mờ, sao vẫn sản sinh ra nhiều

những vị sư đắc đạo. Thời Lý - Trần được xem là hưng thịnh nhất của Phật giáo Việt Nam. Dưới triều Lý có Thiền sư Từ Đạo Hạnh (1072 - 1116); với minh chứng rõ ràng cho thấy vua Lý Thần Tông chính là hóa thân của ông. Thời Trần có Phật hoàng Trần Nhân Tông, con người thứ 2 sau Phật đưa ra một thông điệp ngàn đời: áo bào không thể cao quý hơn tấm cà sa; ngay cả vua, người ngồi trên đống vàng, trên thiên hạ, người ngồi trên mọi sự hưởng lạc, là người tiêu xài không thiếu thứ gì song khó thể… *tiêu nghiệp*. Chưa nói đến chuyện, vua, cũng là người có nguy cơ tạo nhiều nghiệp nhất. Viên mãn hơn là 2 sư đắc đạo để lại toàn thân xá lợi ở chùa Đậu. Rồi còn có vị Bồ tát khiến nhân loại vô cùng kính ngưỡng "trái tim vĩ đại Thích Quảng Đức". Giáo sư Alexander Berzin (người từng là thông dịch viên cho Đức Đạt Lai Lạt Ma) cho biết, có khoảng một nghìn dòng lạt ma hóa thân đã được xác định. Những vị hóa thân, một phần ra được ngoài Tam giới, tức họ đã nhập Niết Bàn và nay nguyện trở lại cứu vớt chúng sinh. Nói cách khác, họ là những đệ tử chân truyền xuất sắc của Phật, nối dài thêm vào danh sách một vạn hai ngàn năm trăm vị đắc quả La hán thời Phật còn tại thế. Kinh Hoa Nghiêm dạy rất rõ ràng về vô số những vị Bồ tát hóa thân làm "người thường" có mặt ở các ngành nghề trong xã hội thuộc mọi thời đại âm

thầm và "tuyệt mật" độ cho những chúng sanh có cơ duyên. Chính họ là những minh chứng xương thịt cho thấy: Phật Pháp vẫn nguyên xưa. Ngay đến thời Diệt Pháp, Phật cũng tiên liệu Pháp chỉ còn 4 chữ "A Di Đà Phật". Nhưng 4 chữ ấy chính là sự "gói gọn" của Pháp giới. "Niệm A Di Đà Phật đến thuần thục thì những giáo lý chí cực của Tam Tạng mười hai bộ kinh cũng đều nằm trong ấy cả. Một ngàn bảy trăm công án, mấu chốt hướng thượng cũng nằm trong ấy cả. Ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh, Tam Tụ Tịnh Giới đều nằm trong ấy cả" (*Ngẫu Ích đại sư Pháp ngữ*). Vậy nên,"Đạo Phật cần những cá nhân Phật tử biết suy tư, biết phân tích, biết tự tìm hiểu rồi xác nhận sự hiểu biết của mình, ngang qua sự hành trì, kinh nghiệm cá nhân. Đạo Phật không cần đến những đoàn người theo đạo Phật, theo một cách ồ ạt mù quáng, theo một cách thụ động nhắm mắt, hay tự mình bóp méo xuyên tạc đạo Phật theo tà kiến dục vọng của mình"; "đạo Phật là đạo đến để mà thấy, chứ không phải đạo đến để nhờ người thấy hộ, đạo của người có mắt (Cakkhumato), không phải đạo của người nhắm mắt, đạo của người thấy, của người biết (Passato Ajànato), không phải là đạo của người không thấy, không biết (Apassato Ajànato)". (*Chánh pháp và hạnh phúc* - HT Thích Minh Châu).

Phật Pháp thấm nhuần khắp vạn vật cỏ cây, không gì không bao hàm. Bất cứ con người làm gì, nghĩ gì đều nên nằm trong Pháp; nằm ngoài Pháp là mê đang dẫn lối, dẫu tốt đến mấy, sâu sắc đến mấy cũng chỉ là một *công dân* hạng bét trong quá trình tiến hóa thành Phật. Tiền tài danh vọng, tham dục là quả bóng vàng luôn bày sẵn. Với người tu họ sẽ quán đến lúc quả bóng ấy trương nổ. Cái không. Bình lặng lần trở về chân Tâm. Người chưa hiểu đạo sẽ kiễng chân tìm cách với tay nắm bằng được; ngay sau đó liền xuất hiện thêm quả bóng vàng khác to hơn nặng hơn, đặt cao hơn, tiếp tục mê dụ người đời.

Hãy thử nghĩ: có một người tốt chuyên giúp đỡ kẻ khác. Kẻ được giúp đỡ thoát nghèo, rồi kha khá, rồi giàu, trong suốt giai đoạn phát đạt tịnh tiến ấy hầu như tuần nào cũng đến xin xỏ, người tốt có bực mình? Đương nhiên. Người tốt sẽ, một là đuổi kẻ lợi dụng lòng tốt đó, hai là tự dời chỗ khác. Không phải tất cả song phần nhiều người cúng dường chùa đều muốn xin một cái gì đó lớn hơn số vật chất họ cúng, xin thứ mà tiền không mua được (ví như nghiệp nạn họ phải gánh chịu do tự thân tạo tác). Hoặc giả người trắng tay, đến chùa chỉ để quỳ trước tượng Phật xin thoát cảnh bần hàn, xin được trúng số, vân vân. Thiết nghĩ, nếu khoa học chế tạo ra bộ máy đặt phía sau

tượng Phật ghi âm những ý nghĩ, lời nguyện; số người xin có được mái nhà khỏi dột để an tâm học Phật, xin được khỏe mạnh để giúp người khác, nguyện cho kẻ thù bớt hại người, thuần tâm dưỡng tính, xin cho không có chiến tranh… sẽ chiếm tỉ lệ quá khiêm tốn so với người xin trăm nghìn thứ liên quan đến thụ hưởng - cái mà Phật không thể đáp ứng ngoại trừ chỉ ra con đường và gia trì họ đi để thoát nghiệp. Nguyện không chân thành, không hiểu đúng bản chất của Phật, thì "ông Phật" trong họ là giả. Hiểu Phật, là làm đúng theo lời kinh dạy, nghĩ đến người khác trước lúc nghĩ đến lợi ích của mình thì tự khắc chân tâm dần lộ hiện. Ngay đến đệ tử giỏi thần thông bậc nhất của đức Phật là ngài Mục Kiền Liên, khi thấy mẹ đội chậu máu đứng trên bàn chông cũng không thể phá rào nhân quả mang mẹ khỏi địa ngục. Mà ông phải quay về dương gian - theo lời ân sư: nương nhờ thánh lực của 10 phương tăng cộng trú vào ngày lễ Tự tứ đồng lòng cầu nguyện, mẹ ông mới được sanh lên cõi trời Đao Lợi.

Thời mạt quá trọng nghi lễ, khiến cho việc hành chuyên môn giảm xuống. Không ai muốn phủ nhận việc thi hành một số lễ trước lúc người quá cố về chín suối. Người có đạo lực, họ có thể hướng dẫn linh hồn vững tin bước vào con đường sáng ở kiếp sau. Việc tụng kinh sẽ động viên

hương linh thêm phần chánh niệm. Đến là bậc chứng Thành nếu siêu độ thì người được nhận cũng chỉ sinh lên cõi trời Đao Lợi là cùng. Như tôi chưa hề soi thấu kiếp mình, việc tụng kinh sám hối giùm ai với tâm vọng động ngã chấp không chừng lại khiến linh hồn thêm phần hoang mang lầm lạc. Suốt đời tâm hiểm, lúc chết đâu dễ "nhờ ai" có thể giải nghiệp! Có chăng ở phút hấp hối, nếu họ nhận diện lỗi lầm, hướng nương theo *Hương bát nhã*, tịnh tâm niệm Phật và được nhiều người cùng hộ niệm may ra Phật lực hút khỏi Ta bà. Ở Tây Tạng hiện vẫn tồn tại tục điểu táng, có khi họ chặt khúc người chết cho chim ăn; ở sông Hằng có tục thủy táng (để người tu thấy được sự vô thường của xác thân). Ngay trong nước, cùng sự chết song ở một số nơi thuộc miền Bắc thường đưa đám trong vòng ba ngày kể cả ngày mất, còn ở phía Nam có nơi người chết để vài tuần, thối rữa… trên mặt đất! Phật giáo khai thị chí lý điều này: chỉ cần thật yên tĩnh trước, trong và sau lúc mất ít nhất 8 tiếng, sau đó mới đụng chạm đến người quá cố; tốt hơn thì trước lúc mất khuyên họ đừng tơ vương cõi trần quyến thuộc mà trụ tâm niệm Phật cầu vãng sanh Cực lạc. Làm trọn điều này còn lo chi đến ngày giờ tốt xấu. Sao khổ chủ đợi cho kỳ được ngày giờ tốt nhất mới táng người quá cố thân yêu, trong lúc người dương hoàn toàn có thể giúp bằng cách làm thật nhiều việc thiện

hồi hướng cho người âm. Đó là điều có ích nhất mà *họ* sẽ nhận được từ chúng ta.

Trong xã hội phong kiến Ấn Độ, nguyên thủy Phật không đề xướng *đi cúng* mà chỉ đến giảng pháp, thọ trai tại gia nếu được mời. Phát sinh việc này cũng chưa hẳn sai. HT Thích Trí Quảng từng dạy: "Thầy cúng cũng có cái hay của họ, khi có người qua đời, hay có người bất an, tất nhiên cũng phải nhờ đến thầy cúng. Tôi quý trọng thầy cúng khi thấy họ chịu cực tụng kinh dẫn vong trong các tang lễ". Cái sai ở người thực hiện. Để yên lòng người chết (hay yên lòng người sống), nếu là một gia đình nghèo có khi không đủ kinh phí cúng cấp. Ngày xưa đức Gô Ta Ma nhận đệ tử ở bất cứ đẳng cấp xã hội nào. Bình đẳng tuyệt đối. Ăn không phân biệt thứ gì được cúng dường, ngủ bất cứ nơi đâu trong rừng hay trên núi. Đoàn giáo sĩ hàng ngàn người hoan hỷ an cư trong khu rừng của hoàng tử Jeta xứ Kosala trao tặng. Nay có chùa lớn lại chỉ an trú vài người, ít mở Pháp hội, nên không tránh khỏi chùa ấy trở thành nơi "thờ Phật" chứ không phải "học Phật". Việc này đặt lên vai những nhà chuyên tu trong chùa đó gánh nặng nghìn vạn cân, khi không những tu cho chính mình mà còn hồi đức cho các thí chủ. Lão Hòa thượng Quảng Khâm, người gần như chỉ ngủ ngồi; là một minh chứng sinh động

cho việc liễu thoát sanh tử, một tấm gương ngọc bích không tì vết, là bậc thầy tâm linh vĩ đại của bất cứ người tu thuộc pháp môn nào, đã nói: "Phật pháp không có mạt pháp, mà "người" thì có mạt pháp - Người không biết kính Phật trọng pháp. Người già thì đặt Phật pháp tại chỗ mạt nhứt của các sinh hoạt - đặt sau tiền tài, sắc đẹp, danh tiếng, ăn uống, ngủ nghê, lại đặt sau "trà dư tửu hậu", đặt sau "nhân tình thù tạc". Người mà đem tính trọng yếu của việc học Phật đặt vào chỗ tối mạt là người của thời đại mạt pháp. Nếu là người kính trọng Phật, trọng pháp thì mãi mãi là người của thời đại pháp!"

Đạo Phật là hiển bày chân tướng vũ trụ nhân sinh. Trên không gian địa cầu có nhiều cảnh giới khác nhau cùng tồn tại. Điều trọng yếu ta nên trang bị là gì nếu trước hết không phải *triết lý nhân sinh*. Triết lý nhân sinh chính là phần nền tảng trong đạo Phật, nêu ra một cách chi tiết và sinh động về các tầng không gian tâm linh. Có xa vời chăng? Có hay không cõi âm? Đất nước chúng ta có hẳn một viện nghiên cứu về vấn đề này. Một nhà ngoại cảm uy tín, bằng khả năng có được "từ cõi chết trở về" đã nói chuyện với hơn mười nghìn liệt sĩ, những tưởng thừa lý do đục bỏ ba chữ "chết là hết" cùng một dấu chấm than chạm khắc trên tấm bia chấp thủ của bao người.

Gần đây, nhà ngoại cảm qua sự tiếp xúc với người âm đã thấy sự nhiệm màu: đạo Phật là bè cứu sinh. Trong một đại lễ cầu siêu, nhà ngoại cảm thấy Thượng Dương hoàng hậu do sân hận với Nguyên Phi Ỷ Lan nên sau ngàn năm vẫn chưa "siêu thoát", còn chen lấn cùng chúng sinh bốc cháo cùng đồ vãi cúng.

Để người âm được siêu thoát, người trụ lễ cầu siêu nhất thiết phải là minh tu, là Hòa thượng, bậc đắc đạo chứng quả… *Siêu thoát* ở đây, thiết nghĩ phải ở trong ngoặc kép, bởi siêu thoát đúng nghĩa phải là thoát luân hồi ra ngoài Tam giới. Có thể ví sự siêu thoát trên như một cán bộ tại cơ quan nọ trước làm việc trong căn phòng tối tăm chật hẹp, ẩm mốc, nay được chuyển tới gian phòng thoáng đãng hơn; đó cũng có thể là tầng trời thấp. Mỗi cảnh giới có thời gian khác nhau. Chúng ta biết các liệt sĩ được tiếp chuyện với nhà ngoại cảm, sau mấy chục năm họ vẫn ở "tuổi hai mươi", không già. Biết đâu ở cõi ấy, một năm chỉ bằng một ngày ở cõi dương. Đời Hán có Lưu Thần và Nguyễn Triệu một lần lên núi Thiên Thai hái thuốc gặp tiên nữ, phải lòng liền cưới làm vợ. Nửa năm (ở cõi trời) chợt nhớ trần gian da diết nên quyết định xuống thăm bà con họ hàng, đâu ngờ chẳng còn ai. Ngẩn ngơ hỏi han mới biết người thân giờ thành thiên cổ bao đời. Thượng

Dương hoàng hậu sau hàng ngàn năm, nhà ngoại cảm cũng thấy bà "như cũ". Như vậy có thể người âm sau nhiều năm (ngồi chưa ấm chỗ) họ vẫn chưa đến thời điểm chịu nghiệp quả tạo tác ở đời hoặc họ đã nhận chịu sự thống khổ vô biên nhưng "bất khả lộ", hay họ chưa phải đầu thai vào các nẻo trong lục đạo. Gần giáo lý Phật hơn, chính là do chấp nê thân mình; đó chỉ là sự tác động của thần thức, là "ảo". Còn trong bổn tánh không có linh hồn; thấp hơn thì chết rồi chúng ta sẽ bị thức/nghiệp dẫn đầu thai; lại chấp một thân mới, sống và chết đi; nếu (hồn) họ chịu tới chùa nghe kinh nghe pháp, chịu niệm Phật khắc sẽ thâm nhập vào một cõi nào đó không tệ, rút ngắn thời gian cập bờ Giác. Các nhà ngoại cảm nói chung chưa thể nhìn thấy cảnh giới của địa ngục, ngạ quỷ, a tu la… (phải người chứng đạo mới thấy). Họ chỉ mới thấy cảnh giới *Thân trung ấm* và "những vấn đề xung quanh". Điều này cũng là hạn chế lớn khi soi vào định luật nhân quả, rộng hơn là không tránh khỏi khiến nhiều người hiểu sai *chân pháp*; ngay cả người thân của đức Phật cũng không ngoại lệ. Vào thời điểm xảy ra chiến tranh, Ngài Mục Kiền Liên xuống trần gian hốt dòng họ Thích vào bát mang lên trời lánh nạn. Cuộc chiến chấm dứt, Ngài xuống lại trần gian đổ bát ra thì thấy… toàn máu!

Đạo Phật là phản tỉnh nhân loại *tin lấy* những chân lý thường hằng có liên đới với mỗi vận mạng. Bộ óc con người vĩ đại, uyên bác không chừng nạp được hết thảy kiến thức *liên mạng*, vẫn thiếu Phật pháp. Mức độ nghiêm trọng hơn, nhân loại gán cho đạo Phật là tôn giáo. (Chữ *giáo* gắn sau *Phật* phải mang nghĩa *giáo dục* mới đúng, chứ không phải giáo thuyết. Đạo Phật không mang nghĩa giáo chủ thần quyền! *Kinh Nền Tảng Đức Tin* viết: (1) *Chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều đó được ghi lại trong kinh điển hay sách vở; (2) Chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều ấy được các nhà truyền giáo hay đạo sư của mình tuyên thuyết.* Phật chỉ giảng ra những gì mình thấy lúc đại triệt đại ngộ. Ai nghe rồi hãy *hành trì* và tự chứng, xem có đúng không? Không đủ duyên thì tự bỏ Phật, không văn bản nào ràng buộc. Từ thời điểm 500 vị chứng quả A la hán đầu tiên do tổ Ca Diếp tập hợp làm chứng cho việc chép lời Phật thành Kinh, (hễ một trong 500 vị ấy bảo lời này không đúng của Phật lập tức phải bỏ ra) cho đến nay đã rất nhiều người "giấu mặt" chứng Thánh, vẫn chưa ai "giải thiêng" một câu Kinh. "Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành" - câu nói của *thầy giáo* Thích Ca Mâu Ni nhẹ như mây khiến những người tu cúi lạy vạn lần còn mang ơn trọng.

Mỗi cảnh giới gần như là sự đặc định từ vũ trụ. Nếu cõi người không cần pháp luật trị ác nhân thì vũ trụ cũng đâu cần *tự* chia ra các tầng cấp phân định nghiệp đức của từng vận mạng. Đức Phật thấy chúng sinh quằn quại trong địa ngục, nhớp nhúa quăng quật trong cõi bàng sanh, giằng xé nhau trong cõi ngạ quỷ và ganh đua tham đắm trong cõi người nên đã cùng các Bồ tát xuống cứu độ. Nếu thấy được công ơn vô lượng của các Ngài, sẽ không một ai lại kêu "sao cuộc đời lắm bất công oan trái!" Con người không muốn tu để vói tay "lên trời" nên cứ đinh ninh "nho còn xanh quá". Một người nông dân nghèo họ thường ăn cơm vào buổi sáng lấy sức làm lụng, cơ may được lên phố nhận việc công sở lương bổng kha khá thì chuyển qua dùng bún cháo. Sau một thời gian dư dả họ lại tìm đến những quán ăn xa xỉ, dẫn đến tình trạng *tìm kiếm* "cảm hứng" cho vị giác. Một người tu, nhờ năng lượng từ thiền định/tuệ thanh lọc tâm tịnh sáng, một thời gian họ thấy không còn nhu cầu điểm tâm; chuyên tâm miên mật hơn liền nhập thất hàng tháng hàng năm không ăn uống. Người nông dân (trở thành cán bộ) kia sẽ không hề chạm tay được vào niềm hạnh phúc vô bờ của người tu (trở thành thiền sư) khi gần như quên cái sự ăn uống. Từ Thú tánh họ chuyển về sống với Pháp tánh, Phật tánh; niềm an lạc sanh từ dứt phiền não, ngũ dục lục trần - những thứ mà

người phàm càng cố khoanh vùng hưởng thụ càng thấy bất lực khi thời gian dành cho sự tỉnh thức dần ráo cạn.

Con người - chủ nhân của trái đất lẽ nào lại phớt lờ căn cốt triết lý nhân sinh? Không tin *có đời sau* là không muốn biết căn cốt triết lý nhân sinh. Không tin *nhân quả báo ứng* là không muốn biết căn cốt triết lý nhân sinh. Không tin *luân hồi sinh tử* là không muốn biết căn cốt triết lý nhân sinh. Không tin nếu tu tập đúng theo lời dạy của Phật sẽ *trọn vẹn hết khổ đau* là không muốn biết đến cốt tủy triết lý nhân sinh, v.v. Bạn và tôi lẽ nào muốn trang bị tất cả những triết lý khác trước rồi mới trang bị triết lý nhân sinh?

Con Người tin sâu triết lý nhân sinh nghĩa là tin sâu lời Phật, sẽ không còn nghĩ ác, không còn hành vi bất thiện, dẫu cho sự nghĩ và hành vi ấy không ai nào biết đến. Kinh Hoa Nghiêm, phẩm mười hai có chép: "*Đại hải Long Vương lúc làm mưa/ Có thể phân biệt đếm từng giọt/ Ở trong một niệm biết rõ ràng*". Hàng ngày ta vẫn giấu những việc xấu - gọi là nghiệp, và khoe khoang việc tốt, những việc liên quan đến thiện - gọi là đức. Mới chỉ Đại Hải Long Vương thôi trong một niệm đã thấu rõ bao giọt mưa trong trận mưa. Đức Phật trong một niệm biết bao nhiêu lá rụng trong rừng, biết hết thảy ý niệm khởi sinh trong sâu thẳm tâm

thức của chúng sinh mọi loài. Ví cạn như lúc ta đóng ngoặc kép dòng tên một người nổi tiếng cho vào google rồi enter, trong một giây cho ra hàng triệu kết quả. Phật thấu suốt đức nghiệp của hết thảy chúng sinh. Những việc xấu ngay với ý niệm vi tế đã có *trung tâm nhân quả* ghi nhận, xử lý và "cho ra" vận mạng của mỗi người trong từng khoảnh khắc.

Cuộc đời một sinh mệnh trong Tam giới như sợi dây giăng ngang trời với vô vàn nút thắt, mỗi nút đánh dấu một kiếp, quãng giữa các nút dài ngắn tùy thuộc vào số mạng. Con người nói chung phải bám vào quả địa cầu quay tít mù và luôn trong cảm giác lo sợ run tay mỏi gối văng vào các nẻo thấp thua. Đệ tử của Đức Phật, nhiều cư sĩ đều có một gia đình cần lo lắng, một số nợ cần trả, một sự nghiệp (đã lỡ mang vào) cần hoàn thành ở mức tương đối... Làm việc, âu cũng rất cần thiết cho sự khảo nghiệm tâm tính. Đời là trường tu. Xã hội loài người đang phát quá nhiều nghiệp. Ta còn nhúng tay vào việc đời ắt còn có nguy cơ làm tổn hại đến nhiều người. Người tu chân chính ít nhất không đụng chạm đến lợi ích của ai, đã là quý lắm rồi. Người ta làm việc có lương cao, lại chi cho bản năng hưởng thụ mất quá nửa. (Mà, hưởng thụ là tạo nghiệp). Một người tu lương tháng ít ỏi song bản thân cần chút

ít đã sống tốt sống khỏe, dư dả giúp đỡ người khác mà bản thân lại mỏng nghiệp. Không ít người tu tại gia, khi đến con cháu chơi, mang nào chén bát xoong nồi; trong lúc nếu thật tâm đoạn cá thịt, chỉ cần chén bát rửa sạch cũng được. Người tu hễ chấp vào cái gì, cái đó sẽ trở thành chướng ngại; và ở phương diện này, người không tu cũng nên có cái nhìn rộng lượng hơn. Một gia đình ăn chay trường đã bị hàng xóm dè bỉu "giả bộ ăn chay để che đậy keo kiệt"; rồi là "chắc chúng gây tội quá nặng nên mới chay trường". Có người cứ gì ăn nấy không khen ngon cũng chả chê dở, liền bị rủa "đã ăn chay còn thèm mặn ngọt", kỳ thực người này đạt đến tâm không phân biệt, một trình độ tâm linh siêu thắng. Lại không chừng có những vị Bồ tát hóa thân giữa đời, chúng ta chẳng biết đem lòng khinh khi thật lỗi trùng trùng. Bởi lỗi ở cội gốc chúng ta có tâm phân biệt và chấp trước, không cung kính với mọi người bởi ai cũng là con Phật, được nguyện lực Phật gia trình bình đẳng.

Tu cốt giải thoát luân hồi sinh tử. Niết Bàn - từ tia nhìn gần và thô là đạt đến Tâm Bình Lặng giữa xô bồ trần tục. Ai sinh ra, hữu ý hay vô tình đều đã nhờ vào ánh sáng mặt trời mà lớn lên như chính niềm ân sủng vô biên của Phật Pháp.

Một ngày sực nhớ quê hương

Giải quyết sự khổ trong đời này (nhẹ lòng trước mọi chướng ngại) và an lạc, giải thoát khỏi luân hồi ở đời sau, ngoài Phật pháp ra không gì có thể thay thế.

Giả như không có niệm lực gia trì của chư Phật và Bồ tát, chư thánh và một phần nhờ ý niệm từ chính lớp người hiểu và hành theo chánh pháp, sự sống ở các hành tinh sẽ chóng tàn hoại. Tiếc là ý niệm thiện từ việc trì niệm hồng danh quá ít so với tạp âm, tà âm tràn ngập hư không. Thử tính trong một xóm làng, thành phố hay quốc gia, tỉ lệ người phát sóng siêu thiện bao phần trăm so với chiều ngược lại? Hậu quả của ý niệm thiện hay bất thiện không những ảnh hưởng các mối quan

hệ xã hội, mà theo tiến sĩ vật lý lượng tử của Đại học Harvard John Hagelin (Giám đốc Liên Hiệp toàn cầu khoa học gia cho Hòa bình Quốc tế, là người đã phát triển lý thuyết "Trường đại thống nhất dựa trên siêu dây" của A.Einstein), ý niệm là dạng dao động sóng phát ra sẽ biến đổi từ trường, có thể ảnh hưởng cả một thành phố. Còn chân tướng sự thật thì sao, theo lời dạy của các chân sư cũng như trong Kinh điển, mỗi ý niệm dầu nhỏ nhiệm là "nhổ một sợi lông chấn động toàn thân", nên một ý niệm của riêng mình có thể chấn động tận hư không khắp pháp giới. Năng lực của tâm quá lớn, thật ngoài sức tưởng tượng, thậm chí còn hơn cả bom nguyên tử như một thiền sư từng ví. Tâm chính là pháp giới; toàn cả vũ trụ chính là tâm mình. Cũng là ví dụ của các bậc cổ đức giác ngộ: trong mộng thấy có ta và thế giới; do đâu mà có, không phải là tâm của ta biến ra sao? Thế giới trong mộng là do tâm ta trong mộng biến hiện, thế giới ngoài đời cũng do tâm vọng của chúng sanh trong mười pháp giới biến hiện. Còn thế giới Cực Lạc là do chân tâm của Phật và Thánh chúng tạo nên. Cho nên trở về Cực Lạc mới thật là trở về quê hương của chân tâm tự tánh.

Phật độ khắp mười phương song chớ hiểu nhầm "tha lực"; rằng Phật sẽ đưa tay "bốc" chúng sanh từ Ta Bà đặt lên Cực Lạc. Phật làm vậy đã không còn ai cùng khổ trên quả địa cầu nữa. Nhân

quả luân hồi là quy luật vận hành của vũ trụ chứ không phải do Phật bày ra. Ta Bà bể khổ, đâu đâu cũng khổ, nên ngày đêm thiết nguyện sanh Cực Lạc, Phật sẽ đến lúc ta lâm chung (hay lâm nạn). Điều đáng trách là ta bịt mắt trước cảnh vi diệu mô tả trong "ngũ kinh, nhất luận" nên thấy cõi ác trược này tươi đẹp quá chừng; niệm Phật ngày đêm song chưa hề có tâm thế về với Phật, cứ hẹn rày hẹn mai, hẹn đến lúc thân xác tàn hoại vẫn bám chặt lấy ngôi nhà tứ đại, bám ngũ dục lục trần, tài danh lợi dưỡng. Thương xót chúng sanh, Phật mở con đường thoát cảnh lầm than. Phật chỉ ra tâm Phật trong mỗi chúng sanh, và do vậy bất kể ai cũng có cơ hội lên nước Phật. Trôi lăn từ vô thỉ, thậm chí có người kiếp trước có tu, kiếp này vẫn phàm phu không hề tin Phật, đều là sự thể hiển nhiên. Chớ tưởng ta đời này theo Phật sẽ an ổn dong buồm cập bờ giác. Trong alaya mỗi sinh mạng chứa quá nhiều chủng tử xấu. Nghiệp lực trong một người thôi, kinh viết nếu có hình tướng sẽ đầy cả hư không. Dẫu tu tập tinh tấn, lúc mạng chung lỡ nhân xấu trồi lên sẽ rơi vào tam đồ vạn năm không ra được, cũng là sự thường.

Vẫn biết ai rồi cũng chết, nhưng sự thật có muôn vàn cái chết thảm thương. Có một Phật tử tu tập khá chuyên cần, ngày sắp mất đạo tràng đến hộ niệm, đứa con tự dưng "từ trên trời rơi xuống" ngăn cấm triệt để, bà uất nghẹn trợn mắt

mà chết. Chứng kiến cảnh một người nằm liệt giường bao nhiêu năm trời đến thối thịt, con cháu mỗi lần bước vào lau rửa liền ói mửa, sẽ thấm thía sự chết không đơn giản. Chưa nói chứng đắc cao xa, chỉ cần có một cái chết nhẹ nhàng, một cái chết an lành trong chánh niệm và có đạo hữu trợ duyên đưa tiễn đã khó lắm. Tổ Ấn Quang từng khuyên người hãy dán chữ *tử* trên trán là vậy. Bậc giác giả khuyên người mỗi đêm lên giường lắng tâm niệm Phật. Chuyên chú lâu ngày, ta sẽ thấy được trạng thái rất gần giấc ngủ; xem như sắp trôi vào cõi chết, là lúc ta nắm được *cận tử nghiệp*. Chứng đắc lên thẳng Cực Lạc là khó; dùng *thường nghiệp* (ngày nối đêm xuyên qua mọi công việc) và bám *cận tử nghiệp* để lên nước Phật sẽ nhiều hy vọng hơn. Liên đới việc hộ niệm lúc lâm chung, nếu mười người hộ niệm mà tâm vẩn vơ đâu đâu bất quá chỉ hơn chút xíu máy niệm Phật với vai trò nhắc nhở khổ chủ tỉnh giác. Lúc hộ niệm phải nhất tâm như ngồi giữa đạo tràng dự khóa công phu mới đem lại lợi ích lớn cho người được hộ niệm và chính bản thân mình; dĩ nhiên việc có vãng sanh hay không là *chuyện lớn*, không thể qua sự tướng bình thường mà bàn cho được.

Hành giả suốt đời do dùng tâm phàm niệm Phật, và do không huân tập "Phật tiếp dẫn", phút lâm chung miệng niệm tâm loạn, sống chưa tương

ưng với từ ái thì đâu có ai xuất hiện. Phật sẽ đến tiếp dẫn nếu tâm người đó tương ưng với thiết nguyện, cung kính và tràn đầy bao dung cõi trần ô trược. Phật bên ngoài chính là do tâm (Phật) trong ta cảm ứng. Một người không hề sợ ma, lúc nào cũng chỉ biết niệm Phật thì dẫu có bước giữa nghĩa địa cũng không thể gặp ma. Nói theo ý của Hòa thượng Tuyên Hóa, tâm Phật chính là từ tâm ma quỷ tu thành. Tâm ma quỷ, hiểu ở mức thô tức tâm quá nhiều vọng tưởng đảo điên, luôn toan tính lợi mình hại người và vạn vật. Mỗi ý niệm phát xuất, dẫu là vi tế nó đều tồn tại như một dạng vật chất. Dẫu thoáng nghĩ xấu về người, thì ý nghĩ đó đã xuyên vào đối tượng mình nghĩ và còn "sát thương" vô số trên đường bay của nó đến tận cùng pháp giới. Ta có thể ngăn được chân tay song cực khó để ngăn ý niệm xấu ác. Đa phần nghiệp lực là do ý niệm tạo thành. Ý niệm chồng chéo lên nhau tại kiếp này và từ nhiều kiếp trước. Tại sao bỗng thấy ghét một người trong lúc họ không can hệ đến ta? Có thể do ta có vướng mắc thù oán với họ từ thuở xa xôi nào trước lúc cha mẹ sinh thành hoặc đời này do ta hay "ngó lỗi người", hay đó chính là nghiệp từ tâm phân biệt và chấp trước quá sâu nặng. Ý niệm giận ghét nhau sẽ tạo nên một loại từ trường, nếu có máy chụp lại sẽ cho màu sắc tối xám; nhiều thiền sư chứng thiên nhãn đã nhìn thấy loại màu sắc này.

Thí nghiệm nước kết tinh cũng đã chứng minh. Kinh điển cho biết ý niệm tích lũy đều phát sanh loại từ trường có đầy đủ "sắc thanh hương vị xúc". Truyền thống Thực dưỡng Oshawa khuyên khi người hay cáu giận không nên nấu ăn và cũng không nên bưng soạn đồ ăn cho người khác, vì ý niệm vô hình (hữu hình đối với người có thiên nhãn) đã phóng vào làm biến đổi đồ ăn, người dùng dễ đau bụng hay nặng hơn có thể ngộ độc...

Mỗi một hình ảnh lọt vào mắt sẽ được lưu giữ dẫu bao lâu vẫn trỗi dậy quấy phá tâm như một loại vi rút hạng nặng. Câu Phật hiệu khởi lên, là phương pháp tối ưu thanh lọc phiền não. Hiện tượng bỏ vợ theo bồ bởi ta không chịu xóa cái ấn tượng mạnh mẽ ban đầu; không bỏ được thói phàm ăn bởi *ảo giác* khắc quá sâu về những món ngon… Lúc tâm chưa kịp lưu một khuôn mặt đẹp, một món ăn ngon, một bài hát hay, câu hồng danh đã thực hiện chức năng hóa giải. Niệm Phật mà không nghe rõ từng chữ, những hình ảnh sẽ mạnh hơn và tất nhiên vọng tưởng làm chủ. Tha thiết niệm hồng danh bằng cả máu huyết, đến một lúc nó sẽ rút năng lượng bất cứ loại vọng tưởng nào.

Người chỉ dùng miệng niệm Phật mà không dùng tâm; xưng là đệ tử Phật trong lúc hành vi trái hẳn lời Phật dạy, luôn chực nhảy khỏi khuôn khổ *ngũ giới*, *thập thiện* khác gì với tay vào hư

không đánh đu vọng tưởng. Người học Phật đều biết nhân quả, vẫn ít người ngờ đến mức độ tàn phá thân tâm từ vọng tưởng. Tưởng hành vi xấu (nhất là hành vi giữa bàn dân thiên hạ) mới đưa lại hậu quả; tưởng nghĩ xấu chút sẽ chẳng hại ai, đâu ngờ đó mới chính là tế bào "ung thư". Tôi đã và đang phóng vô vàn ý niệm xấu, như một dạng "dáo mác" có mức độ "hủy diệt" khủng khiếp. Nếu tiếp tục nhân lên, lúc có những ý nghĩ/hành động/hình ảnh tương tự trước mắt, nó như mồi được châm lửa hủy hoại công đức. Điều này giải thích tại sao có những vụ ly hôn hay vụ án lớn đơn thuần xuất phát từ những chuyện nhỏ nhặt. Bởi quá khứ họ phát ý niệm xấu đến nhau, không tập dùng Phật hiệu hòa giải; những niệm đó nén lâu ngày thành khối u nằm im lìm trong tâm (tưởng yên bình), chực chờ cơ hội đánh gục những đôi chân hướng về cõi giác.

Tâm lúc nào cũng với ý niệm thiện, trong trường hợp chướng ngại trái chiều ta cũng khởi tâm niệm Phật, nhẹ nhàng thanh thoát cho nó trôi đi như rác rến trên dòng sông, tâm sẽ tịnh sáng và cho ra một thân thể khỏe mạnh, đủ thời gian giúp ta có được tấm vé lên Cực Lạc. Tại ngôi chùa Thiên Giang ở phố cổ Bao Vinh, trong đạo tràng có mấy trường hợp bệnh viện kết luận là "K"; tin Phật, đêm nào họ cũng niệm Phật đã đẩy lùi ung thư, có người hai năm vẫn bình thường, có người

hai mươi năm rồi vẫn như chưa có sự cố nào xảy ra trong đời. Trở về với thí nghiệm nước nhờ âm thanh thiện tác động đã chuyển từ nhơ qua trong sạch, sẽ thấy niệm Phật có thể chữa lành bệnh nan y. Điều quan trọng ở đây là người bệnh có niệm thuần thành hay chỉ niệm với tâm ích kỷ và mục đích duy nhất cốt lành bệnh để tiếp tục sống những tháng ngày lầm mê.

Vọng tưởng luôn mạnh mẽ bởi nó được sản sinh vô số mỗi ngày và được nuôi dưỡng bằng sự buông thả của hành giả thông qua sự chấp trước và phân biệt trần cảnh qua những ô ngăn nghiệp thức. Lúc ta nằm trên giường tiếng là thư giãn, song trong đầu có những cuộn phim chiếu qua tâm thức một cách sống động; tâm rong ruổi cũng như đứa trẻ với đống đồ chơi thả cái này chụp cái kia. Thay vì để tâm tham dự bữa tiệc vọng tưởng cho đến khi mệt lả trôi vào giấc ngủ lúc nào không hay, ta dụng tâm duy nhất vào câu "A Di Đà Phật" kết thành từng chuỗi miên mật; ban ngày cũng với phương pháp này đối đãi vạn sự vạn vật, lâu ngày sẽ nhận được sự thanh thản thư thái, tỉnh táo trước biến cố. Một ả hàng cá chửi (dẫu họ sai chăng nữa) mà ta sân thì trong lúc đó ta không bằng họ. Chớ bận tâm nhiều đến những lời khen, quyết niệm Phật mỗi khi ai đó trái ý thích của mình, cho đến lúc tự cảm thấy họ chính là thầy, là thiện tri thức, cảm thấy thương yêu họ,

chừng đó ta thực đang trong tiến trình giải thoát.

*

Một bậc chân tu từng ví: tập tánh xấu của chúng ta cũng như rất nhiều chương trình được cài đặt sẵn trong máy vi tính; hễ khởi động máy, những chương trình ấy cùng đồng loạt "nổi loạn". Trong quá khứ dễ có những sợi dây liên hệ bất hảo với ai, tình trạng này được lặp lại nhiều lần, tâm ta sẽ lưu vào ký ức thành một loại "ác dữ liệu"; khi gặp lại người đó, dữ liệu tự động nhảy ra ngoài tầm kiểm soát, và như vậy mỗi lần gặp dữ liệu càng thêm đậm nét. Ta lại cho tình trạng này là thật, cũng gần giống như hiện tượng tự kỷ ám thị hay "nhìn dây thừng tưởng lầm con rắn" mà sợ toát mồ hôi. Có khi đương sự đã thay đổi hẳn, nhưng ta vẫn nhìn người đó với hình ảnh cũ, đó chỉ là cái bóng cũ do chính ta phóng hiện. Nhiều loại bệnh tật cũng từ đó phát sinh, nếu biết chỉ ít ngày đã có thể hóa giải, còn không hiện tượng này sẽ lặp lại cho đến không cùng, lại càng có cơ hội "oán trời trách người", tội nghiệp sẽ càng thêm nặng, phước thọ tổn giảm nghiêm trọng.

Theo diễn giải của Bồ tát Di Dặc còn vi tế hơn: hàng tỉ ý niệm phát xuất trong một giây. Tu

thiền định để có thể vượt Tam giới phải dứt sạch ý niệm đoạn hoặc chứng chân; tính theo tiêu chuẩn này trên trái đất được bao người đủ căn cơ? Pháp Tịnh độ, điều quan trọng trước hết là có đầy đủ niềm tin về Cực Lạc quốc; tin rồi có thiết nguyện vãng sanh; quảng đại phát nguyện rồi mức độ hành trì niệm Phật chuyên nhất không? Người tu có chịu buông chấp Ta Bà vào bất cứ lúc nào để về với Phật như lòng mong muốn của một người tù được trả tự do, như đứa con xa quê bao nhiêu năm mong một lần trở về?? Lưu lạc trong vô số kiếp trần ai khổ não. Ai mà chẳng có cội nguồn. Ai không ước trở về nguồn cội. Cái khó là ta cứ nghĩ nguồn cội ở đây, sống trên đất mà chết cũng trên mặt đất này.

Quê hương của chúng ta - là Cực Lạc.

Con người ai cũng từng rơi vào trạng thái "sực nhớ". Lúc ta cố lục lọi trí nhớ lại không tìm ra điều muốn nhớ, nhưng một lúc nào đó lại "sực nhớ". Thực tế đó thường là những lúc ta thả lỏng thân tâm. Trí không căng thẳng, tâm bớt vọng ấy là lúc quyền năng tối thượng phát huy. Những người nhập thiền tự dưng nhớ lại những chuyện xa xưa hồi nhỏ; bậc chứng quả Thánh thì nhớ hàng trăm kiếp trước của mình và mọi người, đều nằm vào "lý thật tướng" này. Sở dĩ quyền năng tối thượng không khởi dụng bởi tâm chứa quá

nhiều rác, từ đó dồn tất cả công việc vào trí nhớ. Có thể nêu thí dụ: ngày mai hoặc ngày kia ta phải làm việc ấy, cứ sợ quên, thế là ép trí nhớ vận dụng công năng liên tục. Rốt cuộc, quên. Vẫn có trường hợp ta sực nhớ, song cuộc hẹn đã qua hoặc chưa đến, tức nhỡ việc. Ngược lại, luôn biết xóa mọi thông tin để làm sạch tâm; đến lúc cần làm việc ấy việc kia vào thời điểm đó, chỉ cần phát thông tin rồi "không thèm nhớ nữa", đúng thời điểm quyền năng vi diệu sẽ nhắc ta hoàn hảo! Lý này chính là nương vào cái không mà trụ. Cũng như ngài Huệ Năng khi nghe đến "ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" (nên sinh tâm mình vào nơi không có chỗ trụ) liền hoát ngộ. Thời hiện đại có bác sĩ Hew Len đã "phát hiện" và chứng nhập diệu lý thâm sâu, và chính ông chữa lành rất nhiều bệnh nhân chỉ với việc xóa thông tin căn bệnh của đối tượng khỏi tâm mình.

Không luyến tiếc thân mạng, song người tu phải gìn giữ thân mạng quý giá để có đủ thời gian hành trì trước lúc quả đạo hườm chín. Biết gìn giữ mạng của muôn loài chúng sanh là giữ cho chính mình. Gìn giữ thân mạng theo chánh pháp khác với những người ngày nào cũng với ý nghĩ khám chữa bệnh, ngày nào cũng chọn lọc đồ ăn thức uống cầu kỳ. Lời Phật dạy chưa dễ tin thì nay khoa học cũng minh tường: ăn chay luôn ít bệnh tật và minh mẫn hơn ăn mặn. Ở đây không nên

nhầm lẫn: người lao động trí óc đơn thuần hay người tu tập cần ít năng lượng lại ăn với chế độ của lực sĩ. Một tài liệu của Pháp được công bố cho hay, bệnh ung thư cũng có thể chữa mà không cần thuốc. Chất bổ dưỡng như thịt bò, các loại cá thịt, sữa, đường… là thức ăn chính của con ung thư; chỉ cần người bệnh ăn thuần rau củ, tiết thực, con ung thư không có thức ăn sẽ ra sao. Hay theo thực đơn Ohsawa. Gạo lứt nấu trong nồi gang, kiên trì ăn với muối mè sẽ lành bệnh. Bây giờ khoa học hiện đại phát hiện: đường phá hoại não trạng và hoại thân thể, đánh lừa vị giác, người tu những tưởng dần dần cũng nên giảm dùng ở mức tối đa. Bệnh xuất phát từ công việc đặc thù, từ sự tùy tiện trong ăn uống, bệnh cũng xuất phát từ tâm đen tối mê mờ. Và đặc biệt quan trọng là ý niệm lo sợ cái chết theo kiểu "tôi giàu có, tôi phải hưởng thụ, tôi không thể chết khi còn quá nhiều tiền của". Mỗi ý niệm sợ chết phóng ra, con vi rút trong họ có nhiên liệu sống mãnh liệt hơn. Chỉ điều này thôi cũng cho thấy Phật là một đại danh y. Nếu là đạo hữu cùng hiểu đạo lý thì chẳng sao (bởi khi ta khai bệnh, họ sẽ biết xóa ngay thông tin đó); với người không học Phật, họ sẽ khắc chạm căn bệnh của ta vào não trạng, ngày nào cũng phát ý niệm: "gay rồi, bệnh ấy nguy rồi, khó lành, khó qua khỏi rồi". Ta lo sợ, bệnh càng nặng đã đành; hễ "khối u" trong ta nhiều "fan hâm mộ"

nó càng có lý do sinh tồn.

Mức độ xóa thông tin thuần thục, quyền năng siêu nhiên làm việc cực kỳ hiệu quả. Sự vui sự buồn vừa ập đến liền như tảng băng ném vào lửa. Tâm trở lại bình lặng. Trong bất cứ chúng sinh nào cũng đều có chủng tử Phật, vĩnh viễn không tàn lụi dẫu trôi qua lục đạo vô lượng kiếp. Câu nói mang tầm triết lý nhân sinh: "Bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội". Nhưng có hai điểm hạn chế: thứ nhất nó chỉ bàn đến con người; quan trọng hơn, tổng hòa các mối quan hệ xã hội chỉ tạo nên *tập tánh* chứ không phải *bản tánh*. Bản chất của chúng sanh muôn loài là *tự tánh-Phật*. Giống như một bãi đất trắng, sau một thời gian hội các nhân duyên như nước, gió, không khí, hạt giống, sẽ tạo nên rừng cây rậm rạp đủ loài, nhưng dưới lớp đất thênh thang kia vẫn chứa hạt giống Bồ đề. Người tu là người biết phát quang tạp cây để hạt giống đó nẩy mầm tỏa bóng. Rừng cây kia dẫu đổi được cả khối vàng song không bao giờ là bản chất; hạt giống Bồ đề mới chính là xạ hương, là tinh hoa của con người. Ai những kiếp trước thiếu duyên với Đạo, kiếp này dụng Trí nhận diện chân giả, bước về miền sáng. Tín là chìa khóa mở ngôi nhà Phật pháp. Nhiều người cầm chìa khóa lại chấp nó là ngôi nhà, cứ thế trang hoàng đánh bóng, mong người đời nhìn vào ngưỡng mộ trầm trồ ngợi ca. Điều

này chẳng khác mình trú trong thân tứ đại lại ngỡ thân chính là... nhà. Đến lúc nhà cháy lao ra mới tròn mắt trước cảnh giới tối sầm.

Chư Phật không thể xóa nghiệp như ông chủ hào phóng xóa nợ cho kẻ bần cùng. Phật A Di Đà chỉ mở lượng hồng ân cho mỗi người gói ghém *nghiệp cũ*, tinh tấn dụng tâm trì niệm hồng danh Ngài, phát đại nguyện lên Cực Lạc thế giới. Mang nghiệp cũ, thử lấy ra một món độc là *sân*. Lúc ta nóng giận, câu niệm Phật phải ngay lập tức dũng mảnh hàng phục được khiến tâm lắng xuống không sai sử chân tay miệng tạo tác. Ở tham, si, mạn cũng vậy. Còn ta bị các thứ độc đó nổi lên sai khiến như trâu bị xỏ mũi, câu niệm Phật vẫn nhớ niệm song thật yếu ớt, thì việc vãng sanh khó rồi! Nếu chúng ta không dụng tâm mà chỉ dùng miệng niệm Phật, dẫu đến bạc tóc đường về Tịnh độ vẫn là "quá khó quá khó". Ai đêm nằm một mình bỗng sợ ma, cứ thế ý niệm sợ ma mới chồng lên ý niệm cũ, lúc mở mắt không chừng rùng mình trước con ma ngay trước mặt. Sợ ma, người đó cứ bám vào câu Phật hiệu, lần theo từng chữ "A Di Đà Phật", niệm chữ nào nghe rõ chữ đó, niệm chuỗi nào rành mạch chuỗi đó, cảnh giới xấu trở về không. Từ đây mới thấu yếu chỉ của niệm Phật chính là *nghe rõ câu mình niệm và gắng kết chuỗi thành phiến*. Giữa đạo tràng hàng trăm người, ta vẫn điềm nhiên nghe lấy câu hồng

danh mình niệm nối nhau bất tận; còn không dễ chừng rơi vào tình trạng lên giọng cho đúng tông và khi đó ta trở thành một "con hát" của dàn hợp xướng trong lúc vọng niệm lôi tâm khắp hồng trần. Biết lắng tâm và lắng nhĩ căn lúc niệm Phật thì dẫu ta giữa chợ vẫn có thể điềm nhiên an lạc.

Ta Bà cõi tạm, như cái thang ải mục ta đang đứng cheo leo và sẽ gãy đổ bất cứ lúc nào. Để có cớ gọi tên sự chứng ngộ phải bắt đầu từ niệm Phật hóa giải mọi ý niệm xấu ác khởi sinh. Dụng tâm niệm Phật để "sực nhớ" những kiếp trước ta từng với tay gần chạm vào Đức Phật, và bây giờ chùm nho nơi vườn Cực Lạc đã không còn xanh nữa.

Phần III

MỘNG THOÁT LUÂN HỒI

Phá giới, phá chấp và phá kiến

1. PHÁ GIỚI

Đạo Phật đang phát triển rộng rãi đến nhiều tầng lớp. Rất nhiều các bậc tri thức, các nhà khoa học chân chính, đến cả những người vốn bảo thủ đã sớm hướng vào nội giới tìm con đường giải thoát theo như lời dạy của đức bổn sư. Gặp được Phật pháp chính là cơ hội lớn, may mắn nhất trong mỗi đời người. Một câu "A Di Đà Phật" lọt vào tai rồi sẽ thành chủng tử Bồ đề, người ấy có cơ hội thoát khổ vĩnh viễn trong những kiếp vị lai một khi được sanh về Cực Lạc.

Hoan hỷ niệm, quên thời gian không gian, một lòng hướng về cõi Tịnh *trên nền tảng trì giới* là những bước chân vững chắc trên đường Đạo.

Người niệm Phật ba ngày thành tựu, đã có. Người niệm ba tháng, ba năm gặp Phật ấn chứng ngày vãng sanh, trường hợp này cũng nhiều; sự thật được ghi hình thâu âm rõ ràng. Người niệm Phật biết trước ngày giờ, lúc thiêu hiện xá lợi, gần đây có vị còn lưu toàn thân xá lợi vàng ròng như hổ phách bất hoại, khắp thế giới chứng nghiệm bằng kỹ thuật hiện đại và trở thành báu vật trong nhà Phật, đó cũng là sự hiển nhiên không gì lạ.

Tu đúng, hoàn cảnh gia đình cũng sẽ chuyển theo hướng tốt đẹp, càng ngày người tu càng tinh tấn, thêm thời khóa và thời gian trong từng khóa cũng tăng theo, cho đến tương tục ngày qua đêm kể cả trong giấc ngủ. Năm ngoái sân giận đố kỵ, còn ngủ nhiều ăn nhiều, còn tham công tiếc việc nhân gian, năm sau và sau nữa nhẹ bớt, tâm từ nới rộng, là biểu hiện của sự tu đúng. Niệm Phật nhiều năm thói hư tật xấu không giảm, tiếng là đệ tử Phật cũng nên nhìn lại. Sai đường bắt đầu từ phá giới, rồi phá kiến trong lúc chưa phá được vọng tưởng chấp trước về sự "ăn may" cứu độ.

Mãi mãi về sau, tiêu chuẩn để làm một Phật tử vẫn phải dựa vào giới luật. Một đệ tử tại gia dẫu chưa tròn Thập thiện song cần luôn gắng khép mình vào khuôn khổ này. Khuôn khổ nghe ra chật hẹp, song đó đích thực là hành giả đang tập đi vào thế giới vô biên của lượng tâm. Người

tu thường nghĩ đơn giản, rằng cứ tham thiền niệm Phật là đủ. Rồi khi gặp hoạn nạn lại trách Phật không gia hộ. Chẳng như sau thời khóa công phu, trên đường từ chùa về hành giả ghé vào quán nhậu làm một chầu, tuôn trào tạp thoại đủ chuyện trên trời dưới đất, nhất là những hạn chế của bậc "đầu tròn áo vuông" theo kiểu không phải gió động phướn động mà tâm động; thần nào sẽ hộ pháp? Hộ pháp nghĩa rốt ráo vẫn là sự tương ưng, tức khi tâm thuần thiện; còn lúc ta rong ruỗi ta bà, mê say dục lạc, sự gia hộ đó lập tức biến mất một cách tự nhiên. Có người thậm chí mặc cả áo tràng ngồi nhậu; người dân ngang qua thấy vậy lên tiếng chê bai luôn Phật pháp, tội này có nặng? Khoác trên mình chiếc áo cà sa, áo tràng chính là hình ảnh chân nhân; lại với hành vi xấu ác dĩ nhiên Phật pháp liên lụy, bị rớt điểm trước mắt đại chúng, trước tầm nhìn của những tôn giáo khác.

Giữ giới tưởng chỉ dăm điều ít ỏi song, đại giới Thập thiện có biên độ rộng lớn, khó niệm nào ra khỏi. Giữ giới thuần thục, họ không bị bó buộc mà luôn tự tại. Tự biết. Tự ngộ ra những gì không nên làm. Với ý nghĩ chưa kịp thành hình đã được lọc qua câu hồng danh để soát xem nếu xuất ra miệng sẽ có tác dụng tốt không. Một ly nước sôi họ không thể tự tiện hắt đi bởi biết bao chúng sanh nhỏ bé sẽ bị luộc chín. Không ít người có tật

chiều nào cũng gom rác và đốt, vô vàn sinh linh bị thiêu. Ở thế giới của chúng lúc đó khác gì muông thú trong một khu rừng cháy, khác gì nhiều quả bom nguyên tử ném xuống một thành phố. Mà chưa nói chuyện "nhỏ nhặt" ấy, ngay đến đại sự công đức như xây chùa dựng tượng Phật, ấn tống Kinh cũng chẳng dễ. Chùa xuống cấp đương nhiên cần được trùng tu, xây mới, còn không chưa đạt công phu cao, chưa có đạo quả đã hăng hái xây chùa không khéo phạm vào xem thường mạng chúng sanh (trong quãng thời gian thi công); điều này vốn các đại đức xưa căn dặn. Có cư sĩ lúc ấn tống sách Pháp, đạo hữu hỏi sao bìa 4 trắng trơn không đưa thêm ảnh Phật vào cho đẹp, họ trả lời: Phước mỏng, nhiều lúc người ta lỡ đặt cuốn sách giữa chiếu cũng đỡ lãnh nghiệp. Thật là một ý nghĩ xuất phát từ tâm thành kính.

Những người thợ làm hàng chưa nói; người Phật tử thêu tranh Phật, mỗi lúc giở ra thêu liền rửa tay, thanh sạch thân tâm. Từng nghe một nữ tu bảo, "thêu đến khuôn mặt Phật, toát mồ hôi hột". Trong câu nói này hàm rõ ý cung kính hết mực với Phật. Việc không có tâm cung kính, tỉ lệ thuận sẽ là tự cao ngã mạn. Có người được ngõ ý mời đến đạo tràng dự khóa, liền nói: Ở đây công khóa mấy chục phút quá ít, tui ở nhà niệm hơn tiếng đồng hồ. Người khác: tui dạo này mỗi ngày niệm ba bốn thời... Điều này quá tốt, nhưng ẩn

sau đó, kiêu mạn đã tăng trưởng, như lúa càng mọc cỏ cũng xanh tốt theo. Càng tu ngã càng lớn, càng muốn được người đời cung phụng, là hiện tượng chẳng hiếm. Nó không những làm mờ nhòa công phu thăng tiến về cõi Phật của riêng ta lại còn ảnh hưởng đến đại chúng, khiến bộ mặt của Đạo thiếu hòa ái từ bi, đôi khi nó trở thành bức tường vô hình ngăn cách giữa chúng sanh và Phật.

Sơ tu, lòng thành kính chư Phật và Bồ tát trọng yếu nhất. Cái gọi phá chấp đã ảnh hưởng sâu ở nhiều Phật tử một cách tự nhiên đến khó hiểu. Không ít người đưa cả Kinh vào phòng ngủ, treo ảnh Phật khắp tường. Giả như cá nhân chỉ có một căn phòng, thì sự này tạm chấp nhận với phương cách có màn che lúc cần, còn với gia đình có hai phòng thì dứt khoát không nên đưa Kinh, ảnh Phật vào. Đặc biệt với phòng the vợ chồng càng tuyệt đối. Chẳng lẽ những người ấy thay quần áo trước mặt Phật, trước Kinh luận? Rồi liệu chuyện gì xảy ra nữa, thật không dám nghĩ thêm. Đây là nhân cực xấu cần tránh gieo. Tôi ngày xưa cũng từng phạm tội đọc Kinh rồi để luôn trong phòng ngủ uế trược, sau nghe được lời khai thị của thượng nhân Tuyên Hóa mới giật mình choàng tỉnh, vội sám hối. Tổ sư đại đức xưa mỗi lúc xem Kinh xong thì trân trọng để trở lại kệ sách ở phòng thanh sạch. Có vị mặc cà sa xem

Kinh, lúc vệ sinh thì cởi, sạch sẽ tay chân thân thể rồi vào mặc lại trang nghiêm mới tiếp tục học. Không hành nếp sống này, hành giả vô tình tự xem mình hơn cả cao tăng!

Trong *Niệm Phật tông yếu* của Pháp Nhiên đại sư và *Thán dị sao* của ngài Thân Loan, đọc qua thấy "đơn giản", nhưng chưa dễ tiếp nhận, dẫu lợi ích tăng trưởng niềm tin về nguyện lực cứu độ vô biên của Phật A Di Đà. Người chưa hề biết Phật pháp, nghĩ tu khó, khi đọc sách này dễ mang lại nhân duyên thù thắng. Nhưng qua đây cũng khiến nhiều người quá xem trọng tha lực, niệm Phật là đủ, niệm ít niệm nhiều cũng giống nhau, người giữ giới niệm Phật cũng không khác người không giữ giới niệm Phật, người có chồng vợ (quá mặn nồng *tà dâm*) với người không chồng vợ niệm Phật đều như nhau v.v; chẳng cần biết đến sát trộm dâm vọng, *phá rào* lâm vòng tục lụy, dấn thêm vào vũng lầy. Đây là lý rất thâm sâu, mang tầm vóc tư tưởng phá chấp nhằm "trực chỉ nhân tâm". Nhưng chỗ "vô ngã" này không dễ nhảy vào; giao phó toàn mạng cho Bổn Nguyện thực tế hành giả chỉ thấy núi, còn chạm tới núi và đều phải hành từ những bước chập chững đầu tiên của giới định. Nói vậy không phải chẳng ai vào được, song khi mà tâm chúng ta chứa cả núi vọng tưởng và luôn bị tham sân si mạn ngầm sai sử thì việc giao mình cho Phật đôi khi không tưởng.

Taitetsu Unno luận về Tịnh độ Chân tông trong *Sông lửa sông nước*: "Tự lực không phủ định nỗ lực cần thiết để tiến bộ trên con đường thức tỉnh. Tiềm ẩn trong cái gọi là con đường dễ dàng của Phật giáo Tịnh Độ là truyền thống lớn "tu thân" trong truyền thống Á châu. Tu thân điều phục thân và tâm, xây dựng tính cách và sức mạnh bên trong, kiềm chế dục vọng, và làm hiển lộ tiềm năng trọn vẹn nhất của một con người". Tác giả của cuốn sách thuộc hàng kinh điển về văn học Phật giáo này cũng cho biết ngài Pháp Nhiên luôn khuyến khích hành giả "*thường hằng* niệm Danh Hiệu; và ngài cũng đã niệm sáu mươi hoặc bảy mươi ngàn lần mỗi ngày". Với con số niệm này nếu tính ra sẽ thấy người niệm Phật sẽ chẳng còn thời gian để mà vọng tưởng, cũng chẳng còn thời gian nghĩ về giới luật bởi đã hòa trong giới luật, câu hồng danh đã nhuốm lên hết thảy. Song với sự hình thành của Chân tông đã khiến pháp Niệm Phật trở nên vi diệu, sống động, và Danh Hiệu trở thành ngọn đuốc soi đường trong sự khát ngưỡng tâm linh cùng tận đối với bất cứ chúng sanh nào còn hồ nghi và tự ti về sự giải thoát khỏi bể trầm luân.

Kinh A Di Đà, Phật thuyết khi thiện nam tử thiện nữ nhân niệm Phật từ một đến bảy ngày (là con số ước lệ), niệm đến "nhất tâm bất loạn", (tức chí ít cũng niệm câu Phật hiệu thành phiến thành

khối, ban đầu thì tập trì từng chuỗi mười câu, rồi lại mười câu quay vòng tai nghe rõ ràng ít lẫn tạp niệm), lúc lâm chung Phật và chư Thánh sẽ hiện tiền gia hộ... khiến tâm bất điên đảo. Đoạn kinh có hai ý tối quan trọng. Thứ nhất là chữ *thiện* (trong thiện nam tử, thiện nữ nhân). Bậc đại sư lúc chú giải Kinh đã nêu rõ chữ thiện này chính là Thập thiện, tức người nữ người nam nằm trong khuôn Thập thiện. Rất nhiều người niệm Phật vạn câu, niệm Phật hàng chục năm vẫn không thăng tiến công phu, bởi từ chối đặt mình vào Thập thiện. Điểm thứ hai cần lưu ý, đoạn Kinh cho biết thiện nam tử thiện nữ nhân niệm Phật chí ít đạt thành phiến, thành khối (nhất lâm bất loạn), sau đó "A Di Đà Phật dữ chư thánh chúng hiện tại kỳ tiền". Chứng tỏ phải có *tự lực* trước, Phật mới cảm ứng, nghĩa là hành giả trước hết đủ niệm lực chống với khoảng 50% nghiệp tham sân si mạn. Ngài Pháp Nhiên trước lúc biết đến pháp Niệm Phật đã tu các pháp môn khác, đạt ngưỡng trong đêm tối đọc kinh hào quang chiếu ra không cần đèn, tức tâm rất định; công phu đó tiếp xúc với Niệm Phật liền tiếp nhập cảnh giới vi diệu. Hơn thế, đại sư cách nay hơn 7 trăm năm, thời điểm nhân tâm con người ít vọng động hơn bây giờ rất nhiều, nhất là đối với người Nhật thấm sâu phong vị thiền.

Tịnh độ Chân tông phá chấp, trước hết là phá cái Ngã. Người niệm Phật thường chấp vào số lượng câu Phật hiệu và thời khóa công phu, chẳng hạn ta niệm mỗi ngày nhiều hơn ông nọ bà kia, dĩ nhiên sẽ được vãng sanh còn họ thì không; mỗi ngày ta chuyên trì ba bốn thời, họ chỉ một hai thời, thời công phu lại ngắn sao có thể bì với sự vãng sanh của ta. Đó dẫu sao vẫn là cái chấp dễ nhìn thấy. Hễ đã trì niệm, dẫu đạt đến vô niệm tự niệm thì vẫn còn đó cái Ngã đang niệm Phật. Tịnh độ Chân tông, biểu hiện rõ nhất trong *Niệm Phật tông yếu* hướng vào tha lực là ý muốn hành giả chỉ biết tinh tấn niệm Phật, còn vãng sanh là việc của Phật A Di Đà; cái Ngã vô tình sẽ bị phá mà hành giả không hay. Để thấy điều thâm sâu lại ẩn sau cái tưởng bình thường.

2. PHÁ CHẤP

Giữa phá giới và phá chấp luôn có mối liên hệ mật thiết. *Phá chấp* lúc công phu hành trì chưa nhuần nhuyễn sẽ khiến người tu *phá giới*; từ đó dễ chừng *phá kiến*, lạc đường tà. Phá chấp là một bể học và hành xuyên suốt cuộc tu. Phá chấp cao nhất ở lý Kim cang bát nhã, từng bước phá phân biệt và chấp trước với vạn pháp bởi mỗi pháp đều bình đẳng với chính nó và với vũ trụ nhân quả. Phá chấp là thuần lợi người và vạn vật, phá đi mọi

ô ngăn nghiệp thức để có cơ hội hòa vào chân tâm vốn thấy vạn pháp đều *như*. Song ở đây không dám bàn đến lý mầu diệu này bởi sự tu của bản thân còn non kém.

Người Việt Nam tu theo Pháp môn Tịnh độ khá nhiều, đây là điều đáng mừng, đúng như lời khuyên của Phật Thích Ca và chư Tổ. Tịnh độ Chân tông Nhật Bản và Tịnh độ ở Trung Quốc ít nhiều ảnh hưởng sâu rộng trong giới tu Tịnh độ nước ta. Đã chánh pháp, cao nhất đều là một. Ngài Pháp Nhiên vốn nhận được khai thị về thế giới Cực Lạc từ Thiện Đạo đại sư (Tổ thứ hai của Liên Tông chư Tổ) qua Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, trên cốt tủy này lập nên Tịnh độ ở Nhật Bản; vậy có gì khác nhau. Hễ bất cứ ai ở bất cứ quốc gia nào, nếu họ là cao tăng đại đức, là thượng nhân, là chư tổ, là người chứng quả, là người được Phật ấn chứng vãng sanh rõ ràng, chính là "sứ giả" của Phật, là thiện tri thức của giới Phật tử. Pháp ở họ có khác chăng là do không gian, tính cách con người và hoàn cảnh mỗi quốc gia có chút sai biệt, (nên pháp đó cũng như bốc thuốc Bắc, cần tăng thêm chút này giảm chút kia). Một trong những cuốn pháp tiêu biểu hợp với người Việt có lẽ là *Tuyển Tập Pháp Niệm Phật* của Thượng Nhân Pháp Nhiên, hay *Sông lửa sông nước* của Taitetsu Unno. Còn với người Việt, thiết nghĩ tinh thần Tịnh độ Chân tông như *Niệm*

Phật tông yếu hay *Thán dị sao* khó thể áp dụng đại trà. Có vị sư còn so sánh *Thán dị sao* với Công án Thiền.

Mà công án phải dùng công phu để hiểu, không thể dùng trí suy lường; bởi bản chất công án là bất khả tư nghì! Những *công án* là phương tiện thiện xảo của các Tổ dành cho kẻ đương cơ; Tổ biết trò đến mức đó rồi, liền tung ra cú đòn đích đáng, kiểu như chặt đứt ngón tay, đánh bằng tích trượng để trò hoát ngộ. Đây là độc chiêu, Tổ chỉ dùng với mức trò đã ở mức có thể so sánh như Huệ Năng trở lên và chỉ dành riêng với 1 trò duy nhất, khó thể dùng chiêu đó với trò khác.

Trong nhà Thiền các Tổ rất sợ trò rơi vào ấm ma. Diễn theo kinh điển, nhất là tinh thần kinh Thủ Lăng Nghiêm, thường lúc đạt được chút xíu định, thiền sinh sẽ sanh tâm hoan hỷ, ấy là lúc ma lợi dụng mở ra tòa lâu đài khiến kẻ sơ cơ tha hồ vùng vẫy (trong hố thẳm). Thậm chí chúng hiện ra hình Phật xoa đầu tán thán... Kinh Địa Tạng cũng đề cập việc oan gia trái chủ hiện thân quyến thuộc của kẻ lâm chung để dẫn họ vào cảnh giới xấu báo oán. Việc của hành giả là mau quay lại chánh niệm; trong Tịnh tông liền chú tâm ngay vào từng chữ "Nam mô A Di Đà Phật" (niệm câu nào *nghe rõ* câu đó). Ở thế gian nghĩ thiện sẽ hơn nghĩ ác; nhưng muốn xuất thế gian đương nhiên

đến nghĩ thiện cũng dần dà dứt luôn, bởi nghĩ gì cũng là vọng, cũng không bằng niệm hồng danh. Có vọng sẽ mở lối cho luân hồi lục đạo. Câu hồng danh sẽ phải bén như lưỡi gươm trước tất thảy niệm ác lẫn thiện, dần dà quyện lại khiến vọng tưởng mất dần năng lượng; còn thù thắng hơn ở những người tập sống với tánh giác, khiến vọng tưởng như soi mình trong chiếc gương tánh giác.

Nhiều người dẫn câu: "Phật là *que cứt khô*", là sai hoàn toàn ý Tổ. Công án như sau: Trò hỏi: Phật là gì? - đáp: Que cứt khô (thiển nghĩ không có 2 chữ *Phật là*). Đây không hề là lời đáp cho câu hỏi, mà cốt hướng tâm của hành giả ra khỏi "mạng lưới tư tưởng" lúc ấy; dù "tư tưởng" ấy là Phật thì cũng chẳng phải Phật thật, tức nếu đáp Phật là gì gì đó đều không thật nghĩa. Là câu Tổ như buột miệng nói ra, có thể lúc Tổ nhìn xuống đất và thấy que cứt khô, liền khai thị cho hành giả trực nhận sát na hiện tiền - là Phật; không phải lời nói - tư tưởng.

Một trường hợp: Phạm Công Thiện (PCT), người hẳn đã có cảnh giới thuần tịnh của riêng mình. Có lẽ quá hiếm những thiên tài như PCT, "lâm vào" công án lại thoát khỏi. Nhưng. Ai say mê đọc tác phẩm của PCT thời ông chủ yếu dụng Trí mà không đọc PCT dụng Tâm giảng giải kinh A Di Đà và nguyên lý Phật học Đại thừa giai

đoạn sau này, khác gì bất chấp hố thẳm cắm đầu mà đi. PCT từng miêu tả: "Đối với tuổi trẻ, đối với sự khủng hoảng hiện nay (thời điểm PCT viết tác phẩm xuất bản năm 1970), chỉ có những lối thoát sau đây: 1. lao vào đời sống và tự tạo trách nhiệm; 2. tự tử; 3. lao vào trụy lạc trác táng; 4. điên; 5. đi tu". Những đoạn văn của PCT như trên sẽ ít nhiều khiến độc giả hiểu chưa đúng về ông. Nhất là với một PCT đã sống trọn trong Pháp quãng về già, cuối đời, ở đấy quá khứ gần như bị phủ nhận và chết hẳn. 4 *tiêu chí* trên, PCT không có ý xếp thứ tự điều nào đầu (trọng nhất), điều nào cuối (nhẹ nhất). Nhưng nó tác động mạnh về mặt xã hội. Thử làm phép loại trừ để định hướng giới trẻ bây giờ (ở khía cạnh nếu ảnh hưởng nặng PCT, họ sẽ chọn lựa gì? *Đi tu*? - chắc chưa đủ duyên. *Điên*? - Bùi Giáng ư, sao đủ nội lực theo? *Tự tử* - thật khùng nếu chưa thực sự là "thiên tài" nhiễm chủ nghĩa hiện sinh, hư vô. Chỉnh chu hơn chút, thử "lao vào đời sống và tự tạo *trách nhiệm*" (chữ trách nhiệm tức có ích với xã hội, cũng hiếm). Điều còn lại (*lao vào trụy lạc trác táng*) sẽ dễ được lựa chọn. Hoặc cũng có người chọn cùng lúc vài ba điều hoặc hết thảy).

PCT còn viết: "Đối với tôi danh từ quê hương chẳng có ý nghĩa gì cả"; thấy rõ PCT ảnh hưởng đậm nét nhà văn Henry Miller và hơn nữa là Thiền sư Krishnamurti - đó là sự phá bỏ chủ

nghĩa quốc gia. Tuy nhiên sự phá bỏ của Krishnamurti là *xuất* thế gian pháp; còn ở trong thế pháp lại đòi phá bỏ là ngược với tinh thần Đạo Phật. H. Miller về sau cũng như PCT, đều trên Chánh đạo, và càng tiệm cận với con đường của Đức Phật họ càng nhận ra nhiều lầm lẫn trong quá khứ. Thế nên có lần H. Miller nói đại ý, tôi bây giờ không phải tác giả của những cuốn sách đang được tôn vinh trước đây. Còn PCT giai đoạn về sau sống với pháp môn Tịnh độ, "trở về sự im lặng"; trở về "chuyển động toàn diện của tâm thức trong ánh sáng bất tận của Phật A Di Đà". PCT lúc này, *"đọc bao nhiêu kinh điển Phật giáo trong mấy chục năm trời liên tục thì cũng không bằng chỉ mỗi sớm mỗi chiều niệm Phật xưng danh: Nam Mô A Di Đà Phật*". Thấu chân lý, PCT *học Phật* chứ không *Phật học* nữa. Là bước chuyển mình vĩ đại từ *Phật học* (sở tri) qua *học Phật* (hành trì). "Nam Mô A Di Đà Phật" (Namo Amitàbhàya Buddhàya) trở thành tiếng kêu của kẻ Giác Ngộ, một kẻ buông thả tất cả mọi sự, buông bỏ thiện và ác, buông thả sự giác ngộ và vô minh, buông thả thiên đường và địa ngục. Niệm Phật xưng danh Phật cho đến chỗ Nhất Tâm Bất Loạn là pháp môn huyền diệu nhất để phá tan tất cả nghiệp lực, để được Vãng sinh Tây phương Cực Lạc".

Trong giới tu hành tinh thần phá chấp là một

vấn đề then cốt, nên thận trọng vẫn hơn. Chớ "cầm nhầm" chuyện các Tổ đại đức *nhổ nước bọt vào tượng Phật*; *giết mèo*; *chẻ tượng Phật* v.v, đều là những món không dành cho bất cứ ai ngoại trừ kẻ được Tổ chọn dùng để khai ngộ). Nhắc lại sự phá chấp trong Chân tông Nhật Bản; có Thầy bảo trò, nếu con không ăn chay được thì ăn mặn mà niệm Phật; nếu con ở chùa không niệm Phật được thì về nhà lấy vợ mà niệm Phật, v.v. Lời khai thị mang tinh thần phá chấp ấy chỉ dành cho trò ấy, ở căn cơ ấy và tại thời điểm ấy mà thôi. Tiếp xúc với những công án Thiền quá sớm sẽ mang hậu quả khó lường. Tinh thần phá chấp thấm vào tâm không được công phu hỗ trợ dễ khiến người tu hiểu lệch. A Di Đà Phật là Vô Lượng Quang, dĩ nhiên không nơi nào không soi thấu. Nhưng hiểu theo kiểu đâu cũng có Phật, không cần kiêng dè cung kính, nghiễm nhiên đưa cả hình ảnh Phật, kinh kệ vào phòng ngủ vốn nhơ nhớp, sẽ trực tiếp gieo chủng tử thảm khốc. Phật từ bi nào có giận, nói chi đến lôi ai vào ác đạo. Nghiệp lực tự gieo sẽ tự chiêu cảm lấy, nhất là nghiệp có tính làm hoen ố Phật pháp trước đại chúng. Từ đây chỉ phác lộ ra hai con đường: một là lên Cực Lạc, hai là xuống Địa Ngục. Tịnh độ là pháp môn đặc thù, vô cùng thiện xảo, có đới nghiệp. Mang nghiệp quá nặng liệu có nhẹ nhàng thăng tiến? Trên tinh thần đó các hiện tượng như

bày tiệc rượu thịt, bài bạc ngay trong gian thờ Phật trở nên "không can gì", lây lan phổ biến. Lại có những vị Phật được vẽ, khắc chạm chỉ có cái đầu không; đó là chuyện của nhà chế tác, xem như hình tượng nghệ thuật, ở đời khó thể trách, miễn sao gieo được thiện căn với người xem. Còn với người tu không nên thờ Phật với chỉ cái đầu. Nếu ai cho điều này bình thường, hãy thử in mỗi cái đầu của ông bà cha mẹ đặt lên bàn thờ xem có ổn không? Phá chấp kiểu trên nếu lan rộng sẽ là rào cản vững hơn núi lửa ngáng trở hành giả trở về chân tâm rỗng lặng trong kiếp này.

Niệm Phật để tâm trở về nguyên bản rỗng rang, luôn phải thực hành lúc giới luật đã được người tu một lòng hòa nhập, nó như thành trì cuối cùng mở ra cảnh giới lộng lẫy tuyệt cùng.

3. PHÁ KIẾN

Những gì Đức Phật thuyết trong suốt cuộc đời là chân tướng vũ trụ; với cõi Ta bà trước hết là chân lý về kiếp người, ai nương vào tu hành sẽ thoát khổ đau. Phật giảng với rất nhiều căn cơ, nhiều cảnh giới, thậm chí có cảnh giới trong định cho hàng Bồ tát và chư thiên, nên số kinh vô lượng, nghĩa cũng vô lượng. Ngay cả với một bộ kinh, lúc này giảng cho căn cơ thấp sẽ khác với hàng căn cơ cao hơn. Đơn cử đều khuyến tu lên

Cực Lạc, pháp hội này Phật nói ngoại trừ ngũ nghịch thập ác, ở thời khác Ngài bảo hạng người này cũng được độ sanh. (Thực tế đã có minh chứng cụ thể; càng chứng tỏ túc nghiệp vô cùng quan trọng, càng củng cố thuyết tái sanh trong sáu nẻo). Không hiểu sẽ cho Phật nói thế nào cũng được. Là do người ta dùng trí phàm soi Tâm Phật, lấy ngao lường biển. Giáo sư triết học Tây phương Phạm Công Thiện giai đoạn sau này lúc giảng kinh Đại Thừa đã đề cập chuyện nhiều học giả rất thích tranh luận chữ nghĩa; cãi lộn chữ nghĩa; biết chữ nghĩa để rồi bôi mất chữ nghĩa, chẻ chữ làm năm làm ba làm cho đại chúng rối bù. Rất nguy hiểm. Còn ông sống trong kinh điển, chìm trong kinh điển rồi rút ra mật ngôn: Tất cả bí ẩn, diệu thường nằm trong sáu chữ Nam mô A Di Đà Phật. Không tin pháp môn mà bao người đã hiện tướng thành tựu viên mãn, là một kiểu *phá kiến* đầy tai hại.

Một khi không dụng công nhìn Pháp, lại dụng trí soi xét rốt cùng dùi tới kéo lui trong vòng luẩn quẩn. Rồi còn cho kinh này cao, kinh kia thấp. Thiển nghĩ, Phật giảng, kinh nào cũng cao nhất. Tịnh độ tông vi diệu, Thiền và các pháp môn khác cũng vậy. Bách pháp, hạ thủ dụng ở bất cứ một pháp nào, thì 99 pháp còn lại đều có công năng trợ tu vi diệu. Pháp là chân lý vũ trụ sao có hơn thua. Pháp bất biến, nhưng nhân tâm luôn

biến đổi, ngày càng loạn, thế nên mỗi thời có những phương tiện thiện xảo; (như thời Chánh pháp Giới luật thành tựu, thời Tượng pháp Thiền thành tựu, thời Mạt pháp Tịnh độ thành tựu). Bởi tâm quá nhiều vọng niệm ứng với xã hội nhiễu nhương, nói thời nay hành thiền khó thành tựu hơn niệm Phật không có nghĩa tu thiền không chứng. Người thiện căn sâu dày, từ nhỏ được gia huấn bởi Đệ tử quy, lớn lên đã nằm trong Thập thiện, Sa di, Cụ túc giới nghiêm minh giữa môi trường thuần tịnh, dĩ nhiên hành thiền hay nhập không tông tánh tông vẫn là cứu cánh.

Ngàn vạn pháp môn suy cho cùng cũng là phương tiện. Chân lý nếu không có phương tiện sẽ không hoàn mãn cứu độ. Chân lý là con đường nhưng đến đích lại cần phương tiện. Căn tánh mỗi người mỗi khác, ngay cả với những người tu cùng một pháp môn. Tịnh độ tông đích của hành trì là tâm thanh tịnh. Niệm Phật kết thành phiến, vọng niệm khó sinh khởi, sẽ sinh định phát huệ. Một người bắt chân kiết già tĩnh tọa, tuyệt đối bất động, chỉ có tâm là "động" với *A - Di - Đà - Phật*, từng chữ một rõ ràng, theo chuỗi nối nhau. Thì đấy chính là Thiền. Giữa Phật giáo Nguyên Thủy và Phật giáo Phát triển có gì khác nhau? Có Hòa thượng chuyên hoằng dương Tịnh độ vẫn khuyên người tu nếu không học Tiểu thừa nhất thiết phải lấy đạo Nho và đạo Giáo làm nền tảng cho Thập

thiện nghiệp đạo, Sa Di luật nghi. Nhiều vị cao tăng khác thuộc Đại thừa lại khuyên quán Tứ niệm xứ chế ngự lậu hoặc, không chấp thân này (vốn như bình quý đựng phân, là túi da hôi thối).

Một khi tâm khá nhuần nhuyễn câu Phật hiệu, tức không khởi tâm mà hồng danh cứ vang lên từng chuỗi nối nhau bất tận bất kể ngày đêm, thậm chí trong mơ; người tu không nhất thiết phải nghĩ đến thế giới Cực Lạc, không nhất thiết phải nghĩ đến Phật A Di Đà. Về đâu, nhập vào cõi nào trong mười phương là tùy duyên, chưa phải chuyện của hành giả đang niệm Phật. Đó là nhạt *cái ta đang niệm Phật*, phá cái ngã, là bước chân đầu tiên trong hành trình tiến đến tánh chân như. Tu tịnh hiểu thiền, cội gốc ở đây. Người không niệm Phật đến mất mình miên man an lạc, nên tu thiền chưa hiểu tịnh, cội gốc cũng là đây. Những thiền sư lỗi lạc như HT Tuyên Hóa hay HT Quảng Khâm, những bậc đạt đến công phu Thiền cao thâm khó thể luận bàn cảnh giới đã một lòng khuyên người niệm Phật; sao quá nhiều người tu thiền chưa đạt đến ngưỡng của các HT này không nhìn lại mình? Vạn Phật Thánh Thành ở Mỹ quốc (một đạo tràng thuần khiết nghiêm tịnh bậc nhất dựa trên tiêu chuẩn của Phật thời tại thế như tăng sĩ ăn ngày một bữa, hành trì từ 4 giờ sáng đến khuya…), trong công khóa của một người tu vẫn có trì chú, thiền và niệm Phật. Sự kết hợp này thật

vi diệu. Ai đó đời này thuộc hàng thiểu trí chăng nữa song đời trước căn duyên sâu dày, tin Phật niệm Phật, tụng kinh bái sám, nên hiển nhiên thành đạo. Còn dẫu là đạo sư (tu các pháp môn khác) không tin "niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng" làm nhân tố tối thắng thành chánh giác, cũng là điều hết sức bình thường; đáng trách là bài bác, làm tổn hại Chánh Pháp, làm chướng ngại con đường giải thoát luân hồi của vô số chúng sanh.

Trong nhà Phật từ xưa có tiền lệ: ai tuyên bố hoặc "bị lộ" mình triệt ngộ, liền nhập diệt. Nếu không, người nào chớm định sơ thiền tưởng đang trong cảnh giới Niết Bàn liền sanh ngã mạn, Phật tử tôn sùng họ quá mức kiểu như Phật tái lai không chừng cùng nhau trôi vào ác đạo. Lại nữa ma cũng có thần thông; chúng ta theo ma ắt loạn! Đức Phật từng đạt tứ thiền song Ngài tỉnh táo biết mình chưa thật sự giải thoát, mới tìm con đường ra khỏi thập pháp giới khổ não. Thiền tức tỉnh giác trong từng niệm móng khởi. Thiền sinh nhập môn thường lấy một đối tượng nào đó quán tưởng, cột tâm. Vọng tưởng yếu dần ít dần. Cách niệm Phật hữu hiệu chư tổ gạn lọc qua thời gian là niệm từng chuỗi "A Di Đà Phật" mười câu một: 3 câu, rồi 3 câu tiếp, rồi thêm 4 câu nữa; hết chuỗi liền quay lại từ đầu. Đang niệm bỗng tự hỏi câu thứ mấy, tức biết ngay tạp niệm xem vào, nên

xóa ngay vòng đó niệm lại chuỗi khác, tâm sẽ ngày một lặng. Người hạ thủ công phu ngày đêm sẽ tĩnh tọa thầm niệm trong tâm nhiều giờ liền rất an lạc. Đó là trạng thái của cận định. Để nói rằng nếu hiểu và hành rốt ráo Tịnh tông, người ta sẽ thấy niệm Phật là phép thiền, còn là thiền thậm thâm bởi trong thiền này dễ phát tuệ quán chiếu pháp thế huyễn giả và đều *như*. Nên người đắc Thiền sẽ không hề xem thường Tịnh, và người niệm Phật có công phu cũng không chê Thiền bởi hai sự này chẳng khác nhau. Bậc chân tu còn dạy niệm Phật khiến hành giả chóng thấy tánh.

Nhiều người tu theo kiểu gieo duyên, bảo niệm *thần* niệm *thiên* cũng như niệm *Phật*. Là cạn lý. Niệm Phật tâm phải tương ưng với tâm Phật (tức hành giả trước hết lấy *thiện giới* làm nền). Niệm Phật là niệm sâu trong tâm, tâm niệm chứ không đơn thuần miệng niệm. Chớ nhìn vào hiện tượng bề nổi niệm Phật lơi khơi rồi cho Tịnh tông là pháp cầu may cầu phước cầu hộ trì chứng quả, một pháp tu dễ dãi yếm thế. Lời khai thị của cổ đại đức: "Miệng niệm Di Đà tâm tán loạn/ Đau mồm rát họng cũng uổng công"; "Niệm Phật có một trăm loại quả báo. Quả báo thứ nhất chính là đọa địa ngục" (là hạng vừa niệm Phật vừa hành lạc, hành thập ác, bất kính Tam bảo, chấp pháp chấp ngã sâu dày). Ngày xưa Đạo Phật rất thịnh hành ở Ấn Độ. Một số tôn giáo vốn thờ đa thần

ganh tị, không bài bác nổi nên dùng độc chiêu "bắt tay" đưa Phật vào cùng thờ chung với nhiều vị thần khác. Là một nguyên nhân thâm sâu khiến Đạo Phật một thời mất dần vị thế ở Ấn Độ. Việc niệm thần/thiên và niệm Phật tương đồng cần được nhìn nhận tỉnh táo để không đánh mất cơ hội giải thoát đối với tín đồ thuộc tôn giáo khác, bởi bất cứ ai trên trái đất đều có thể nhận Phật Thích Ca làm Thầy một khi họ tin vào hạnh nguyện cứu độ, đánh thức Phật tánh trong mình.

Xưa nay trong Tịnh tông đếm sao hết người nương vào niệm Phật, được Phật hẹn trước ngày giờ vãng sanh. Còn gì đáng ngờ? Người cầu vãng sanh Cực Lạc một khi không buông nổi dính chấp uế trược, sẽ về đâu nếu không lòng vòng trong lục đạo. Bây giờ tham sân vẫn có thể hối lỗi, bù đắp, bởi cậy còn thân này; lúc thân hoại mạng chung thức ấy bồng bềnh chao liệng như chiếc lá khô, khởi sân hận tà niệm liền bay vèo vào địa ngục hoặc nhận thân rắt rết, khởi niệm tham liền đọa làm loài quỷ đói. Tâm vọng như dòng chảy luân hồi bất tận không lúc nào ngưng. Tâm ấy được "cài" vào chánh niệm hồng danh mạnh mẽ lấn lướt tạp niệm Ta bà; vào thời điểm *cận tử nghiệp*, thần thức sẽ tự bị hút về cõi thanh cao? Có bậc tôn túc cảnh tỉnh, lâm chung lại tơ hào bám víu, dẫu như sợi tơ nơi ngó sen thôi cũng dễ ở lại sân ga cuộc đời. Tổ Thiện Đạo trước lúc thị hiện vãng sanh đã dặn, đại ý: trừ Phật tái sanh nói đừng tin có Cực Lạc, còn đến như Bồ tát có bảo niệm Phật

là lầm lạc cũng chớ tin. Thuần dụng trí, không thực hành như lửa cháy trên đầu người tu sẽ chấp chặt tà kiến không có chuyện Phật xuống rước người lâm chung. Phật luôn thả thuyền từ đưa người qua biển mê. Là về cõi Cực Lạc. Phật có ứng, hóa thân. Học kinh Hoa Nghiêm sẽ cảm rõ Ngài và các đệ tử thuộc hàng Bồ tát *sắm vai người thường* có vô số trong thế gian *nhẫn nại âm thầm* hóa độ mà ta nào hay!

Mảng tối dưới chân đèn

Tổ Quy Sơn dặn: "Nói ra lời nào phải liên hệ với kinh điển. Đàm luận gì, phải xét lại lời người xưa". Phật Thích Ca sau 49 năm thuyết pháp cũng bảo những lời ta nói là thuyết lại lời cổ Phật.

Vì sao nói lời nào đều phải liên hệ với kinh điển? Nếu kinh điển không mang sinh khí thời đại, không trực tiếp dẫn nguồn vào cuộc sống liệu có còn là kinh điển. Những kinh điển lạc lõng giữa dòng đời bất tuyệt là kinh điển khô nhắc chết cứng, không còn tự bảo vệ được mình trước những phát triển của văn minh nhân loại, trước những phát hiện khoa học về con người và bản thể vũ trụ. Kinh điển ấy… lỗi thời. Kinh điển phải luôn gắn với đời sống; nhất cử nhất động của con người đều có thể soi vào mà chỉnh sửa, ấy là *chân kinh*.

Thế kỷ XXI - thời đại khoa học công nghệ. Nhiều phát minh, khám phá làm chấn động nhân loại. Một trong những công trình đó là khám phá ra biểu cảm của nước (cũng như trước đó khoa học phát hiện bản tánh của thực vật). Một thí nghiệm ở Nhật với hơn một trăm vị sư ngồi tụng niệm yêu thương nước trước hồ Tỳ Bà ô nhiễm rộng mênh mông, sau một buổi hồ nước dần trong trở lại. Thân thể người do tứ đại hợp thành, trong đó nước chiếm khoảng 70%, vậy ra bệnh tật có nguồn từ sân hận, chấp trước, phân biệt, tự lợi, xan tham, mê đắm, tật đố, ngã mạn…, những thứ khiến cho nước trong thân thể nhiễm ô. Nhiều ngôi chùa nhận chữa cho những người bệnh mà y học đã bó tay với điều kiện: ở lại chùa ăn chay, nghe giảng pháp… Chính là chùa chữa Tâm (thanh tịnh, trong sáng) chứ ít chú trọng chữa thân, vì thân vật lý chiếm tỉ lệ rất nhỏ so với mặt tinh thần trong chỉnh thể người. Người mà bệnh viện trả về, tức bị dồn vào bức mành mong manh cuối cùng ngăn cách sống chết. Yêu cầu ăn chay niệm Phật, nghe kinh, lạy Phật sám hối mà họ cũng lắc đầu, trong lúc chùa không chút vụ lợi; đủ thấy ta chấp chặt sự thiên lệch về vật chất. Đại sư Buddhadasa người Thái Lan trong cuốn "Cốt lõi của cội Bồ đề" (Hoang Phong *dịch*) gọi đây là "bệnh tâm linh" - "là một căn bệnh không cho phép mình quán thấy được

sự thật tối hậu của mọi sự vật đúng thật với những gì là như thế. Do đó bệnh ấy là một thứ bệnh liên quan đến vô minh, hay là sự hiểu biết sai lầm, và nếu đã là một sự hiểu biết sai lầm thì tất nhiên là nó sẽ đưa đến những hành động sai lầm và từ đó phát sinh ra khổ đau". Và "Phương thuốc giúp chữa khỏi chính là *tánh không*. Hơn nữa tánh không chẳng những là một phương thuốc mà còn là cả một sự giải thoát có thể làm triệt tiêu tất cả mọi thứ bệnh tật, bởi vì phía sau tánh không sẽ chẳng còn lại gì cả". Hiểu được lý vô thường chúng ta sẽ không chấp điều lớn nhất: *thân này là ta* (mà chỉ là *của ta*, như áo quần). Khoa học cho thấy những người "chết giả", hồn họ tạm lìa thân và họ thấy được xác mình, họ thấy được những người từng chết trước đó, thậm chí thấy cả những vị thánh. Một khi có họ đứng nhìn xác mình, dĩ nhiên các xác ấy không phải mình rồi, hay hiểu đơn giản: Chết không phải hết. Chết vẫn còn ta, vậy sao ta không mảy may tìm hiểu cảnh giới sau cái chết, và cái gì sẽ giúp ta lúc bỏ thân này.

Khám phá về nước nói riêng làm lay chuyển nhận thức loài người, khoa học gia phải mất vô số thời gian, đâu hay đã vô tình chứng minh một vài câu kinh Phật. Còn vô vàn kinh điển nữa đều đang chờ khoa học soi chiếu. Nhưng có điều sợ muộn màng, sợ đến lúc chúng ta có chứng cứ

trong tay e hành tinh xanh đã hoang hóa. Khoa học thấy Phật pháp là bậc thầy của khoa học. Nhưng nhiều người vẫn chỉ "sử dụng" những câu kinh đã được thực chứng, thế nên một pháp sư gọi hiện tượng này là "mê tín khoa học"!

Kinh điển Phật giáo là kim chỉ nam của bất cứ người nào muốn trả lời hai câu hỏi: "Ta từ đâu đến?" và "Ta sẽ về đâu?" (Ở đây xin không hiểu theo danh hiệu của các Phật: *Như Lai* - không từ đâu đến, không đi về đâu - Kinh Kim Cang: "Vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ"). Lời Hòa thượng Tuyên Hóa: "Đối với người tu hành chân chính, lúc chết tâm họ rất sáng suốt, biết mình từ đâu tới và sẽ đi về đâu". Biết đâu chúng ta đến hồng trần này từ bên châu Phi; biết đâu chúng ta từ cõi ngạ quỷ đầu thai thăng lên hay từ cõi trời "rớt" xuống; và (nếu thành tựu trong Tịnh độ), chúng ta sẽ biết chắc mình sẽ về Cực lạc thế giới khi thân giả tạm này mất. Học Phật nhất thiết phải bám sát kinh điển, vừa học vừa hành. Phật nhập diệt, *ngón tay chỉ trăng* bây giờ chính là kinh điển và những vị được giới chân tu xem là chứng quả, Bồ tát hóa hiện. "Các con hãy lấy Pháp của ta làm đuốc"! (Kinh Pháp Cú). Không nương theo kinh là không tin lời Phật: "Những kẻ không tin lời Như Lai nói là những kẻ mãi mãi thọ khổ". Một người đời nay không thể không biết - pháp sư ChinKung. Ngài bảo những "người cúi lạy Phật mà không hiểu

Phật, không học Phật chính là mê tín". Thế nên học Phật không hành (ví như học Mật tông lại không trì/nghe chú, học Thiền tông lại không tham thiền, quán chiếu và sống với thực tại chánh giác, học Tịnh độ lại không chuyên niệm Phật) thì khác nào bám phần nổi của tảng băng phiêu dạt trên biển. Theo Phật mà xa rời kinh điển dễ mập mờ giữa chánh và tà. (Tuy nhiên), cổ Đức nói: "Y kinh giải nghĩa tam thế Phật oan, ly Kinh nhất tự tức đồng ma thuyết". Có một ví dụ rất tuyệt: ly sữa bổ dưỡng là Phật pháp, nhưng thêm vào một giọt độc thôi, hỏi ly sữa còn dùng được? Y giáo phụng hành là lẽ căn cốt của người học Phật. Người không tu, không phải vì thế mà khinh khi Phật pháp, đứng trước cửa Không khua chuông đánh trống; không phải vì thế mà ung dung ngoài luật nhân quả, kể cả người theo các tôn giáo khác. Bởi nhân quả vốn thường hằng bất biến, tin hay không thì từng giây phút bất cứ chúng sanh nào cũng bị chi phối bởi nhân quả. Từng giây phút phước họa chiêu cảm từ ý niệm và hành vi của ta đều chi phối đến vận mạng của ta.

Hành vi thì đương nhiên ảnh hưởng đến thọ mạng chúng ta, nhưng khoa học lượng tử đã chứng minh (kinh điển), là những suy nghĩ của chúng ta chẳng những ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của ta mà còn ảnh hưởng đến toàn thời không trong vũ trụ. Bản thân tôi từng sản

sinh nhiều quan điểm lệch lạc về Phật pháp. Có câu có lời đã được chính thống hóa trong các ấn phẩm, sách xuất bản, sự ảnh hưởng lan rộng, người viết ra nó sẽ nhận về phần nghiệp càng nặng; có câu mới chỉ là ý niệm - những ý nghiệp hằn sâu trong tâm thức trước ngày đến với Phật. Mới hay không nương vào lời Phật thì nhất cử nhất động, nhất tâm nhất ý đều dễ gây nghiệp. Có khi buông ra một câu song (do mức ảnh hưởng) cả cuộc đời không trả hết nghiệp, ai không biết nguyên lý này đương nhiên thường trách trời sao tôi khổ, sao tôi không tạo ác với ai lại khổ thế này.

Từ gia đình bước ra xã hội, tôi gặp nhiều cảnh đời tăm tối. Con người bị dồn vào đường cùng bi đát, con người kêu gào trời Phật, nhưng trời Phật dường như không thấy; nên nghe câu "Chúa đã bỏ loài người, Phật đã bỏ loài người", tôi tin. Thiển nghĩ trời Phật không có, vậy mình nhìn lên trời làm gì? Hãy cứ bám chân trên đất mà đi. Phật có nêu quy luật nhân quả luân hồi, và Phật thần thông quảng đại sao không đưa loài người thoát Bể Khổ. Thế nên lần đầu tiên tiếp xúc với chữ *Không*, tôi xem đó là sự phủ nhận trần gian.

Cơ duyên giáo lý nhà Phật vẫn cuốn hút. Học thêm được chút ít, mới hay nghiệp ý về chữ *Không* thật sự nghiêm trọng. "Không hay Tánh Không là một trong những khái niệm quan trọng nhất trong triết lý Đại thừa". Luận về Triết học và Tôn giáo, Suzuki cũng viết: "Đừng lẫn lộn *không*

với không chi; cũng đừng tưởng rằng có một đối tượng của tư tưởng được gọi là không, vì ý tưởng này đi ngược hẳn với bản chất đích thực của Không. Không nên xác định nó như là tương đối tính, như một số học giả quan niệm. Chính Bát Nhã dạy rằng các pháp hiện hữu tương quan liên hệ như là những kết quả của những tập hợp duyên sinh và do đó chúng là không (…). Chính trí Bát Nhã soi thấy tất cả những hàm ngụ của Tánh Không".

Học Phật nhằm thấu tỏ vạn pháp huyễn giả rồi buông xuống. Khi ta buông cái không phải chân lý, ngay đó là chân lý, ngay đó sẽ phần nào linh cảm được chút ít về Tánh Không. Nhưng vẫn còn một cái ta biết/"sở hữu" chân lý ấy cũng cần buông để trở về như nhiên thuần thiện thuần tịnh và thuần lợi người cùng vạn vật - cái này khi dùng ngôn ngữ diễn tả, phải chăng người ta gọi nó là chân lý tối thượng? Nói vậy cũng đã lộng ngôn, bởi giả như cái mà phàm tình tôi có thể hiểu đến, âu cũng là cái thấy trong mộng mà thôi.

Một Hòa thượng người Việt Nam ví Không như con số không (0). Nó vốn không là gì song thiếu số 0 thì mọi tính toán trên tiểu học đều tắc tị. "Vì có nghĩa Không này - Tất cả pháp được thành - Nếu không có nghĩa Không - Tất cả bèn chẳng thành" (*Trung Luận* - Long Thọ). *Không* gần như là trung tâm luận Phật giáo. Nếu tôi cho *Không* là sự phủ nhận trần gian thì cũng khác chi nói Phật giáo phủ nhận nhân gian. Kinh Pháp Hoa có một câu rất đặc biệt: "Các đức Phật chỉ vì một

việc trọng đại duy nhất mà ra đời, đó là vì khai ngộ cho chúng sanh *ngộ nhập tri kiến Phật*"; "Bồ Tát nếu có thể tùy thuận chúng sanh, thì chính là tùy thuận cúng dường các đức Phật. Còn tôn trọng và thừa sự chúng sanh thì chính là tôn trọng và thừa sự các đức Như Lai. Nếu làm cho chúng sanh vui mừng thì chính là làm cho tất cả Như Lai vui mừng." (Trích Mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát); "Nếu cần hiện thân Tỳ Kheo độ thì hiện thân Tỳ Kheo, nếu cần hiện thân Tỳ Kheo Ni độ thì hiện thân Tỳ Kheo Ni, nếu cần hiện thân cư sĩ độ thì hiện thân cư sĩ". (Kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn); "Không những tự điều phục mình mà còn điều phục cho kẻ khác, không những dứt phiền não cho mình mà còn dứt phiền não cho kẻ khác. Không những tự mình qua đến bờ giác giải thoát, mà còn độ cho người khác đến bờ giác giải thoát". Dẫu vẫn có người chứng đạo liền "chán bỏ" thế gian, ngồi thiền chìm đắm, quên hóa độ chúng sinh. Thế nên Đức Phật giảng cho những đệ tử đầu tiên chứng đạo: "Hãy lên đường, này các Tỳ kheo, vì lợi ích cho số đông, vì an lạc cho số đông, vì thương tưởng thế gian, vì lợi ích và an lạc của chư thiên và nhân loại"; Đức Đạt Lai Lạt Ma căn dặn: "Đã tự xem mình là người noi theo gót chân Phật thì phải luôn tự xét chính mình, tự xét tâm nguyện của mình, và phải luôn giữ gìn nguyện vọng muốn giải thoát tất cả mọi người mọi loài ra khỏi khổ nạn luân hồi". Kinh Hoa Nghiêm khuyên nhắc bậc chứng Bồ đề phải "vì người mến thích cảnh giới mà nói pháp vô sở hữu. Vì người mến thích chỗ tịch tịnh mà nói

pháp phát thệ nguyện lớn khắp lợi ích tất cả chúng sanh".

"Vạn pháp giai không, duyên sanh như huyễn". Bàn về *Không* thực tế không bờ mé: bất khả thuyết, bất khả luận, bất khả tư nghì. Ở cấp độ phàm phu, chỉ sờ mó và chấp nhận đưa ra một khái niệm tạm thời chứ không thể xuyên qua bản thể của nó được. Khoảng một phần tư giây là một khảy móng tay, trong một khảy móng tay có hàng trăm triệu lần sinh diệt, mức cực vi tế. Một lão pháp sư giảng: một giây trên màn hình là sự ghép lại của 24 hình, tức 24 lần sinh diệt, nhưng mắt chúng ta chỉ thấy một bước chân người đi chứ đâu thấy được 24 hình ghép lại. Mức sinh diệt quá nhanh nên nhục nhãn bị lừa.

Con người hợp từ tứ đại, cũng như một đám mây mà ta chỉ thấy đám mây với nhiều hình dạng, chứ đâu thấy hợp tan. *Sắc tức thị không không tức thị sắc* (Bát Nhã Tâm Kinh). Mỗi người khi sống chính là có hình tướng, lúc chết thì tan rã trở về không (hình tướng). "Ngay cả khi sắc được phân ra thành các phân tử cực kỳ vi tế, hoặc các đặc tánh của nó được phân ra thành các hiện tượng giới chẳng hạn như mùi vị, sự nhận biết về bản tánh của sắc vẫn tồn tại". (*Bảo tàng tri kiến*, Thế Thân). *Không* ấy đâu phải là không. Chính là còn linh hồn (theo cách gọi dân gian; thực tế khái niệm Linh Hồn không có ở *pháp Chân đế*); gọi đúng là thần thức, hay thức alaya. *Tam giới duy tâm*. Tâm chứng thì hết thảy mười phương khắp pháp giới hiển bày. "Thế giới này được dẫn đạo

bởi tâm tư, thế giới này bị quét sạch bởi tâm tư, thế giới này dưới sức mạnh của tâm tư" (Kinh Samytta Nikàya, I, tr. 39).

Sách *Truyền đăng lục* chép công án "Con chó của Triệu Châu": *Có người hỏi Thiền sư Triệu Châu: - "Con chó có Phật tánh không? Triệu Châu đáp: "Không"*. Phật bảo tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, sao con chó lại không. Không, "cái *không có* này không phải là làm cho không có mà bản tánh của tất cả các pháp vốn là Không" (Kinh Viên Giác). Và nữa, *không* là "vô". "Vô" là vô nhị tướng. Nếu bậc chân tu miên mật, họ chẳng những hòa cùng tạp niệm bất thiện mà cả niệm thiện, để đạt đến, *định* trong *động*, tức *thường tại định*.

Quay lại với ý nghiệp ban đầu. Lúc *nghĩ oan* cho cái Không, thì hàng loạt suy nghĩ sau đó nối đuôi nhau "nhúng chàm". Từng đọc một tác phẩm văn học, ý nói Phật tuy lớn khôn cùng song đã "rủ" loài người đi quá xa hồng trần. Cõi mà Phật muốn con người vươn tới gần như ảo tưởng. Cho nên Phật dẫu là Đại Lương Y sợ rằng sẽ ban phát thứ thuốc ru ngủ sự tuyệt vọng mà mình vì tài hèn nên không đạt được.

Nói đạo lộ của Phật vốn ảo tưởng, là bóp méo kinh điển. Kinh chính là Phật. Phật chính là Kinh. Những người đắc đạo hiện thời và các Bồ tát được ấn chứng rất nhiều. Họ chính là kinh điển sống. Ở Việt Nam có Bồ tát Thích Quảng Đức; có Tuệ Trung Thượng Sĩ, Phật hoàng Trần Nhân Tông, Hòa thượng Từ Đạo Hạnh, v.v. Nước ngoài

có các tổ sư thuộc Thiền và Tịnh, trong đó như ngài Huệ Năng lưu lại thân xá lợi đến bây giờ. Thời hiện đại có Đức Đạt Lai Lạt Ma; rất nhiều vị chứng quả Thánh, nhiều vị tu niệm Phật đạt Tam muội, biết trước ngày giờ vãng sanh về thế giới Cực Lạc, lúc đi còn để lại toàn thân xá lợi vàng ròng bất hoại trước thời gian. Một giáo sư uyên bác thỉnh giảng khắp thế giới với số giáo án hạn hẹp, lâu lâu không xem lại thì quên. Một pháp sư xứ Ấn xem đó là kiến thức ao hồ (tạo một cái hồ rồi tát nước của thiên hạ vào, *đơn cử như tinh thần bài viết này*), lâu ngày nước không cạn cũng đục. Bậc đắc đạo giảng pháp suốt đời không lặp chủ đề. Có vị riêng giảng bộ kinh Hoa Nghiêm đến 17 năm; lần giảng thứ hai chưa được 1/5 bộ đã lên tới ba vạn giờ. Có vị suốt ba mươi năm không xem thời sự báo đài nhưng hỏi đến đâu đều tường tận. Đó chính là trí huệ ba la mật, mỗi lời đều như suối mát tuôn chảy.

Có một thực tế, nhiều người bị cuộc đời đánh cho ra "xơ mướp" mới cầu đến Phật. Họ xem Phật ngang với hàng thần linh. Phật là bậc minh bạch, hiểu rõ chân tướng vũ trụ nhân sinh, nên lời Phật đều là nói về bản thân con người và hoàn cảnh sống; có xa rời thực tế bao giờ. Phật chỉ con đường thấu tỏ cuộc đời vốn bể dâu, *cực khổ*. Họ phải học và hành theo đúng lời Phật dạy. Thân tâm an lạc, cuộc sống thanh tịnh chính là *cực lạc*. Nếu chặt phăng các kiếp quá khứ và vị lai, chỉ giữ lấy một khúc ngắn là cuộc sống tại cõi trược này, dĩ nhiên quan niệm của họ không sai. Học Phật chính là phá mê; "mê" trước nhất là đập

bức tường ngăn cách với các kiếp trước sau tương tục; còn trong cuộc sống cần chuyển hết vọng tưởng phân biệt chấp trước vạn sự về thuần nhất. Muốn vậy phải soi mình vào đức hạnh và giáo lý của Phật. *Thập thiện* chính là máy "phát hiện cái giả" trong mỗi người. Nếu *Tứ diệu đế, Tứ chánh cần, Thập thiện, Bát chánh đạo, Thập nhị nhân duyên, Lục độ, Phổ Hiền hạnh nguyện*… là những liều thuốc ru ngủ những người tuyệt vọng, thì có lẽ bây giờ chính là thời… Diệt Pháp, Mạt Kiếp - hết thảy nhân loại đều được thay bằng người máy! Cũng được biết rất nhiều học giả, nhà khoa học tầm cỡ trên thế giới sau chặng đời "loanh quanh" đã quay về nghiêm túc học Phật, tôn Phật làm Thầy. Tương lai hòa bình thế giới, thực sự Phật pháp đóng một vai trò trọng yếu nếu biết nương vào, biết trì giữ giới luật của Phật để ai cũng được ân hưởng từ quy luật vũ trụ nhờ ý nghĩ và hành vi tương hợp với tánh chân thiện của vũ trụ.

Bản thân cũng từng sản sinh nhiều câu chữ khiến bây giờ đọc lại mới thấm tội. Trong một truyện ngắn, sau khi khen đạo hạnh của vị sư nọ, tôi liền nhét vào mồm nhân vật ấy những lời: "đâu như cha thầy chùa hay tới nhà con mệ đầu xóm này này… Năm ngoái cha tới tìm mua đất, nói xây cái am tịnh tâm. Tịnh đâu chả thấy…". Bây giờ mới hiểu để kịp sửa lại: "Chứ mô như thằng cha *giả cạo đầu* làm sư hay tới nhà con mệ đầu xóm này…". Tuy chỉ đính chính được vài nơi; nhiều cuốn sách được in, nhiều trang web "mặc định" hoặc google lượm lặt, không thể sửa

chữa ngoài việc sám hối, chuyển tâm về với Phật, dùng chánh kiến hóa giải tà kiến.

Những dòng trên, dân gian nhìn vào họ sẽ nói: "À, thầy tu là như vậy đó, Phật giáo là như vậy như vầy, rồi "quy kết" Mạt Pháp. Thực tế Pháp thì vẹn nguyên. Phật Thích Ca bảo, đến thời Diệt Pháp (sau khoảng 9000 năm nữa) Pháp chỉ còn "Nam mô A Di Đà Phật". Người chuyên sâu Tịnh tông đã thấy, ấy là vạn pháp được nén vào 6 chữ (hoặc 4 chữ A Di Đà Phật). Thoát luân hồi phải là mục tiêu căn cốt nhất trong kiếp người. Không nhắm đến mục tiêu này, "duyên" rơi vào tuyệt lộ dễ như bỡn. Chúng sinh là danh từ dùng chung cho tất cả sinh linh trong *tam đồ*. Bể Khổ cũng chính là Tam giới (Kinh Pháp Hoa ví là ngôi nhà lửa - *Tam giới như hỏa trạch*). Con người không nhìn thấy ngạ quỷ và chúng sinh trong địa ngục, không chịu tin mình cũng có duyên vào đó dạo chơi nên không tin đời Bể Khổ, cũng dễ hiểu (!).

Trong sự gọi "Mạt Pháp", ở tôi góp thêm tội nghiệp. Kinh chép, thuyết giảng cho ngài Trừ Cái Chướng xong, lúc bấy giờ Đức Phật bảo ngài A Nan: "Nếu ai khinh mạn chư Tăng Ni, thì người này sẽ sanh trong gia đình bần cùng hạ tiện. Ở mọi nơi sanh ra, các căn đều chẳng hoàn chỉnh, gù lưng, lùn và xấu xí. Lúc xả báo thân đó, thì khi sanh ở đời sau sẽ chịu nhiều bệnh tật, gầy ốm héo hon, chân tay co quắp, có máu mủ ứa ra và nhiều

khắp trên thân thể...". Chưa nói kiếp sau, mà với quả báo nhỡn tiền, tôi đã chứng kiến cơn bệnh trầm kha của nhiều người coi trời bằng vung, không chút tín tâm về miền huyền diệu, thỏa sức tạo nghiệp, thỏa sức kiêu mạn và đang tâm sát hại, tổn hại người và vật, khiến quãng cuối đời thực sự là địa ngục đối với họ.

Bước đầu tiên vào cửa Phật, đã thấy được sức hút của Phật học về các tầng trời, các cảnh giới, tôi vẫn có một sự so sánh kỳ cục. Một nhân vật không thể cưỡng sức hút ghê gớm của đàn bà, nhân vật ấy ví sức hút đó cao hơn sức hút của Đạo, từ đó bẻ gãy mầm Phật pháp. Sức hút tinh thần chính là sức hút từ cõi thiêng vốn sẵn trong mình. Tinh thần ở đây có thể hiểu là Tâm. Tâm là đích tu mà đạo Phật nhắm tới. Tâm như "hạt minh châu" bị cơn lốc cuốn theo mọi tạp nhơ; vạn duyên buông xuống, tay không sẽ thõng vào hư không pháp giới. Còn sức hút ghê gớm của người đàn bà là sức hút của mê. Mê quá sâu cái hạ tiện! Hòa thượng Tuyên Hóa giảng Kinh Địa Tạng đã nhắc kẻ đương cơ, dâm chính là hổ, chưa hàng phục được dâm chính là chưa hàng phục được hổ. *Vạn ác dâm làm đầu*; mê sâu dục lạc sẽ khiến con người bỏ lại phía sau tâm hiếu kính khiêm hạ vốn là nền tảng là thước đo giá trị kiếp người. Bởi mê quá sâu cái thấp hèn nên trí tuệ bị che mờ. Giới của người chuyên tu luôn xem trọng tránh sa vào cái thấp hèn, vì nó là nghiệp dẫn đầu khiến tâm không định; tâm không định sẽ không sanh trí tuệ, không sanh trí tuệ sẽ không soi chiếu trở lại thứ

ánh sáng khiến người ta bước lên một tầng thanh cao, để hưởng pháp vị vượt lên mọi dục thế gian.

Ở tác phẩm khác chưa công bố, mô tả cảnh người người đổ xô về chùa tìm chốn nương thân lánh nạn, tôi phán họ xuất thế gian chạy đi tìm Cực lạc. Những nhân vật không có chút khiêm hạ, không có lòng tự trọng, trốn tránh việc thế gian trong thời tao loạn chạy lên chùa xài đồ chùa mà phán là tìm Cực lạc! Thực tế trong trăm ngàn người, để thấy người chân thật trì giới tu Tịnh độ nguyện sanh về nước Phật, phải tìm mờ mắt. Bậc đại đức, tài sản của họ chỉ vài bộ y, mỗi ngày ăn đạm bạc không thể đạm bạc hơn, bữa ăn của "hộ nghèo"; họ không nắm tiền, hết thảy vật cúng dường dành làm từ thiện, ấn tống kinh điển hoằng pháp lợi sanh… Kinh ví một hạt gạo cúng dường nặng tựa núi Tu Di, người tu nhận rồi phải vắt chân đêm ngày mau chóng viên thành chánh quả, thực hiện ước nguyện lớn nhất: "Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ". Hòa thượng Tuyên Hóa, trong một buổi giảng Kinh năm 1969 có dặn: "Đừng nói là người tại gia, ngay cả tôi tuy là kẻ xuất gia, song hễ đến trú ở bất cứ Thường Trụ nào, tôi đều có cúng dường. Nếu quý vị quả thật là không có tiền thì không sao, nhưng nếu có tiền thì chớ nên xâm tổn của Thường Trụ; cho dù là người xuất gia cũng không nên xâm tổn của Thường Trụ. Bởi Thường Trụ là ví như đại địa, là

nơi trú ngụ của đại chúng; nếu quý vị phá hoại, phung phí của Thường Trụ, khiến cho đại chúng bị thiếu thốn, không đủ ăn, thì quý vị có tội rất lớn". Thế nên dòng người chạy đến chùa chiền xâm hại ở trên tội thực không nhỏ. Tam bảo là nơi dành cơ hội duy nhất cho con người thoát khỏi sự lầm mê. Chúng ta xâm lại Tam bảo cũng bằng tự che mắt thánh làm điều sai quấy. Kinh *Đại thừa trang nghiêm bảo vương* nêu chi tiết những ai phương hại, chiếm đoạt Thường Trụ lãnh quả báo ở địa ngục nhiều kiếp thật khủng khiếp, sau đó mới thác sanh vào trong một gia đình bần cùng với hình hài dị tật.

Một vấn đề rất cũ, và cũng đã được cắt nghĩa: Phật không phải thần thánh. Dĩ nhiên, người chứng sơ quả tức siêu phàm nhập thánh. Quả vị cao hơn như Sơ trụ Bồ tát họ đã đầy mình thần thông. Song không bao giờ có chuyện họ thị hiện. Do chúng sanh cần tự ngộ; hiển bày thần thông chẳng khác đưa "mồi" dụ dỗ (vốn có ở Ma), đánh mất cơ hội giác ngộ của người tu. Không ngộ dẫu có tu được chút thần thông cũng chẳng thể lên nước Phật. Đây là chân lý của Đạo. Bước biến chuyển sai lầm của tôi bắt đầu: Lúc gặp người kêu oan "vô vọng", tôi không cho rằng có Phật; chập chững theo Phật, lại cho "ông" là bậc siêu nhiên. Bây giờ mới lờ mờ hiểu cái lý Phật "không phải" thánh thần. Tin thần thánh là

tín đồ tôn giáo (trong khi gốc Đạo Phật không phải tôn giáo). Phật chỉ vào mỗi người và bảo: Phật tánh (chứa đầy đủ phước báu và trí huệ) có sẵn trong tâm vọng kia, hãy tin ở chính mình, trọn làm theo lời ta sẽ đến bờ giác ngộ); ai tin và hành theo Giới - Định - Tuệ mới chính là con Phật. Ngài từng căn dặn: "Nếu con coi ta là Phật, con sẽ không bao giờ thấy được Phật. Nếu con lắng nghe giáo Pháp của ta mà coi là Pháp, con sẽ không bao giờ thấu đạt được chân Pháp." Gyalwang Drukpa XII gọi đó là "thông điệp vĩ đại". Kinh Kim cang Bát nhã Ba la mật: "Nếu như vị A la hán nghĩ thế nầy: Ta chứng được quả vị A la hán, thời chính là còn chấp trước tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả". Nên có đạo lý: hễ ai phát ngôn chứng thánh (dẫu là quả Tu đà hoàn), người ấy sẽ tự bị tước bỏ. Lúc ấy họ chẳng phải từ đọt tre rơi xuống mặt đất mà chính là từ trên trời rơi thẳng xuống... hố đen. Nhà Phật có treo khẩu hiệu ngầm: hễ hôm nay để lại thân phận hoặc bị lộ mình là Phật hay Bồ tát tái lai, ngày mai họ sẽ rời nhân gian: (Bố Đại hòa thượng (Phật Di Lặc), Hàn Sơn, Thập Đắc (Bồ tát Văn Thù, Phổ Hiền), Vĩnh Minh thiền sư (Phật A Di Đà),… Chuyện về tổ Ấn Quang thời hiện đại (được xem là Bồ tát Đại Thế Chí tái lai) là một minh chứng.

Ngôn ngữ vốn dừng lại ở mức gọi tên cái đã có tên (siêu ngôn ngữ), với Thiền, ngôn ngữ chỉ

tạm gọi tên điều bất khả ("Nếu pháp rốt ráo thì pháp tánh của tự tánh chẳng phải là tự tánh. Pháp thí dụ không thể thuyết. Nếu dùng danh tự cũng không thể thuyết. Đây là một pháp mà Như Lai giác ngộ" (Kinh Vô Tự Bảo Khiếp; *đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh* - Lão Tử). Chúng ta thường dịch Thiền là suy tư mặc tưởng (Méditation). Nhưng thiền vốn rỗng *Không*, vốn là thực tại nhi nhiên, trong sáng đến… ngây thơ. "Lập thiền" thì nhiếp tâm theo dõi mọi biến thái chạy qua tâm mà không dùng lý trí, không *tâm tùy cảnh chuyển*. Hoặc có thể thiền Tứ niệm xứ; đầu tiên là quán (tạm xem là suy tư mặc tưởng) về *thân bất tịnh*: từ lúc còn trong bụng mẹ, sinh ra bùng nhùng nhau thai nhuốm máu, quán đến những chỗ bẩn nhất trên cơ thể, quán trong mình chứa thứ hôi thối, quán bệnh tật mụt nhọt ghẻ lở, quán lúc chết nằm trong quan tài rữa nát… Đến một lúc hành giả sẽ *định* lại ở một *mảnh người* nào đó. Cao nhất là *Thiền tự tánh* thuộc Đại thừa, nghĩa là *Tánh vốn định*, đi đứng nằm ngồi đều ở trong định. Tôi từng được thân cận với người niệm Phật mà như không niệm, là *tâm niệm*, họ đứng hay ngồi hay nằm đều có thể cận định.

Đời nay vẫn có nhiều bậc trì giới một cách nghiêm ngặt. Lấy giới làm Thầy theo "di chúc" của Phật. Nhưng lắm người nhìn vào lại phản bác

sự "khổ hạnh" đó. Họ không cần biết giới luật là mạng sống của Phật pháp, ở đâu không có giới luật ở đó không tồn tại Phật pháp. Giới luật vốn là nền móng, không có nền móng là xây nhà giữa hư không, vin vào một niềm tin ảo tưởng. Phật đưa ra lối tu trung đạo (hành theo *Bát chánh đạo*). Tuy nhiên cần hiểu sâu hơn. Một hành giả chân chính phải ngày vài ba lần tham thiền, hoặc vài ba lần tụng kinh niệm Phật, lạy Phật, ở chùa thì ai nấy 3, 4 giờ sáng đã thức dậy chuẩn bị công phu. Đối với các bậc thượng căn thì mức độ hành trì còn "khủng khiếp" hơn nhiều. Hòa thượng Quảng Khâm một mình lên núi bế quan, ăn rau củ tự kiếm, nhiều lúc thiếu thốn suýt mất mạng. Ngài Hư Vân "tam bộ nhất bái" xuyên mưa gió bão bùng, đồi núi, một mình băng băng. Tâm không vững thì dẫu là thân sắt đá cũng gục. Nghị lực phi thường đó nhiều lần kéo thiền sư khỏi cõi chết nhập thánh duyên. Luyện tâm là khó nhất trong mọi sự luyện (luyện thân, luyện trí, luyện đan, luyện gang thép…). Không nhẫn nhục khổ ải thì cái vé lên nước Phật rẻ rúng quá sao? Bậc minh sư đưa ra hai phương án: đời này chịu khổ chút chút để có *Vô lượng thọ*, ngược lại truy tìm cái sướng giả ảo một kiếp để nhận lãnh *vô lượng nghiệp* trong ác đạo, tùy chọn.

Nhớ hồi đọc *Thiền luận*, tôi gán yếu tố "cơ hội", "ăn may" trong việc đốn ngộ. Kinh Pháp

hoa: "Nhược nhân tán loạn tâm, nhập ư tháp miếu trung, nhất xưng Nam Mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo". (Nếu người tâm tán loạn, đi vào trong tháp Phật, niệm một lần 'Mô Phật', cũng đủ thành Phật đạo). Sự "thành Phật đạo" này hiểu là "sẽ thành" như Phật nói: "Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành"; còn thành lúc nào thì chưa biết được. Nhiều người nhờ nhân lành trong đời trước, phút lâm chung hội đủ nhân duyên, nên chỉ "mười niệm" vào thời điểm *cận tử* liền được tiếp dẫn lên thế giới thanh tịnh của Phật A Di Đà. Câu chuyện chép trong kinh: một ông già đến quy y với Phật, rồi đắc quả; các đồ đệ ngạc nhiên vì họ nhìn trong nhiều đời quá khứ của ông không thấy có *nhân*. Phật mới nói: các ông chỉ nhìn thấu suốt tám mươi vạn kiếp lại đây còn trước đó các ông không thấy; có kiếp ông ta là một tiều phu, lên rừng bỗng dưng gặp hổ, ông trèo lên cây, ngửa mặt lên trời "Nam mô Phật" cứu độ. Đấy là câu niệm Phật bằng cả máu huyết. Nhân lành ấy gieo, sau hơn tám mươi vạn kiếp mới viên mãn Bồ đề. Để thấy có người niệm vạn câu Phật hiệu vẫn không rút ngắn kiếp nào trên đường dài tiến hóa, có người hành thiện suốt đời vẫn không tích được bao nhiêu phước, có người tu theo kiểu gieo nhân, nên mãi vẫn *phàm*.

Cũng như bản thân lạm bàn về giáo pháp thật vô cùng hổ thẹn. Phật học là đại dương, tôi

chỉ có vốc nước soi khuôn mặt nhớp nháp. Phóng con tàu hạnh nghiệp quá sớm lúc chưa đủ sức đuổi theo, những dòng thô mộc là mong người đọc ghi nhận ở tôi lời sám hối chân thành.

Mộng thoát luân hồi

Cõi mộng Ta bà âu là do thức biến. Người *đang tu* chưa thể hiểu thấu, chỉ biết tin và hành theo lời Phật để mong một lần tỉnh mộng. Cơ duyên biết mình đang mơ, tự hỏi tại sao không *hành* giấc mộng lớn: Siêu thoát luân hồi.

1. Nhìn từ cõi buồn cùng tận

Vượt bể khổ, hẳn không ra ngoài chữ Buông. Từ buông vật tài, đến buông thân, rồi buông vọng tưởng chấp trước, phân biệt phiền não, âu là lộ trình vật vã.

Học kinh điển mà không *hành*, thảy cái ta có chỉ là thông tin, nhà Phật chưa gọi trí huệ. Thông tin gọi sang hơn là tri thức. Từ tri thức tới nhận thức cũng hãy còn xa. Nhận thức, ngoài nhận thức về xã hội về nhân loại nói chung còn phải mở cái nhìn về vũ trụ, về những quy luật thường hằng bất biến vốn liên quan mật thiết đến mỗi con người. Nói vũ trụ quá rộng không liên quan đến nồi cơm của ta, không liên quan đến hơi thở, giấc ngủ, đến những ý nghĩ của ta là mới chạm phía ngoài nhận thức. Từ đó đến *trí huệ* lại là một bước chuyển phi thường. Những điều nhỏ nhặt, chẳng hạn ta vô tư mời bè bạn nhậu nhẹt chơi bời ngót tiền trăm tiền triệu, lại không bố thí nổi mươi ngàn cho người ăn xin; ở tiêu chuẩn của Đạo mà nhìn, là dại khờ hết đỗi. Có hai câu chuyện ngược nhau. Một ông già ăn xin, một lần có người bỏ vào bát tờ bạc, vô tình rơi chiếc vòng kim cương vào đó; ông tìm chủ nhân trả lại. Nếu ông bán chiếc vòng, đến nơi xa xôi sống trong xa hoa, thì nghiệp lực của sự *tham* này sẽ đeo bám ông suốt tháng ngày còn lại, đến tận những kiếp sau. Sau khi câu chuyện được kể rộng trên truyền thông, người ta đã góp tiền cho ông vượt cả giá của chiếc vòng. Hẳn không nên bình luận gì thêm. Chuyện thứ hai là một tỉ phú, ông chỉ giữ khoảng mười phần trăm số lãi để lo gia đình, còn chín mươi phần trăm dùng vào từ thiện. Lẽ ra ông chủ này theo thời

gian sẽ dần tụt lại trong danh sách tỉ phú thế giới, "nghèo" đi. Nhưng không. Gia sản của ông ngày càng lớn. Người càng cho sẽ càng giàu; vế tiếp, càng giàu càng cho, đây là vòng trôn ốc hướng lên mãi. Phước tuồn về nhờ ta mở rộng lượng tâm. Muốn trí tuệ, muốn thành đạt giàu sang, tất cả đều có kim chỉ nam Phật pháp.

Những khoa học gia hàng đầu cũng khuyên người đời nên nối mạng với làn sóng từ vũ trụ. Năng lượng thiện vốn sẵn trong trời đất, ta vừa mở tâm lập tức nó ùa vào; nghĩ ác thì hút năng lượng ác, sự chiêu cảm tự nhiên này thật đáng sợ. Phật dạy hễ ta có gì hãy bố thí rộng khắp với lòng chân thành, bằng niềm thương lợi lạc tha nhân trước hết, đó là nguyên lý của giàu có, trí tuệ và sức khỏe. Một khi tâm người hướng thiện, muốn tạo nên một sản phẩm (để làm giàu) thì nó phải lợi ích thiết thực cho bản thân, cho người thân của mình; ta luôn nghĩ về việc muốn giới thiệu sản phẩm này đến thật nhiều người. Chẳng hạn khoa học cảnh báo tác hại của đường sữa; với lòng trắc ẩn, bạn chế tạo một loại sữa không đường không chất bảo quản từ thực vật sạch trồng theo kỹ thuật nhà nông xưa. Bạn phát khởi lòng từ quyết đưa sản phẩm này ra thị trường lớn. Đây cũng là cách thực hành bố thí đem lại lợi lạc cho mình. Muốn giàu có hãy bố thí ngoại tài và nội tài; muốn trí tuệ phát khởi hãy bố thí sự hiểu biết và bí quyết

làm nên tài giỏi của mình; muốn hướng đến vô bệnh hãy tuyệt việc sát hại kể cả muỗi kiến, thực hành ăn chay, phóng sanh. Nguyên lý này vĩnh viễn đúng, vĩnh viễn là đỉnh cao tót vời chiêu gọi những người bước về cõi thuần tịnh.

Con người được sinh ra từ chỗ hạ tiện nhất, nhưng con người cũng vốn thanh cao bởi con người liên thông với vũ trụ bằng *sóng tâm*. Mỗi ý niệm, mỗi cử chỉ hành vi cá nhân đều ảnh hưởng trực tiếp đến vũ trụ, trước hết là với trái đất. Kinh Địa Tạng: "Chúng sanh khởi tâm động niệm không gì không tội nghiệp"; sẽ phải được nhìn nhận một cách tỉnh táo nhất trên tiến trình cải đổi vận mạng. Hành giả hiểu câu này như bao học giả thì sự chê bai xem thường phải lường đến mức độ nghiêm trọng. Chúng ta tự hỏi, tại sao những bản kinh "đơn giản dễ hiểu" thường bị quy ngụy tạo lại *qua mặt* được bao tổ sư đại đức trải mấy ngàn năm? Kinh ấy vẫn được các bậc chứng ngộ đặc biệt quý trọng, thậm chí xem là nền tảng của Phật pháp? Rồi ngẫm thêm tại sao Phật cúi lạy đống xương khô (?) mà theo Ngài là cha mẹ mình từ nhiều kiếp. Tại sao chỉ cha mẹ là Phật đặt cao hơn bậc chứng ngộ như mình? Không cứ ai dẫu sự học uyên thâm, thử đọc Kinh A Di Đà, Kinh Vô Lượng Thọ, kinh Hoa Nghiêm sẽ thấy sao giống cổ tích. Nhưng so với câu kinh kể trên còn đỡ "phi lý" hơn. Rồi nữa, trong nhà Phật có câu

"Niệm Phật một câu phước sanh vô lượng"; lại có câu: Trong những quả báo của việc niệm Phật có quả báo xuống địa ngục. Song cả hai đều tuyệt đối đúng. Sai hay đúng do ở cách thấy, ở góc nhìn ở hệ quy chiếu và tầm nhận thức của mỗi hành giả. Mà trước hết thể hiện ở mức thấu và tin nhân quả.

Ta toàn phóng tâm ra ngoài nhìn lỗi thế gian, thấy ai cũng lỗi, còn mình thì không! Ta thành tựu sự nghiệp được người đời tán dương, làm ra tiền, lâu lâu tự dưng lại có bổng lộc tưởng như từ trời rơi xuống; tự hào, nghĩ mình đáng được tán thán, đáng kiêu. Rồi có lần gặp nạn, lâm bệnh. Ta oán trời trách người. Thuận cảnh thì duy khẳng định bởi tôi thông minh. Nghịch cảnh lại phủ nhận lỗi ở mình. Trong nghịch duyên lại không nhìn thấy bản chất vốn là thuận giúp ta nhìn lại, nâng cao *nhẫn lực*. Trong thuận duyên, ta không dụng trí tỉnh táo nhìn nhận sẽ rước họa sự thường. Thuận cảnh nghịch cảnh vốn không hai. Ngả về đằng nào tùy ở cách dụng tâm. Nhưng thường với chân nhân, đa phần nghịch mới là cơ hội rèn dũa tâm; còn thuận duyên chỉ tham khảo ngó qua vui chút chút. Một câu nói đôi khi như cái dùi dộng vào tim, khiến ta đau đến ngất. Ta phải "rùng mình" tỉnh trí, đặt câu nói đó lên cái bệ thật sang như đặt một cái bình cổ, ta đi quanh ngắm nghía, rồi thốt lên "Tuyệt!"

Suy cho cùng, nghịch hay thuận cảnh đều do tâm chiêu cảm, xuất phát từ nguyên nhân sâu xa giới luật. Bởi ta không nằm trong khuôn khổ của đại giới thập thiện. Phật chế Ngũ giới không phải cho người tu, mà dành cho mọi người. Điều mỗi ai cũng muốn là vô bệnh, trường thọ; nhưng họ lại sát sanh (kể cả giết hại gián tiếp và kể cả *ý nghĩ* sát hại) - Trong vũ trụ không có chân lý này. Muốn hạnh phúc, muốn vợ tuyệt đối không ai sờ đến lông tơ, nhưng ta bồ bịch, tưởng đến bóng hồng - Trong vũ trụ cũng không có đạo lý này. Nó ngược chân tánh thiện lương, nó nhiễm ô từ trường sạch trong trời đất. Ta giấu giếm lỗi mình. Ta bực dọc với ai ngó lỗi mình, nhưng ta hứng khởi xả năng lượng bêu xấu, hạ thấp kẻ khác. Là hành tà. Bởi ta thoát ra ngoài thập thiện, lọt vào *mười ác*, vi phạm luật thường hằng, tổn phước hao tài, trí mờ thân bệnh. Thử một lần vào khoa Hồi sức Cấp cứu, với những con bệnh cứt đái vương vãi, hôn mê sâu, sâu đến vĩnh viễn. Nhiều người vẫn còn biết suy nghĩ nhưng không nói không ra hiệu, cứ thế họ không được nằm đó thở mãi mà bị đưa về rút ô xi kết thúc sự sống để chấm dứt tình trạng họ quá phiền hà người thân. Sẽ thấy cuộc đời quá chừng nghiệt ngã! Chết rồi do nghiệp thức tạo tác trong đời, linh hồn hút vào thai các loài thấp thua vạn lần cõi người, phải vào địa ngục thì so với những tra tấn thời Trung Cổ

chẳng nhằm nhò. Rồi ta so sánh với những người chân tu, về già trí sáng, tâm bình an giữa muôn nghịch trần. Họ thậm chí biết trước ngày giờ về nước Phật. Tự tại mà đi. Đứng mà vãng sanh. Vẫy tay trần thế mỉm cười mà về với cõi Phật A Di Đà. Để lại thân toàn xá lợi vàng ròng. Ngồi mà dùng lửa tam muội thiêu xác phàm rồi thanh thoát phiêu cùng chúng thánh ở nước Cực Lạc vi diệu đến không tài nào tả xiết.

Bởi ta không quán thân vô thường, ta chấp cứng vô thường, bám víu lấy vô thường biến hoại trong lúc có ai sống mãi. Ta dầm mình trong cõi buồn cùng tận. Là người chủ trương thuật trường sinh, song giáo sư Ohsawa thực tâm chú trọng chất lượng sống chứ không thiên về số lượng. Linh giác ông thấm thía cõi tạm. Cuộc đời dẫu sao cũng chỉ là cuộc chơi ngắn giữa vô thường, nhỏ nhoi và hư ảnh. Những chúng sanh tin lời Phật, theo đó dũng mãnh tinh tấn trên hành trình vượt thoát lục đạo thật hiếm sao!

2. Gian nan bào mòn tự ngã

Tự ngã, cần bứng từ gốc rễ kiêu mạn. Đến như một người tầm thường nhất thế gian, tàn ác đến đâu, trong đời họ vẫn có một cái gì đó vượt ta. Chắc chắn. Ở đây không thiên lệch chuyện hơn thua, cái chính nếu thực sự thấy ai cũng

dường như là Phật và Bồ tát tái sanh đóng đủ loại vai hóa độ, hay *ai cũng đều là con của Phật*, trí tuệ và phước báu của ta ắt tăng trưởng. Thấy mình hơn người, hơn ở một lĩnh vực nào là chưa thực sự thấu lý kinh. Một nhà thơ giỏi và một nhà thơ tầm tầm, cả hai đều vắt óc làm thơ, theo Luật hấp dẫn, họ đều chiêu cảm năng lượng vũ trụ, nhưng người chắt ra câu thơ hay, người kia thì tàm tạm, điều này phụ thuộc vào duyên tác động đến phước báu, và chủ yếu phụ thuộc tâm thanh tịnh khiến sự tướng hiện trong tánh minh giác vốn sẵn đủ. Phước lớn chiêu vời được cái hay cái đẹp cái sâu sắc triết lý, phước nhỏ chỉ đổi được thứ bình phàm. Có nhiều tác phẩm nổi tiếng, tác giả bảo chữ cứ tuôn trào đến viết không kịp. Nó từ đâu ra? Những con người lọt lòng chưa có cơ hội vẫy vùng tạo nghiệp, sao đã dị tật méo mó? Nguyên nhân từ đâu? Những thân súc vật với cái đầu người; những người khoác mảng da của vật; vật đẻ ra người v.v, nó từ đâu ra? Những đứa trẻ thông tường Phật pháp, những người nhớ lại tiền kiếp; những vị Lạt ma hơn chục lần tái sanh với đầy đủ vật chứng. Những thiên tài lúc còn trẻ nhỏ, tác phẩm ấy từ đâu ra? Người kia chẳng hay tưởng mình giỏi, sanh tự mãn. Có ngã chắc đã có sự xem thường đối phương. Không chỉ trong cùng ngành nghề, ta nên quán rộng. Mình viết cuốn sách cũng khác gì người chế tạo một nông cụ.

Thấy mình hơn người ngủ đầu đường xó chợ, hãy thử qua đêm dưới gầm cầu xem sao. Ta hơn kẻ ăn mày, sao không một lần thử ăn mặc rách rưới hành nghiệp cái bang. Khó thay. Bởi ngã. Ta là kẻ trí thức đường hoàng. Ta được đào tạo bài bản. Ta có học hàm học vị. Ta là nghệ sĩ là ông chủ là tổng quản. Ta là tầng lớp bậc cao trong xã hội. Ta nổi danh thiên hạ. Ngồi đầu này nghe bàn cạnh bên nhắc tên mình liền lắng xem họ nói xấu gì không. Cái tên nhạy cảm số một. Cái tên này phải được đặt ở nơi trang trọng. Cái tên này hễ nhắc đến nhiều người đều nể. Ta *là*... Một khi xã hội cấp cho danh vị, chính là ngã rồi. Dẫu ngắt được chữ *là* thì vẫn còn chữ *ta* lù lù đó. Ta ta ta. Cái Ta luôn chìa ra trước lúc đưa tay bắt người, trước lúc ta cúi mình trước một nghĩa cử cao đẹp, thậm chí trước lúc ta lễ Phật. Mà lễ Phật dẫu phước báu vô lượng, ở mức độ chuyên môn tu tập xem ra còn dễ hơn lễ một chúng sanh bình phàm, bởi bao giờ ta cũng nghĩ mình hơn họ nên không thể cúi xuống và buông xuống ngã chấp.

Sự hơn thua là do *thức* phân biệt-chấp trước hoạt dụng, hoàn toàn không có phần của *trí*. Thức luôn luôn phân biệt, chấp trước, Trí thì *bình đẳng*. Trang Tử trong Đạo gia từng nghiệm: trời người, vạn vật và ta vốn cùng một thể. Phật thấy *tánh* ("của mình") bình đẳng với mọi chúng sanh. Chấp ngã, ta luôn thấy hơn người. Nhớ một lần

con chó hàng xóm nằm xoãi trước hiên, đi ngang nó liếc mắt ơ hờ, đi lại nó chỉ chuyển cái tròng; những người khác qua nó vẫn vậy; liền "ô" lên tự biện đến khi nào tâm tôi được như con chó kia. Nó như đang thiền. Tôi có hơn nó lúc này chăng. Rồi tôi liệu có hơn loài quỷ, mới nghĩ gì chúng đã biết. Tôi tham dục trong bóng tối cũng đâu qua mắt quỷ. Hổ thẹn nhường nào đến ma quỷ cũng khinh mình lại đòi Phật rước. Lại nghe có hành giả tu đến nhập định cả ngày, không khéo chỉ mới đủ để ma trêu chọc chứ chưa đủ mức để ma quấy phá, cản trở đường tới Phật, tức "ra đề" khó hơn hầu ta thăng nhẫn lực. Sao Ma cao vậy? Bởi ma biết, sức định của hành giả kia có nhưng sâu xa vẫn mê cõi tạm, vẫn trong *chấp ngã, chấp pháp* quá sâu; khởi tâm được về với Phật ngay lúc đó hành giả bỗng vội vàng xuất định; hay đó là công phu tăng trưởng theo cái Ngã; Ngã ấy khiến Hộ pháp khước từ, để ma đi guốc trong bụng nên ma túm chuôi dao. Cao hơn ma đã khó; hoặc giả ta có cơ duyên tu thành Phật, thì bao người khác cũng thế. Lúc ta và họ đều thành Phật, chẳng lẽ ta còn tu được cao hơn quả vị Phật để hơn thua?

Tôi có duyên lành thân cận với một vị hiện đang *ẩn tu*. Bởi thấy mình tu quá tệ, tuổi tác so với họ lại không lệch nhiều nên cái sự xưng hô rất ái ngại; gọi ngang tên chỉ là xin cái *tướng*, còn với *tánh* sợ mắc tội bất kính. Có lần gửi email hỏi

pháp, nửa đùa nửa thật tôi có đặt hai chữ Sư phụ ở đầu, liền bị quở: "Trong tam giới ai có thể làm sư phụ? Là bậc từ A la hán trở lên các đại Bồ tát, Như Lai quả địa. Còn mình ngay quả Tu đà hoàn chưa với nổi, thậm chí bậc thiện nhơn thế gian cũng không bằng thì sao làm sư phụ đây. Được người gọi sư phụ mà chẳng xứng thì tổn phước biết bao. Trong các bản kinh Đại thừa, thường nghe Phật gọi các vị đại Bồ tát Đẳng giác như Văn Thù, Phổ Hiền là "này Phật tử", các đại Bồ tát còn là đệ tử, nếu ta làm sư phụ thì các Ngài ấy gặp ta phải chân mỏi gối chùn ư? Lại luận theo thật tướng bình đẳng, chư Phật thấy trong chúng sanh đều có ông Phật khổng lồ; riêng sư thừa của tổ truyền là mô hình giáo dục. Ngay Krishnamurti đương thời cũng được gọi là vị sư phụ luôn xua đuổi đệ tử như đuổi tà, ông không công nhận khái niệm sư - đệ như truyền thống sư thừa Á đông; ngài nói các vị nhận làm đệ tử thường hay hủy hoại ông thầy!! Còn nói như Đạt Lai Lạt Ma 'phải làm đệ tử tất cả chúng sanh' là tinh thần Bồ tát đạo, cũng là tu hạnh lễ kính của Phổ Hiền. Những ai làm đệ tử của tất cả chúng sanh mãn 3 đại a tăng kỳ kiếp, công phu dồi dào thâm hậu rồi thì mới có thể... có thể làm gì đây? Vừa cảm thấy mình không tệ, mới cảm thấy tư cách sư phụ trỗi dậy thì Địa Tạng Bồ tát liền trao cho cái kính "chiếu yêu", người đó nhìn vào gương thì thấy gì?

Thấy hiện ra gương mặt hồng hào quắc thước, tiên phong đạo cốt, sắp sửa mỉm cười tự hào thì bỗng ngước nhìn lên, bóng của ma vương Ba Tuần đang phủ chụp! Cho nên các vị tu Bồ tát đạo mãi mãi là đệ tử, cho đến quả vị Bồ Tát vẫn còn vô lượng vô biên sư phụ có thể dạy bảo mình là chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai. Ai thực học kinh Hoa Nghiêm vĩnh viễn chẳng dám làm thầy người".

Tôi thầm xin phép trích ra nguyên văn như trên cũng là để thấy mình đáng thương xót xiết bao! Mộng siêu xuất tam giới còn đưa cán cân thế gian đo lường tự ngã. Chợt nghĩ cái thằng Bờm nếu biết Phật pháp chắn chẳng ngại một phen đại ngộ. Đã thành phú ông rồi, thấu lý nhân quả sao còn không quay lại học cho thành thằng Bờm. Sao tôi không ngu ngu như Bờm được nhỉ. Thấm thấu kinh điển phải là người mà tự ngã bị đánh sập. Bước ra đường nhìn ai cũng thấy là ân nhân. Phật dạy mọi người từ vô thỉ đều từng làm cha mẹ ta. Có lại thân người ta phải nặng mang ơn. Trách IS ác, sao tôi không lập trình lại ý niệm khởi lòng thương đến những kẻ đã gây tội nghiệp quá nặng để trong kiếp này hoặc kiếp khác họ sẽ nhận quả báo thảm sầu. Khoa học đã thấy giữa người với người đều "nối mạng" tư tưởng với nhau, không ai đứng độc lập giữa vũ trụ bao giờ. Lên án IS, sao không biết mỗi ngày tôi cũng đang phát ý

niệm "thập ác" góp phần gia tăng động đất sóng thần bão tố hại vô số tha nhân. Ta chống IS là chống ngay bản tánh lương thiện trong mình. Ai đó nói, bảo *đừng chống chiến tranh hãy ủng hộ hòa bình*, vậy chúng nó ác thế không tiêu diệt sao. Ừ, với người đã thuần tâm cầu giải thoát, hãy *đừng chống lại sự chống IS*, là đã góp ý niệm thiện vào từ trường vũ trụ. Ta đến đời này để trả ơn nghĩa; trả ân nhưng ta nhận lại phước báu, tăng trí huệ qua việc nhìn thấu muôn mặt nhân sinh cùng với mình 'đồng thể đại bi'. Một nụ cười, một ánh mắt tin cẩn, một miếng ăn chia sớt, cùng ấm áp chỗ nằm trong hành lang bệnh viện giữa người nhà các bệnh nhân, nhường một chỗ ngồi trên xe bus chật chội; nấu thêm chút cơm cho những con chó bị chủ bỏ đói… đều là trả ân.

Sống trong nỗi cảm ân là đang hướng về tha nhân, đang nhẹ dần tiếng tăm lợi dưỡng, là bào mòn dần Tự Ngã. Ngũ dục lục trần buông bao nhiêu ta sẽ nhìn thấu bấy nhiêu. Thấu thêm một phần, ánh sáng trong tự tánh thêm rọi chiếu chan hòa. Buông rồi sờ tới pháp môn nào cũng dễ chứng dễ ngộ như nhau. Buông không nổi thì tụng kinh bái sám, tham thiền niệm Phật cho đến trì chú suốt ngày đêm tâm ấy vẫn trơ như núi. Bởi ta vẫn tham vọng tưởng. Bởi ta phân biệt chấp trước, tham sân. Tâm hiện cục đá, ta không thấy bản tánh nó như như, lại để mắt soi mói, khởi ý

cục đá này cần đẽo thế này tạc thế kia cho đặng. Rồi cứ thế bỏ chân theo vọng lấy cớ mê đắm cõi trần kết thêm nhiều duyên mới biến hiện trong cảnh giới của ma vương, trong lâu đài của vũ điện luân hồi ai oán.

3. Hòa giải vọng tưởng đảo điên

Lời một vị Chân Tu tại gia: Nếu thâu Phật pháp vào một chữ thì đó là Tâm. (Tâm vốn hàm dung vũ trụ, Tâm sanh vạn Pháp). Nếu thâu Phật pháp vào hai chữ, đó là Buông Xả. Những vị sư chứng quả thánh, có thiên nhãn, đã nhìn thấy một số đứa trẻ nằm trong nôi khóc ngặt, tay không ngừng khua khoắng, chính vì ma quỷ hiện trước mắt. Tại sao có đứa trẻ thấy được còn người lớn thì không? Bởi tâm nó còn trong veo; lớn thêm chút bắt đầu nhiễm các tập khí thế gian, tấm gương sáng nhuốm bụi; người thực dụng vật chất, mê mờ tin "không có quả báo thiện ác đời này, đời sau; không có A la hán", "không ưa bố thí, không giữ giới luật" gương ấy càng dày bụi đến không thể soi rõ vật gì, Phật gọi là hạng người "trước khổ, sau khổ". Vô Minh, một từ không có gì xấu, đơn giản là chưa đủ cơ duyên tin nhận chân lý siêu hình. Không tin nổi chính bản thân vật chất của họ cũng là hư giả.

Thân người vốn huyễn tướng, còn "cái tâm suy nghĩ" là vọng; chỉ bổn tánh mới thật. Không níu vào cái chân lại theo cái giả, lúc thân hoại sẽ trắng tay. Ở trong ngôi nhà, lại tưởng ngôi nhà là ta, ngày ngày tô điểm trang trí rực rỡ trước thiên hạ, còn ta ở trong đó thì héo tàn. Đến ngày ngôi nhà hư hoại theo quy luật vô thường, ta đau đớn khổ sở, chụp bắt hư không. Thử tưởng đến một thời điểm ta nhận nhiệm vụ canh gác tối quan trọng, lại buồn ngủ, ta cố trương mắt đứng dậy đi lại nhảy nhót, nhưng vừa trở lại thế đứng gác lại ríu mắt. Chống mi lên tự răn ngủ quên sẽ mất mạng. Tiếp tục gắng, vẫn rụi xuống. Rồi ta buông xuôi, thiu thiu. Giật tỉnh. Than ôi, thấy mình đã khoác một thân mới của loài khác trong tam đồ. Đây là thí dụ nhẹ nhàng. Câu hỏi: Con người từ đâu đến và chết về đâu? Một bậc sư tôn kính trả lời: Con người từ lục đạo (trời, người, A tu la (tam thiện đạo) bàng sanh, ngạ quỷ, địa ngục) theo nghiệp mà tới, chết phần nhiều về lục đạo; thực chất mà nói, chết trở về ác đạo, rồi một số sinh linh chịu hết nghiệp báo từ tam đồ có cơ may đầu thai làm người. Bởi ta bị rối giữa vọng tâm, không nhận ra chân tâm thanh cao minh tuệ đầy đủ phước báu và trí tuệ. Chân tâm thuần như gương, thô hơn thì tạm hiểu như tờ giấy trắng. Ta sống mỗi ngày là chấm mực vẽ vời lung tung lên đó. Ai xả nhẹ thân kiến, vẫn vẫy vùng trong vô

vàn những chấm đen và vạch xóa đủ thứ trần ai. Một khi trí sáng, hành giả từ vọng vẫn có thể nhìn thấy phần giấy trắng tinh phía dưới, dần dần tách bóc (không xóa) những thứ trên tờ giấy đó. Tức không diệt mà lìa vọng. Chuyển vọng quy chân, cảm hóa vọng khiến nó trở về như như.

Bậc đại đức muôn lần căn dặn: 'Không thiểu dục tri túc thì ma nạn trùng trùng'. Nguyện tu về nước Phật, công phu đắc lực hơn thì chuyển qua đoạn dục khử ưu, nhận nghĩa như của muôn pháp. Không bào mòn tâm mê dục thì luôn trong nhà lửa, lánh chốn nào tâm cũng xao động như khỉ chuyền cành. Ly ái dục, người kia dẫu thờ Phật nơi đâu thì đó là Đại hùng bảo điện. Cuộc đời vốn dĩ giấc mơ buồn thảm. Chúng ta, nhiều lúc ẩn mình dưới thú. Chúng ta nhiều lúc đeo mặt nạ người bao biện cho thú tính bản năng. Tham, sân hận, kể cả vỗ ngực làm bộ anh hùng cũng dễ lấp ló mặt thú dưới cái gọi hình nhân. Giới *tà dâm* còn kể đến việc không được tự thỏa mãn, rõ việc đoạn ái phải từ gốc *mê*, tức rút năng lượng của cái vọng niệm ấy. Một khi ý dâm vừa xoẹt liền ngay cảnh tỉnh, tưởng đến sự phanh đó khiến ta cũng đang đứng trước vực thẳm, chới với suýt lao xuống toi mạng. Giả như lỡ tưởng thảm cảnh quan hệ, lại quán thân nữ là cái xác bệu bạo tanh tưởi da dẻ xám ngoét, quán sự hôi thối từ miệng từ chỗ dơ dáy như hầm phân; không ngớt nghĩ

dục là than là lửa, lửa thiêu rụi công đức nhọc nhằn có được, dừng lại vẫn còn kịp; riết ráo thâu vọng niệm khiến trở về lần theo từng chữ từng câu Phật hiệu; hằng ngày cầu mong chư Phật và Bồ tát gia trì ly dục; xem món dục như ăn khoai sắn qua bữa; hành thì phải là ban đêm trong bóng tối với tâm hổ thẹn tận cùng, hổ thẹn đến muôn loài súc sanh ngạ quỷ. Rồi luôn phát nguyện không bao giờ tưởng đến một cảnh dục trong quá khứ. Bởi, chúng chỉ là ảo ảnh, là những chiếc bóng như sương khói. Hễ cảnh vừa dựng liền xóa, liền niệm "A Di Đà Phật". Những cảnh quá khứ không tưởng lại, cảnh mới trong tương lai không tưởng đến, tâm hiện tại sao chẳng an? Đang tĩnh tọa bỗng khởi niệm, liền *biết*, như một bông hoa dần bung nở rồi héo tàn rũ xuống. Tưởng đến dục, tưởng những thứ liên quan đến *ngã*, là niệm tà vạy số một trong các tà vạy. Nhất khoát phía trước là hố thẳm. Là trầm luân bể khổ không bến quay về.

Gốc rễ của ưu phiền là vọng/tưởng chấp trước, phân biệt với vạn pháp từ khuôn nghiệp đáng thương. Ta có nên chống lại. Hành giả Tịnh độ, giai đoạn đầu đương nhiên phải gắn bằng được câu Phật hiệu vào tâm. Ta có thể "chống" vọng tưởng, "tuyên chiến" với vọng tưởng; như ngăn nước đổ bằng được một khối bê tông xuống đáy sông. Lúc Phật hiệu tự khởi, ở đó rồi, thì bốn

bề đều là hàng xóm đều ân nhân, ta phải hài hòa hết thảy. Chưa nói việc mất lòng ra mặt, hễ trong lời nói bỗng cảm nghiệm thấy vướng mắc, nên tưởng ngay đến họ trước mặt, tưởng ngay đến mình đang cúi lễ thành tâm mong họ thứ lỗi. Vọng tưởng cũng đồng nghĩa với oan gia luôn vây quanh chúng ta giờ giờ khắc khắc, chống lại họ là tự rào đường về cõi Tịnh. Lý bát nhã (hàng hạ liệt như tôi chưa dám sờ tới), thì thiện và ác, vọng và chân là hai mặt của bàn tay; trừ ác, diệt vọng, là chặt đứt bàn tay. Lấy ví dụ vọng tưởng là muỗi, ta ngồi chúng tới. Đuổi, nó bay một vòng lại vu vu. Phải làm gì. Giết? Tự xem mình Phật tử chân chính, bạn đừng nói vậy bởi sẽ chẳng ai tin đâu. Ngay đến ý nghĩ bực cũng chớ khởi. Ta có thể cúng dường nó một phần tư giọt máu, chẳng sao; lắng tâm sẽ cảm nhận được những chân muỗi đậu lên da mình, rồi cái vòi chích vào hơi nhói, sau đó ngưa ngứa đến lúc muỗi no tròn thì nó tự bay. Tạm biệt. Vọng chính là vậy. Nghĩ mình nợ nó nên giờ vui vẻ trả thôi. Oan gia nên giải không nên kết. Nỗ lực sám hối, nỗ lực thấy mình tội lỗi tràn hư không vẫn may sao có được thân người, may sao gặp chánh pháp, ta phải tận lòng lễ Phật niệm Phật hồi hướng mong có ngày hòa giải với mọi vọng niệm thế gian để chân tâm dần hiển lộ mở lối về Cực Lạc. Ở đó mới là nhà mới là quê hương.

Ta muốn trở về bản quán lẽ dĩ nhiên không vọng niệm nào cản nổi. Vọng khởi lên mở bài câu chuyện, chưa kịp thân bài và kết luận ta liền biết. Vừa biết liền mỉm cười (trong tâm) và tự nói, "này, ta biết mi rồi nghe", kiểu như bọn trẻ chơi trốn tìm ngày xưa; ta biết mi ở bụi nọ bụi kia. Chà, mới ngồi đây đã phóng (tâm) đến chợ rồi à. Rỗi nhỉ, tham gia cả vào chuyện thế sự nữa. Rồi là: nghĩ à tưởng à. Ai bắt? Ai bắt mi phải tưởng chứ? Nghĩ để làm gì? Tưởng để làm gì? Ta phải tưới mát tâm bằng chút hài hước. Lâu lâu nó hơi quậy, cũng cần nghiêm nghị tí xíu: Này, đủ rồi nghe, đừng để mất lòng nhau đó nghe. Cứ thế, một khi vọng niệm được gạn đục, câu Phật hiệu vốn vẫn niệm nay trỗi lên. Bây giờ hãy nghĩ, thân ta như ngôi nhà, trong nhà có cái máy niệm Phật suốt ngày đêm; do quanh xóm có trẻ con nô đùa, có nhà này hát ka-ra nhà kia nhậu nhẹt, nhưng hễ mọi âm thanh ngưng thì tiếng niệm Phật từ máy trong nhà vỗng lên trong vắt; chứ thực ra máy niệm Phật (trong tâm) chưa bao giờ dừng. Như vậy giai đoạn thứ nhất là khiến tâm luôn niệm Phật, tập thành thói quen thành phản xạ vô điều kiện. Hoặc nếu bạn chuyên *mặc niệm*, cứ niệm một chuỗi ấn định bao câu Phật hiệu, rồi ngưng lại quan sát xem có vọng nào khởi lên. Như ai đó trong rừng thẳm, bước một đoạn liền đứng xem có người có vật thoáng qua không. Không có, lại

niệm một chuỗi nữa. Cốt yếu là niệm từng chữ, *tánh* của tai nghe rõ từng chữ; như là bạn chỉ niệm cho duy nhất cái tai nghe vậy. Thời điểm quan trọng là trước lúc ngủ, tập niệm Phật đến ngủ quên, giấc ngủ chỉ mang duy nhất Phật hiệu. Ngay đến chợt tỉnh thì tâm tự khởi đầu tiên phải là A Di Đà Phật.

Chưa dám mơ đến loại công phu sự nhất tâm, lý nhất tâm; công phu *thành phiến* là ta tin chắc mình có vé lên Cực Lạc thế giới. Phải sập mọi giác quan không dễ dàng để duyên trần lôi đi, nói không với ti vi không xem đến một phút, không rờ tới internet nếu không phải để nghe kinh đọc pháp, tránh tham gia lễ hội tránh la cà và tránh xa các trang mạng dẫu chỉ vờn qua khoảnh khắc nhục dục. Giờ giờ khắc khắc nên luôn trong tư thế quán sát tâm. Đi đứng nằm ngồi cho đến làm việc gì tâm cũng không ngơi nghỉ việc hòa giải vọng niệm, nhẹ nhàng gạn vọng niệm. Hở việc áo cơm liền quay lại với Phật hiệu, rỗi thêm thì nghe giảng kinh giải chú sớ, đọc luận và học theo cách sống của chư tổ đại đức. Chúng ta có thể nghe Pháp thâu đêm suốt sáng và đừng bao giờ nghĩ để sự ngủ. Một khi tâm hút vào sự nghe vi diệu ấy, sức khỏe không dễ tiêu hao. Sự thật vẫn có trường hợp niệm Phật còn tạp, nhưng do xả vạn duyên ta bà tha thiết về Quê Hương trong nỗi nhớ quay quắt, cũng dễ toại nguyện. Nên xét

đến cùng, mọi pháp môn đưa đến mọi thứ bậc công phu chưa hẳn là vấn đề, vấn đề ở sự buông xả. Buông thân huyễn tâm vọng, buông sự đối lập phân biệt chấp trước với tất cả cảnh duyên không còn vướng víu gì nữa rồi, câu Phật hiệu mới chính thức vang đến cõi Tịnh nơi Tâm của mình. Ai hành trì dăm mười năm tâm vẫn bị cuốn theo lục trần như trâu bị xỏ mũi, cầu về Cực Lạc không khéo đang chơi trò oẳn tù tì trước mặt chư Phật.

4. Pháp liễu nghĩa và bước nhảy vô hồn

Niệm Phật là pháp Đại thừa, cũng cao thâm như *bát nhã*; nó có tính phá chấp nên ngoại trừ những người thượng căn xả bỏ thân kiến và ngã kiến thiết nguyện cầu vãng sanh, trong một thời gian ngắn dễ gặp được bè giác ngộ, nhận lời hứa tiếp dẫn về cõi Tịnh từ Phật A Di Đà; những căn cơ còn lại, thiết nghĩ cần tu vững căn bản, lấy Tiểu thừa làm nền.

Lẽ ra Phật giáo không có sự phân chia Tiểu thừa và Đại thừa, nhưng điều này đã trở thành lịch sử, cũng không nên bận tâm. *Ai tu Đại thừa mà không tu Tiểu thừa không phải đệ tử ta.* Lời kinh này tối quan trọng. Theo bậc minh sư, có thể xem Tiểu thừa là móng, Đại thừa là nhà. Cụ thể móng ở đây là giới luật. Nhà không móng là nhà giữa hư không. Ở cõi ta bà mà nói, ngôi nhà ấy rất

dễ là ảo ảnh! Dĩ nhiên người tu Đại thừa có thể vừa tu vừa bồi đắp căn nền Tiểu thừa, cách này thật sự khôn ngoan. Nếu không học kỹ Tứ niệm xứ, quán thân vô thường, tâm vô ngã để lung lay gốc rễ của Ái và Thủ vốn bám chặt cõi trược nghìn vạn rễ độc, sẽ không phá nổi Sắc, Thọ, Tưởng, sự niệm Phật chờ Phật rước lúc lâm chung, thực tế cũng khá phiêu.

Không thấy sự vô thường của thân xác đâu dễ bước về ánh sáng vô lượng. Hình dung về cái máy niệm Phật được giấu trong đống rơm, mọi người ngang qua đều trầm trồ "đống rơm đang niệm Phật kìa"; thế rồi đống rơm tưởng mình là máy niệm Phật. Nó xuôi theo lời khen tiếng chê, rồi mê thất bổn tánh đến không còn biết cái máy vẫn vốn dĩ không ngừng niệm A Di Đà Phật; bởi vọng tưởng duyên theo trần cảnh đành chờ một nhân duyên đặc biệt, xoay cái nhìn xoay cái nghe vào trong, cứ thế yên lặng và yên lặng cho đến từng mảng an lạc bừng vỡ. Con đường tu đạt đến sự trong lặng đòi hỏi hành giả phải buông ráo riết. Một con đường dài vô tận song không quá xa vời. Khoa học cũng khuyên, mỗi người đều có năng lực lũy thừa khả năng. Từ 7 + 7 = 14, ta có thể thực hiện phép 7 x 7 = 49 sự thành tựu. Tại sao người tu không tự lũy thừa khả năng chứng ngộ của mình.

Xưa nay chúng ta hiếm thấy người đốn ngộ trong một đời, nhưng người cầu vãng sanh về Cực Lạc thành Phật khó tính đếm hết - là một cách hiểu khác của đắc đạo. Vấn đề ta có muốn buông? Ta nắm cái điện thoại giá trị, chấp vào nó, ngày ngày sợ cả trầy xước; cái ngoài thân buông chưa nổi thì thân này sao đành. Ta không muốn, Phật cũng tạm thời bó tay. Do thói quen, do ấn tượng sâu sắc về những gì mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý lưu giữ cẩn mật trong vọng thức; ta đưa nó ra ngắm nghía từng ngày, đưa so sánh với những thứ mới tiếp xúc rồi phân tích đánh giá, luận bàn, phán xử; hơn 90% năng lượng tiêu hao vào đó. Cho đến lúc thân rã rời ngả lưng thư giãn, tâm vẫn tiếp tục tưởng đến thị phi nhơn ngã, vẫn không chịu nương vào câu "A Di Đà Phật", để tiếp tục tiêu hao 90% của 10% còn lại. Ta như "thầy đồ liếm mật" ngoạm bên này ngoạm bên kia, đem bóng tối chiếm dần sự minh tuệ. Tưởng đến câu chuyện đẹp, ta cũng không thể gạt khỏi dòng nghiệp thức những câu chuyện xấu xa tội lỗi. Người thân yêu mất, ta luôn tưởng lại họ trong mọi cử chỉ hành động gắn chặt cùng mình, rồi tâm bệnh sinh thân bệnh chết dần mòn. Nghĩ về họ chẳng những ta buồn đau mà *họ* buồn đau gấp bội. Sự nghĩ tưởng là tham thuộc hạng hàng đầu. Ta không muốn buông sự tham đó. Nghĩ về một lần được vinh danh giữa đám bạn, nghĩ về một kỷ niệm đẹp,

nghĩ về dục vọng, ôi, thật điên đảo cái tâm này. Ôi! - tôi thường quán cái chữ này thật sắc và thật diễu nhại; "ôi, vọng tưởng phân biệt chấp trước cũng trói được ta trong lục đạo ư?!"

Không quán thân vô thường, pháp pháp vô ngã, ta niệm Phật đôi khi khiến *mây ngũ dục*, *mây ngũ ấm* càng kéo về dày đặc. Không thấy đời vô thường, ta vừa niệm Phật vừa tìm đường thoát khỏi Ngũ giới Thập thiện để rồi lạc vào cái gọi *phá chấp* vốn chỉ dành cho người đang hàng thâm pháp *vô ngã*. Vô ngã là gì? Là hạng người mà áo quần gọn gàng mặt mày sáng sủa vừa bước ra đường bất ngờ bị người ta tạt phân vào mặt, họ vẫn chỉ… cười thôi. Ta có ngã, có phân biệt và đầy mình chấp trước, niệm Phật dĩ nhiên sợ *vãng sanh*. Ta chưa thấu hai chữ vãng sanh nên cứ nghĩ nó là một cách diễn đạt khác của *chết*. Phật gia trì thọ mạng mỗi mỗi chúng sanh không hết lại ngắt bớt tuổi thọ của ai bao giờ. Ta sợ đạt công phu *thành phiến*, là điều kiện cần Phật tiếp độ. Ta sợ một ngày niệm Phật được nhất tâm tức là không còn nghĩ tưởng thế gian, sợ "chán" ta bà. Ta sợ đến một ngày không bè bạn không điện thoại, không tivi không internet ru rủ một mình. Ta cầu vãng sanh nhưng lúc nào cũng sợ "chứng", sợ phải rời bỏ chốn dung thân có cây bồ đề tỏa bóng trước hiên nhà, bạn bè thân quyến và biết bao cuộc hẹn bao dự định dở dang nữa. Ta đang phát

cái nguyện giả. Thực tâm không muốn thoát bể khổ. Ta không muốn ra khỏi chốn lấm bết bùn lầy. Bởi ta chưa nhìn thấu nó bùn lầy uế trược. Bởi ta chấp xà phòng thơm nước hoa ngoại ngày ngày thoảng trên tấm thân đáng tội. Ta nhăn mặt bịt mũi nhổ dãi vén áo quần là lượt khi vào đại tiện, lại không quán mình khác chi cái nhà xí di động chứa hầm phân và nghĩa địa chúng sanh. Ta vẫn muốn già muốn bệnh và muốn hấp hối đảo điên đã mới muốn cầu về nước Phật. Ta không muốn biết chính cõi này cũng là Cực Lạc. Chính ở cõi này nhiều vị tu chứng nhìn thấy chúng ta vàng ròng trong suốt, thấy vạn vật đều trang nghiêm thanh tịnh. Nhiều vị âm thầm sống trong niềm hỷ lạc vô biên khôn tận, âm thầm cứu rỗi linh hồn của vũ trụ. Chính do con mắt phàm của ta nhìn thế gian lắm nỗi. Chính do tâm vọng ta làm rối loạn tối tăm cảnh trần. Lúc gặp pháp niệm Phật lại tưởng mình cao sang không cầu hòa giải lại đối lập phân biệt với mọi người mọi sự mọi vật.

Chẳng xem nhẹ thân này, chẳng xem nhẹ dục lạc, chẳng thấm triết lý hết thảy chỉ là phương tiện như rau cháo qua ngày thì tu song dưới bề sâu tâm thức chẳng muốn ra ngoài tam giới; vẫn thấy cuộc đời này thật và còn rất tươi đẹp trong lúc mình vẫn thanh xuân. Vẫn công khóa đều đặn ngày vài thời, đi đứng nằm ngồi vẫn nhớ niệm

Phật nhưng vẫn còn ẩn giấu cái ý nghĩ cũng phải nhìn thế gian ngả màu thời gian đã rồi tính đến vãng sanh chưa muộn. Bởi chấp thân. Thân này lại chấp tài sản gia quyến. Ngay đến xả vật "của ta" vốn ở ngoài thân đã quá khó nói chi đến xả thân quý báu nô lệ nó hết mực này. Xả được tài, ít nhất bạn phải có ý nghĩ đang đi bỗng thấy từ trên ngôi nhà cao tầng tung xuống cả núi tiền, người người ùa tới đua nhau nhặt nhạnh, bạn sẽ đắm trong nỗi hân hoan như thấy trước mắt là người trẻ nô đùa tắm táp dưới một cơn mưa rào bất chợt. Phật từng bảo nếu thân này của ta sao không thể khiến nó trẻ mãi. Chấp thân là ta cũng như nhân viên ngân hàng chấp lượng tiền đếm mỗi ngày là của mình. Cái thân này, là nơi ẩn náu của tâm vọng. Còn hơn thế, thân chẳng những không là của ta như áo quần đang mặc, mà thân này cũng không phải *của* ta nốt. Nó thuộc về hư không. Ta mượn cái hư huyễn trú ngụ, niệm Phật cầu trở về Cực Lạc mà thôi.

Dựng lập những ý niệm này vững chãi thật chẳng dễ mấy ai: Con đã xong mọi chuyện thế gian. Vợ con, nhà cửa danh vọng đó song con đã sắp xếp ổn thỏa không lưu luyến; con muốn về cõi Tịnh bất cứ lúc nào Phật cảm ứng. Con muốn tu chứng ngay bây giờ ngay ngày mai; song hành với công phu niệm Phật tương tục, thành phiến. Niệm Phật, vấn đề ở chỗ tai có nghe rõ từng chữ

hay không. Nghe chữ thứ nhất trọn vẹn, ta phải níu lấy những vang động của *A* đó rồi nối vào chữ *Di*, chữ *Đà*, chữ *Phật* tiếp theo; nhất là khi tan mình trong mật âm của chữ Phật đang ngân vang, thì ta lại tiếp tục trở lại với chữ *A*. Đây là mức đầu tiên để ghép từng chuỗi lại với nhau, ba chuỗi, năm chuỗi; để một lúc nào đó câu Phật hiệu tương tục quyện lại giữa không gian. Nhược bằng ta niệm Phật mà tai không chậm rãi nghe rõ, dẫu niệm nhanh niệm chậm, dẫu niệm bao nhiêu thời gian, vọng niệm sẽ cuốn "A Di Đà Phật" đi thật dễ dàng. Ở đây cần một điều tối quan trọng: Đã qua giai đoạn bất chấp vọng niệm để gắn bằng được "máy niệm Phật" vào tâm, qua tiếp giai đoạn hòa giải vọng niệm, rồi khá nhuần việc phẩy qua chuyện thế tục dẫu hấp dẫn hay oan nghiệt đến đâu lội qua tâm trí; bây giờ với vọng niệm cần hơn cả *hòa giải*, là *Cảm Hóa*. Phiền não tức Bồ đề, Tham Sân Si tức Giới Định Tuệ. Chẳng như đoạn Si, không có nghĩa ta bứng gốc Si rồi trồng vào đó gốc Tuệ, mà ngay nơi *si* kia vừa mất chính là *tuệ* hiện tiền, không có trước không có sau. A Di Đà Phật dội vào, vọng niệm ẩy ra, cứ lấn qua lấn về không chừng đối kháng. Người ta đã "buông dao", bạn còn ở đó trui rèn giáo mác mà thánh chiến với vọng tưởng! *Vọng* rốt cùng cũng là "sinh mệnh"; niệm Phật với tâm từ bi vô hạn tự khắc Vọng sẽ được cảm hóa, sẽ hòa vào A

Di Đà Phật như mây hồng hư huyễn. Người nước ngoài chưởi ta, ta không biết tiếng nước họ sẽ không khởi sân giận. Chính vì ta lầm chấp vào tướng nội dung của nó. Tánh của vạn pháp là Không; pháp vọng niệm tánh của nó cũng Không. Nên chính vọng niệm cũng là "A Di Đà Phật". Các Tổ giảng niệm đến Sự/Lý nhất tâm thì hồng danh không còn tướng danh tự, niệm mà không niệm. Phật hiệu như con thuyền hoàn thành nhiệm vụ đưa vọng tâm trở về tự tánh mênh mang.

Ấy là điều khó. Nên trước hết trở về niệm Phật với tâm thiết tha được về cõi Tịnh, với lòng cảm ân sâu xa mười phương chư Phật - điều này đôi khi quan trọng chẳng thua việc trì niệm. Căn nền vẫn ở chữ Buông. Buông mới mong thể nhập nghĩa chân thật kinh điển, sẽ không còn thấy gì trong thế gian hấp dẫn hơn pháp lực nữa. Cái cảm giác được trở về làm rung động sâu xa tâm khảm. Một danh sách dài dặc những người từng gặp dẫu thoáng qua danh vị, như cái máy dò tìm thấy không dừng lại ở dòng tên nào khởi lên vướng mắc. Ta bắt đầu chuỗi ngày thấy ai cũng đã "trở về" với mình như sự hội ngộ trong một ngày xuân tươi mới.

Thử vẽ ra một con sông, bên này cõi uế, bên kia cõi Tịnh. Có Buông nghĩa là ta *một mình* đứng ở bờ bên này *sẵn sàng* qua sông. Là lúc đã thấm thía Khổ Không Vô Thường. Bỗng thấy giữa sông

có những chỗ tiền trạm, bắt đầu là cái chòi có oan gia trái chủ ẩn nấp, rồi đến túp lều có ma vương đang thưởng trà, tiếp đến là chỗ các bậc tổ sư đại đức. Nếu theo Bát Nhã tức phải một cú nhảy vọt qua hết thảy đến thẳng trước Phật bên kia bờ. Nghĩa là trước đó ta đã một mình lầm lụi quãng đường rất xa từ ngôi làng thân thương đến chỗ đang đứng, chứ không phải vướng theo thân quyến và rất nhiều đồ đoàn đến đó. Ý muốn ra ngoài cõi khổ, ý muốn gặp Phật A Di Đà bừng cháy trong ta. Bấy giờ, hãy thực hiện cú nhảy. Còn không ta mới tiền trạm ở cái chòi đầu tiên đã bị các "chủ nợ" quẳng xuống nước (chướng duyên, lâm bệnh ngặt nghèo, tai nạn, hễ ngồi xuống thì vọng tưởng trào sôi cuốn phăng chánh niệm, cuốn phăng câu Phật hiệu lúc nào chẳng hay; thì ta phải trở về tu lại Lục hòa kính, Thập thiện, Ngũ giới, Tứ chánh cần, Tứ niệm xứ, tu kỹ Lục độ và hơn hết là Hiếu thân tôn sư, tu hạnh nguyện Sám hối nghiệp chướng, Phổ Hiền hạnh nguyện. Đến lúc ra đường gặp ai kể cả loài vật ta cũng chừng muốn bật khóc, cũng có cảm giác muốn cúi lạy. Rồi thỏng tay vào chợ. Với ta lúc này sở học thế gian bụi bám, bể học thánh hiền rêu phong, đến cả Phật pháp nửa chữ cắn đôi cũng Không nốt; ta mãi miết dạo "trên lối mòn thỏ chạy" cho tới khi người người đoan quyết, ồ cái tướng ấy trông khờ khờ làm sao, cái tướng ấy trông hao hao Bờm quá; giữa rừng dục phấp phới ta không còn lung lay bởi *tám gió*. Vậy xem như Buông rồi, tự tại hướng về bờ sông để thực hiện lại bước nhảy cuối cùng.

TÁC GIẢ

Nhà văn Nhụy Nguyên tên thật là Trần Nguyên Sỹ
Quê quán: Phù Lưu - Lộc Hà - Hà Tĩnh
Hiện công tác tại Tạp chí Sông Hương
Tác giả từng viết đều ở các thể loại:
thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, tùy bút, tiểu luận.

MỤC LỤC

Phần I: THẬT CÓ TA KHÔNG?
1. Lẫy lừng lâu đài ảo ảnh 2
2. Thật có ta không? 17
3. Lành thay nếu được là học trò của Đức Phật 37

Phần II: DIỆU PHÁP TRONG THỜI MẠT
4. Nghĩa kinh ứa lệ 48
5. Hoài nghi lời Phật, hành giả đi về đâu? 64
6. Con khỉ lại thức trong mỗi giấc thiền 80
7. Hướng tâm về miền sang 88
8. Soi gương chẳng thấy nổi mình 101
9. Diệu pháp trong thời mạt 115
10. Một ngày sực nhớ quê hương.. 131

Phần III: MỘNG THOÁT LUÂN HỒI
11. Phá giới, phá chấp và phá kiến 147
12. Mảng tối dưới chân đèn 170
13. Mộng thoát luân hồi 191

Mong muốn pháp được lưu truyền rộng rãi, tác giả và nhà xuất bản không giữ bản quyền sách. Giá bán khi độc giả đặt mua là giá thành tối thiểu của Amazon nhằm trang trải chi phí in ấn cho một quyển theo hình thức POD (Print on Demand).

Proof

Printed By Createspace

Digital Proofer